

• HỌC-VIÊN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH

LUẬN-VĂN TỐT-NGHIỆP
BAN CAO-HỌC HÀNH-CHÁNH
KHÓA II (1966 - 1968)

VẤN-ĐỀ HOA-KIỀU TẠI VIỆT-NAM

THƯ-VIÊN QUỐC-GIA
VIỆT-NAM
Số 1402

Giáo-sư TRẦN VĂN ĐÌNH

HƯỚNG DẪN

THƯ-VIÊN KHOA HỌC TỔNG HỢP
LVHC 1402

HỌC-VIÊN QUỐC-GIA HÀNH-CHÁNH
Số 1921
Ngày 1-9-68

Sinh-viên LƯU TRƯỜNG KHƯƠNG

ĐỀ TRÌNH

KHÔNG XUẤT
KHỎI T.V

KHI CON CHIM CẮT CÁNH BAY ĐI
NÓ LÀM CHO GÀNH CÂY CONG XUỐNG

victor-hugo

+) (

(1) * Kính dâng quê hương Việt Nam đau khổ ?

o(

* Gửi về nơi chôn nhau cắt rốn

" Bắc Liêu là xứ quê khờ
Dưới sông cá chớt trên bờ Triều Châu "

(2) * Chân thành ghi ra đây lời tri ân sâu xa

Giáo sư TRẦN VĂN ĐÌNH

đã hướng dẫn, nâng đỡ, khuyến khích
tôi rất nhiều trong việc hoàn thành
thiên khảo luận này.

(3) * Kính mền tặng

- Gs Nguyễn văn Bông, Viện Trưởng Học Viện QGHC
- gs Nghiêm Đẳng, Phó Viện Trưởng Học viện QGHC
- gs Vũ quốc Thông
- gs Nguyễn văn Vàng
- gs Nguyễn duy Xuân
- gs Trần văn Bình
- gs Bùi quang Minh
- gs Trần văn Kiên
- gs Nguyễn anh Tuấn
- gs Vũ uyển Văn
- gs Nguyễn ngọc Huy
- gs Nguyễn văn Tương
- gs Tạ văn Tài
- gs Nguyễn như Cường
- gs Nguyễn mạnh Hùng
- gs Nguyễn thị Huệ
- gs Trần văn Đĩnh
- gs Lâm văn Sĩ
- gs Lê đình Nho
- gs Trần văn Phò
- gs Lương thọ Phát
- gs Bùi quang Khánh

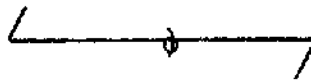
ghi nhớ 5 năm thụ huấn tại Học Viện.

(-)
(-) (-)

(4) ★ Thành thật cảm ơn

- Ô. Nguyễn ngọc Thơ, nguyên Phó Tổng Thống VNCH
- Ô. Nguyễn văn Vàng, nguyên Đặc ủy Trưởng Trung Hoa Sự vụ.
- Ô. Lý quý Phát, Phó Đô trưởng toà Đô chánh
- Ô. Đoàn văn Bích, Tổng thư Ký, Toà Đô chánh
- Trung Tá Đào quang Hiến, nguyên Giám Đốc Nha Nội an Bộ An ninh.
- Ô. Giám đốc Nha Báo chí Bộ Thông Tin
- Ô. Giám Đốc Nha tư thực Bộ Giáo dục
- Ô. Chánh sự Vụ sở Ngoại Kiều Tổng Nha CSQG.
- Ô. Phó Chánh Sở Ngoại kiều, TN/CSQG
- Quý vị giới chức Bộ Canh Nông, Giao Thông Vận tải, Công Kỹ nghệ, thương mại, Kinh tế, tài chánh, ngoại giao, nội vụ.
- Các bạn thân Lê văn Bình, Lưu văn Cửa, Lê thái Khương, Trần nhứt Thăng, Nguyễn tiến Thịnh, Vũ Công, Phan đình Diêm, Đỗ duy Chí, Huỳnh kim Thoai, Nguyễn văn Tiết, Phan thanh Ngỏ, Hồ hoàng Nhựt.

đã giúp đỡ tài liệu, cho ý kiến, khích lệ tôi sưu tập, viết và đúc kết luận văn này.



(5) * Tặng

Lê văn Danh
Lê văn Đức
Nguyễn hữu Chung
Lê văn Nhung
Lý quý Chung
Nguyễn văn Chơn
Nguyễn linh Khâm
Nguyễn hữu Hiệp
Lưu văn Dũng
Nguyễn văn Phùng
Nguyễn khắc Mẫn

(6) * Kính dâng Ba đã cho con biết những đắng cay của cuộc sống, đã dạy con bài học phần đầu.

* Kính dâng Mẹ hiền, đã khóc nhiều vì con.

+ Tặng anh chị cả Lưu Trường Ninh

+ Thân yêu gửi 3 em

Lưu Trường Kiên
Lưu thị Liên Đăng
Lưu Trường Thọ.

+ cho BÍCH LAN, mặt trời và nguồn suối của anh.

DÀN BÀI CHI TIẾT

---*+*+*+*---

- * Thay lời tựa
- * -Dàn bài chi tiết
- * Phần Dẫn nhập
- * Phần thứ nhất : Người Hoa Kiều trong khung cảnh VN.
 - Chương I : Sự xuất hiện của cộng đồng Hoa kiều tại VN
 - Tiết I : Làn sóng di dân Trung Hoa trong thời quân chủ
 - Tiết II : " " " trong thuộc Pháp
 - Tiết III : " " " từ sau ngày độc lập 1954.
 - Chương II : Vài sắc thái của cộng đồng Hoa kiều tại VN
 - Tiết I : Xã hội Hoa kiều trong thời quân chủ
 - 1. Tại Bắc Phần
 - 2. Tại Trung Phần
 - 3. Tại Nam Phần.
 - Tiết II : Xã hội Hoa kiều tại VN trong thời Pháp thuộc
 - 1. Phương diện tổng quát
 - 2. Phương diện xã hội
 - 3. Phương diện kinh tế.
 - Tiết III : Xã hội Trung Hoa trong thời hiện tại và cận đại
 - 1. Cận đại (1954-63)
 - 2. Hiện đại(1963-68)
 - Chương III : Vài ảnh hưởng của cộng đồng Hoa kiều tại VN
 - Tiết I : Về phương diện xã hội
 - 1. Một khó khăn cho sự hoà đồng
 - 2. Một tệ đoan xã hội trầm kha
 - 3. Một vòng lẩn tránh tham nhũng
 - Tiết II : Về phương diện kinh tế
 - 1. một đe dọa cho chủ quyền kinh tế
 - 2. một bất an cho mức dân sinh
 - Tiết III : Về phương diện chính trị
 - 1. Trục đỏ ở Bắckinh - Namvang - Chợlớn
 - 2. Trục xanh Đailoan- Saigon - Chợlớn.
- * Phần thứ hai : Chính sách đối với Hoa kiều tại VN
 - Chương IV : Trình bày chính sách đối với Hoa Kiều
 - Tiết I : Chính sách trong thời quân chủ
 - 1. Chính sách trước thế kỷ 18
 - tuyển định cư trú đời Lê Lý Trần
 - Kiểm soát về đồng hoá đời Hậu Lê.
 - 2. Chính sách từ thế kỷ 18 đến hạ bán 19
 - bùng bít và nghiêm ngặt của họ Trịnh ở Bắc
 - hoà hiếu và khai phóng của chúa Nguyễn trong Nam.

..//.

- Tiết II : Chính sách trong thời Pháp thuộc
1. giai đoạn áp đảo từ 1886 đến 1912 Thoả Ước
Thiên Tân 1886
 2. giai đoạn hoà hoãn -1912 đến 1944 Thoả ước
Nam Kinh 1930
 3. " " nhượng bộ - 1944 đến 1949 Thoả Ước
Trùng Khánh 1946
 4. " " cứng rắn - 1949 đến 1954.
- Tiết III : Chính sách trong thời độc lập từ 1954-1963
1. Những nét quan yếu: (- Vấn đề quốc tịch
(- vấn đề đồng hoá
(- vấn đề kinh tế
 2. Phản ứng của Trung Hoa
 - Phía Hoa kiều
 - Phía chính quyền Trung Hoa
 3. Thành quả đạt được.
- Tiết IV : Chính sách từ sau ngày Cách mạng 1963.
- Chương V : Nhận xét về chính sách đối với Hoa kiều
- Tiết I : một chính sách rời rạc và bất nhất
1. rời rạc trong không gian
 2. rời rạc trong thời gian
- Tiết II : một chính sách thiếu thực tế
1. chưa chuẩn bị về lý thuyết
 2. chưa chuẩn bị về nhân sự và tâm lý
- Tiết III : một chính sách chưa được đặt đúng tầm quan trọng
1. chưa được học tập về chuẩn bị
 2. chưa được theo dõi và đôn đốc
 3. chưa được kiểm soát và lượng giá.
- Chương VI : một giải pháp cho chính sách đối với Hoa kiều tại VN
- Tiết I : những nguyên tắc điều hướng cho chính sách
1. phá vỡ tổ chức
 2. phá vỡ nếp sống
 3. phá vỡ ý chí
- Tiết II : một giải pháp cho vấn đề Hoa kiều tại VN
1. Tái lập 1 cơ quan đầu não
 2. Tái tục 1 chính sách dứt khoát
 3. Tái tuyển 1 hệ thống cán bộ nhiệt thành.

* Phần kết luận

* Thư tịch.

/ H A Y . / Ò I TỰ A

Thời còn dưới Trung học, trong những giờ sử, học về 2 cuộc thế chiến, điều làm tôi suy nghĩ nhiều hơn cả, không phải vì con số nhà cửa, nhân mạng, chiến sĩ, thường dân, bỏ mình vì bom đạn lớn lao to tát, nhưng mối ưu tư đè nặng tâm hồn tôi trong suốt quãng thời gian từ bấy đến nay là 2 cuộc binh đao này đều có người Đức đứng tay vào việc khơi mào và gieo rắc tang tóc, thảm họa.

Vị giáo sư sử học, già, khắc khổ, dăm chiêu, thường nhấn nhủ tôi và điều này làm tôi không thể nào quên được.

Ông nói : " Nếu 3 người Đức họp lại thì họ có 1 đạo quân, 3 người Áo họp lại thì họ có 1 ban nhạc, và 3 người Trung Hoa họp lại, họ dựng nên 1 cửa hiệu thương mại".

Nhận xét gầy gọn quá mà cũng hàm xúc quá.

Nó đã cho tôi 1 ưu tư, không nhỏ về dân tộc tính của từng nước, nhưng không phải chỉ có vậy.

Ngoài việc nhấn mạnh đến tính hiếu chiến của người Đức, sính nhạc của dân Áo, óc thương mại của người Trung Hoa, nó còn ám ảnh tôi mãi về sau này của những va chạm với thực tế, những tiếp xúc nhận được, cảm được, và lo lắng được về những dữ kiện xung quanh đang làm đình trệ bước tiến của dân Việt trên đường giành lấy độc lập, tự chủ, phục hưng kinh tế và duy tân xứ sở.

Dân tộc nào gặp phải nạn nhân mãn và hằng tự thi về vốn liếng thông thái của chủng tộc mà không khởi xướng một cuộc chiến tranh để tìm không gian sinh tồn (espace vital) và tiêu diệt các sắc dân hạ tiện khác như Đức Quốc?

Dân tộc nào, quần tập bên bờ lau lách trữ tình Danube mà không cảm được, yêu được tiếng réo của thủy triều dâng lên 2 bên bờ sông thơ mộng, nhịp nhô những cánh buồm gọi nhớ, lồng lộng tiếng hát ca ngợi thiên nhiên Flots du Danube, Le beau Danube bleu ?

Dân tộc nào đông như kiến cỏ, đói kém, thiên tai, nghèo khó như Trung hoa mà không có óc hợp quần, tinh thần đại đồng và ý hướng vươn dậy trong thương mại, 1 dịch vụ giao hoán trung gian, nhẹ nhàng, dễ dãi, nhất là không liên hệ tí gì đến công cuộc sản xuất trên 1 mảnh đất vốn cần cõ về nông nghiệp, nghèo nàn vì núi cao sông rộng, khô khan vì sa mạc băng chảy, đông tuyết mịt trời ?

Nhưng đó chỉ là 1 nhận xét.

Tôi vừa nói, điều quan hệ chính là mối ưu tư bắt nguồn trên những dữ kiện thực tế về khung cảnh hiện hữu của 1 Việt Nam, vừa qua giai đoạn đô hộ, lại bước sang nội loạn, vừa giành lại chủ quyền chính trị, lại vấp phải những áp lực nội tại mà đáng kể nhất là những trì lực kinh tế xã hội đã gây khó khăn không nhỏ cho việc canh tân guồng máy sản xuất phân phối và tiêu thụ trong nước.

Trì lực đó chính là sự hiện diện của 1 cộng đồng Trung hoa với kết cấu toàn hảo ở các thị trấn lớn, tồn tại một cách có kỷ luật ở các tỉnh lẻ, đã, đang và sẽ trở thành mối quan tâm đáng kể cho những nhà hoạch định bây giờ, sau này trên đường đi tìm phác họa một nẻo hướng tương lai sáng sủa, tự duy tự phát cho dân tộc Việt.

- Vấn đề Hoa kiều ở Việt Nam là 1 vấn đề lớn.

Nếu phải xếp thứ tự, nó chỉ đứng sau công cuộc chặn đứng sức bành trướng của chủ thuyết Cộng sản.

- "Vấn đề Hoa kiều ở Việt Nam", hơn thế, còn là 1 vấn đề khó khăn và tế nhị.

Khó khăn vì nó hiện diện đó, sừng sững như 1 trở lực, lồ lộ như 1 cám dỗ cho nạn tham nhũng, chón chớ như 1 thách đố có đầy đủ tầm vóc, kích thước.

Tế nhị vì nó tiềm tàng, lẩn khuất và lúc nào cũng vững như "con lật đật" (poussah), bị xô ngã đấy nhưng tìm ngay lại thế quân bình đấy.

Càng tế nhị hơn vì công tác vận động cần nhiều thuyết phục hơn là cưỡng chế, cần hoà đồng bằng những phương thức văn hoá xã hội hơn là chính trị pháp lý.

Tôi nghĩ, tìm thấy sự thật rất dễ, khó chăng là thấy rồi mà không trốn chạy.

Có thể, tại Việt Nam, vấn đề này bị chìm ngập trong khối công tác đập hàng ngày vào mắt : xây dựng, tuyên truyền, kiến thiết, cứu trợ

Có thể, tại Việt Nam, không thiếu người có can đảm mở xẻ vấn đề và đặt hẳn 1 trách nhiệm trước dư luận, nhưng điều người ta biết là thật : chưa có 1 chính sách thích hợp và hiệu quả để giải quyết "Vấn đề Hoa kiều" nói trên.

Trong hạn hẹp của thiên khảo luận qui phạm này tôi không muốn làm công việc dứt khoát với quá khứ.

Tôi nghĩ chính sách nào cũng hay ho cả, nhưng lý thuyết chỉ là dòng chữ mạ vàng, quan trọng chính là con đường đưa dẫn từ lý thuyết đến thực tế.

Trên đó, tôi mơ 1 lớp chỉ huy sáng suốt, can đảm trước mọi thách đố, nhận chịu hi sinh cũng như biết uyển chuyển dung hoà lý thuyết và thực tế, và nhất là có đầy đủ QUYỀN HẠN cùng TRÁCH NHIỆM.

Trên đó, tôi ước cần có 1 lớp cán bộ nhiệt thành, hăng hái, biết hướng dư luận và hiểu rõ mình muốn gì, dân tộc muốn gì !

Tôi đã nói, những phác hoạ trước đây đều qui về 1 cứu cánh tốt đẹp, kết hợp và hoà đồng. Khối Hoa kiều gần 1 triệu sinh sống tại Việt Nam, nhưng thực tế chứng minh, chính sách chỉ là chính sách nửa vời, thành quả chỉ gượng bó, khiêm nhường.

Đặt vấn đề Hoa kiều để mở xẻ lại, tôi chỉ mong đóng góp nhỏ nhoi này, chỉ là 1 tiếp nối những thực tế còn dang dở.

Trong giới hạn khả năng, dĩ nhiên, không thể nào tôi tránh khỏi những cái nhìn chủ quan, những nhận xét võ đoán; nhưng tôi hi vọng bằng sự trung thành với chính mình, bằng sự tôn trọng sự thật, tôi đã nghĩ và đã viết.

Trên hai nguyên tắc căn bản đó, tôi sẽ trở về quá khứ với những bước đi tò mò, thận trọng và quay lại hiện tại với cái nhìn cân nhắc vô tư.

✓ àigon
mùa Thu Mậu Thân

1) HẠN DẪN NHẬP

_____o

o(

THƯ-VIỆT QUỐC-GIA

Khi hội nghị Yalta còn đang tiếp diễn, bên trong những thoả thuận và thân mật của phe Đồng Minh, người ta đã thấy ngấm ngấm phát hiện một mối lo lớn, một dấu hiệu khác lạ.

Dấu hiệu đó chính là nguy cơ Quốc xã lần lần diu bớt đi nhưng nó lại được thay bằng 1 nguy cơ khác : sự chia rẽ tất hữu giữa tập đoàn cộng sản và lực lượng Đồng Minh.

Người ta đã đoán đúng.

Khối Cộng đang lớn và đang đe dọa nền hoà bình thế giới. Biến cố Bá Linh, cuộc binh biến ở Hung là những dấu hiệu bi quan.

Càng bi quan hơn khi vào giữa năm 1949, Mao Trạch Đông đã đánh bật Tưởng giới Thạch ra khỏi lục địa.

Lúc đó, Trung Cộng vẫn còn rất yếu, nhưng với dân số quá đông đảo (600 triệu năm 1954) người ta vẫn lo ngại một ngày nào đó con hổ đỏ Trung Hoa mọc nanh nguyên tử, ngày ấy hoà bình thế giới bị hăm dọa.

Tuy nhiên, bên cạnh những e ngại vật chất, thế giới vẫn lên cơn sốt về những toan tính xâm lăng của họ Mao.

Văn minh Trung Hoa đang đi tìm những hào quang cũ. Lúc trước nó đổ vỡ vì tòn cổ, bung bít, ngày nay tượng Đức Khổng đã bị hạ bệ, kinh điển Mao Trạch Đông được coi là ưu việt.

Quan niệm một đế quốc, 1 thái dương hệ chính trị mà Hoa lục là định tinh đem đến cho mọi người 2 mối lo.

Thứ nhất là quan niệm phòng thủ. Họ Mao không bao giờ chấp nhận một đe dọa nào xung quanh vùng ảnh hưởng.

Cũng như Che Guevara đã chết vì muốn tạo 1 ung nhọt Bolivie sát nách Hiệp chúng Quốc, Lào, Việt Nam là 1 tương tự.

Nhưng nhượng bộ của Kennedy năm 1961 ở Lào, là sự thoả thuận để cùng tránh đụng độ trực tiếp giữa Mỹ và Trung Cộng.

Trái lại ở Việt Nam, nó là một tranh chấp rõ rệt.

Với Mỹ, Việt Nam là 1 tuyến đầu chống Cộng (thuyết Domino) của thời đó, với Trung Cộng Việt Nam là 1 cái gai trước mắt cần nhổ bỏ, vì vậy người ta không lạ khi thấy trong thế giới cộng sản, Hoa lục là nơi xuất phát nhiều vũ khí viện trợ nhất cho Bắc Việt trong âm mưu nuốt trứng miền Nam, xích hoá cái mà 1 thời Tây Phương vẫn gọi là tiền đồn chống Cộng.

Thứ hai là quan niệm tấn công.

Cũng như người ta đi tìm hoà bình bằng cách sản xuất khí giới chiến tranh, Mao Trạch Đông đã phòng thủ tích cực bằng những vận động tấn công âm-ĩ, ngầm ngầm.

Ngoài cố gắng tranh giành ngôi vị đàn anh trong khối Cộng sản, họ Mao còn nghĩ đến việc bành trướng thế lực, cuốn hút những quốc gia vệ tinh xung quanh vùng ảnh hưởng.

Vùng đó là Châu Á.

Á Châu với dân nghèo, với mặc cảm bị da trắng thống trị, với tinh thần quốc gia quá khích là mảnh đất màu mỡ cho hạt giống này mầm.

Do đó từ Rangoon đến Chợ Lớn, từ Djakarta đến Nam Vang, những cuộc vận động trong bóng tối, ngầm ngầm cổ xúy cho chủ thuyết Mao Trạch Đông đang lớn và đang trở thành mối lo âu chung cho Đông Nam Á.

Cũng lo âu hơn khi bối cảnh lịch sử và địa lý đã để lại trên hầu hết các quốc gia vùng này mấy mươi triệu kiều dân Trung Hoa, thiên cư và định cư từ hơn 3 thế kỷ nay.

Tập thể đó, sẽ là một lực lượng thứ 5 hỗ trợ cho âm mưu xâm thực ảnh hưởng của Trung Cộng.

Chiến thuật của Hoa lục là tung cán bộ vào những nước Đông Nam Á để sách động lôi kéo tập thể Hoa kiều về phía xã hội chủ nghĩa, dành 30 ghế nghị sĩ tại Quốc hội cho Hoa kiều hải ngoại, dùng sách thuật công tâm (Kung sing) có nghĩa là công phá nhân tâm

để mua chuộc hãm dọa, khủng bố tinh thần nhóm kiều dân nào tư tưởng còn thiên về Đài Loan.

Trong 2 cơn xoáy của quan niệm phòng thủ và tấn công đó, Việt Nam là nước chịu nhiều ảnh hưởng nhất.

Trước tiên, Việt Nam có biên giới thiên nhiên một phần tiếp giáp, phần khác quá gần gũi với Trung Cộng.

Thứ nữa, khúc quanh lịch sử bất ngờ đã chọn nước ta làm ngôi nỏ đầu tiên (và hi vọng cuối cùng) cho sự tranh chấp Mỹ - Trung Cộng.

Vì vậy đặt "vấn đề Hoa kiều ở Việt Nam" làm trọng tâm nghiên cứu là một động tác vừa hứng thú vừa thiết thực và ích lợi.

Nghiên cứu là một động tác hứng thú vì thứ nhất, tìm hiểu làn sóng di dân. Trung Quốc từ xưa đến nay, âm thầm nhưng lũy triển chúng ta sẽ bắt gặp đâu đó trên dòng lịch sử những vinh nhục của non sông, những cương quyết cũng như mềm dẻo trong chính sách đối với Hoa kiều thời trước.

Chúng ta sẽ nhìn lại nỗi nhục của 1.000 năm đô hộ trong đó quê hương này nhỏ bé gọi lần lượt gọi tên Văn Lang, Giao Châu, Giao Chỉ, An Nam ... là một xẻo đất thừa để ông anh Trung Quốc làm nơi vất đi những phần tử bất hảo: tù nham, tội đồ, trộm cướp bị lưu đày hay bỏ làng mà đi vì sợ xấu hổ.

Chúng ta sẽ tìm lại niềm vinh, khi thấy Bình Định Vương Lê Lợi, các tiên vương triều Lý Trần ý thức được nguy cơ bành trướng của tập thể Hoa kiều tại Việt Nam, đã gom họ lại trong vài địa điểm để tiện bề kiểm soát, bắt họ cắt tóc, may mặc ăn ở theo phong tục dân ta.

Niềm vinh đó còn thể hiện qua nhiều giai đoạn lịch sử trong đó Nguyễn Hiền đã tiếp thu các hàng tướng nhà Minh chạy loạn sang nước ta, dùng họ như 1 công cụ khai hoang, khẩn địa.

Nỗi nhục đó còn thể hiện qua thời thuộc Pháp. Trên những lầm than của dân chúng, người Hoa kiều vui vẻ trục lợi, thực dân lại còn dung túng và khuyến khích làn sóng di dân để mượn tay họ khai thác thuộc địa.

Nghiên cứu là 1 động tác hứng thú vì thứ hai bên trong âm thầm của sự đồng tồn tại Hoa Việt trên giải đất chữ S này có nhiều khía cạnh cần được đưa ra ánh sáng.

Với người dân điều này chẳng ích lợi gì cả, vì mấy đời pha giống, hôn nhân hỗn hợp Hoa Việt đã cho họ thành tự nhiên khi gặp gỡ, nói năng, thù tạc với Hoa kiều. Nhất là ở miền Tây, nó không phải là một sự khổ chịu, nó là 1 điều quen mắt.

Tuy nhiên, thỉnh thoảng, về đêm, buồn, rảo bước trong Chợ lớn, tôi vẫn có cảm tưởng là đang đi trên vùng đất nào xa lạ, những tà áo chipao, sườn sấm xẻ đến đùi, trong đầu tôi như 1 hình ảnh nào lạc lõng. Tôi thêm nhìn một vóc dáng bà ba trắng trong nắng chói miền Nam, 1 cánh áo tứ thân trong mưa phùn đất Bắc :

" Mưa phùn ướt áo tứ thân
Mưa bao nhiêu hạt thương bầm bấy nhiêu".

Tuy nhiên, nhìn vào nếp sinh hoạt nhân dân 100 năm trở lại đây, tôi biết, hút thuốc phiện không phải là thứ phát sinh từ trong lòng đất nước, nạn tham nhũng không phải là yếu tố bầm sinh mà giới hành chánh chúng tôi đang gánh tiếng thị phi.

Tôi biết, cũng như nạn cá mưa ở Nam vang, đề 36 con tại miền Nam thời tiền chiến, tài xỉu, số đuôi ở miền Tây hiện nay không phải là trò sát phạt do người Việt phát minh.

Nó đi từ trong đầu người Hoa kiều ra, làm ung hoại trật tự xã hội.

Tôi vừa nói, sự vui vẻ cộng sinh giữa người bản xứ và Hoa kiều trong suốt nhiều giai đoạn thăng trầm của lịch sử, không thấy một dấu hiệu nào bất hoà. Nói thế không có nghĩa là bản sắc cộng đồng Hoa kiều tại Việt Nam rất gần gũi với dân Việt.

Thực tế trái lại hẳn.

Có người vẫn cho là : Việt và Hoa là 2 dân tộc "đồng văn đồng chủng", tôi không thấy gì là sai, nhưng sự đồng tồn tại của Hoa kiều trên giải đất này so với dân Việt vẫn là 2 chiều đường sắt chạy song song mãi tới chân trời, trừ khi chúng ta đồng hoá được họ, hoặc chúng ta bị diệt chủng.

Điều thứ nhất si cũng mơ ước và điều thứ hai không bao giờ xảy ra. Trưng Vương, Triệu Ẩu, Ngô Quyền, Lý thường Kiệt, Lê Lợi, Quang Trung đã thay lịch sử mà chứng minh từ lâu rồi.

Tập thể Hoa Kiều ở Việt Nam, tự nó đã là 1 môi trường biệt lập và độc lập.

Họ sẵn sàng thích nghi với hoàn cảnh xung quanh để gây tạo một thái độ thông cảm, thân thiện nhưng bao giờ họ cũng tự duy trì cho mình một bản sắc đặc thù độc đáo.

Không riêng gì tại xứ ta, mà trong toàn vùng Đông Nam Á, bản sắc đó mang những địa danh điển hình, đọc lên là nhớ đến họ : Chợ lớn (Việt Nam), Pontianak (Indonésia), Singapour (Tân gia Ba...)

Bản sắc đó mang những nét độc đáo từ cách khu xử, tương trợ, thù tạc, tình tự, thờ cúng, nhất nhất đều rập khuôn theo văn hoá Trung Hoa.

Nói dễ hiểu hơn, dù ở Java, Penang, hay Sóc Trăng, ngày MERDEKA, 1-11 với họ không phải là Quốc khánh, Quốc khánh là ngày Song thập 10-10 kỷ niệm Cách mạng Tân Hợi 1911 của Tôn dật Tiên.

Với họ, ngày rằm tháng 8 âm lịch phải có bánh Trung Thu nhân vi cá, đậu đen, thập cẩm, ngày Tết âm lịch phải có múa lân

Nghiên cứu là một động tác hứng thú vì, điểm thứ ba, ảnh hưởng Hoa kiều tại Việt Nam lẽ động tổ đáng kể.

Nhắc đến họ là phải nhắc đến tinh thần tương trợ khẩn khít, sự tín nhiệm trên khẩu ước, óc tháo vát và giỏi chạy chọt hành lang (lobbyism), óc đầu cơ....

Biết được ngần ấy đức tính nổi bật của tập thể Hoa kiều hải ngoại, chúng ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy không riêng gì Việt Nam mà trong toàn vùng Đông Nam Á, guồng máy kinh tế đều rơi vào tầm tay áp đảo và chi phối của Hoa Kiều.

Năm 1938, tổng số đầu tư của Hoa kiều tại Thái lan là 100 triệu Mỹ Kim so với tổng số đầu tư của ngoại kiều khác là 124 triệu.

Người Trung Hoa chiếm đến 98 xí nghiệp lớn tại Thái Lan, gần gấp đôi số xí nghiệp do người bản xứ điều khiển (56).

Tại Miến, lợi dụng lúc phong trào hạn chế hoạt động người Ấn đang phát động sau thế chiến thứ 2, Hoa kiều đã len lỏi vào guồng máy nội thương và thay thế ngay người Ấn.

Riêng Việt Nam ta, sự lũng đoạn thị trường do Hoa Kiều chủ động không ngừng tiếp diễn.

Trong những năm kháng chiến, từ 1948, 1949 đến 1954, phần lớn người Việt chưa hồi cư được nên địa vị then chốt trong hệ thống thương mại đều do người Tàu nắm giữ.

Mỗi một lần chính biến, rối ren, là vật giá thì nhau leo thang.

Hiện trạng này gần tự nhiên quen thuộc như nói đến mùa xuân người ta nghĩ đến hoa, mùa thu đến trà và nhắc đến đầu cơ là nhớ tới gian thương Hoa kiều.

Trong phần trên, tôi vừa đề cập đến 3 điểm lý thú khi đem đặt thành khảo hướng nghiên cứu : " Vấn đề người Hoa kiều tại VN".

Sự nghiên cứu ngoài tính cách lý thú, còn nhiều ích lợi thực tiễn mà tôi nghĩ rằng phân tích xong, không một nhà hoạch định nào không biết tâm theo dõi.

Tôi muốn nói đến việc đi tìm một chính sách hợp lý, hữu hiệu để giải quyết vấn đề chủ quyền kinh tế, vấn đề đồng hoá và nhất là đối phó với âm mưu thôn tính của Trung Cộng toàn thể vùng Đông Nam Á mà Việt Nam là 1 chủ thể nạn nhân.

Chính sách đó nhìn chung thật là hời hợt, lỏng lẻo.

Thời quân chủ chỉ hạn chế di chuyển chứ không hạn chế xâm nhập.

Thời thuộc Pháp, quyền lợi và sự thuận nhất dân tộc đã bị bỏ xó, chính sách là sự đồng thuận thoả hiệp giữa Ba lê và Bắc kinh, thế nên ảnh hưởng di hại về sau này khi giành được chủ quyền

độc lập, thật là to tát, các nhà lãnh đạo phải cố gắng hết sức mới vượt qua mọi trở lực thử thách trên đường đồng hoá, hội nhập tập thể Hoa kiều vào cộng đồng rộng lớn Việt Nam.

Một điểm khác về phương diện chính trị, khối lượng Hoa kiều tại Việt Nam là 1 thách đố cho chính quyền trên đường giành lại thế chủ động đối nội và đối ngoại.

Không một luận cứ chắc chắn nào để tin rằng Hoa kiều tại Việt Nam, cùng chia sẻ những nhọc nhằn trong giai đoạn khai phá Thủy chân Lạp đã có thực tâm muốn hoà đồng và cộng tồn.

Đĩ nhiên, cũng có 1 số ít người Minh hương và thổ sinh vẫn chấp nhận sự sống chung hiếu hoà và thuận thảo nhưng đa số còn lại, thường chịu sự chi phối của 2 khuynh hướng rõ rệt chế ngự tâm lý đó để duy trì ổn định trong đời sống ngoại giao là cả một vấn đề.

Một số Hoa kiều thì hướng về Bắc kinh như là một quê hương gần gũi để bù đắp cho mặc cảm hèn kém trong đầu thế kỷ 20, để tìm lại sự kiêu hãnh được thấy nước Trung Hoa trở thành cường quốc có quyền ăn nói trên trường quốc tế, cũng như hi vọng chính phủ Trung Cộng sẽ ủng hộ và bảo vệ họ đối phó với chính sách chống Hoa kiều khắp nơi.

Một số quay về Đài Loan như là 1 sn ủi tạm bợ rằng, ít ra cũng còn trên 10 triệu đồng bào ở cố quốc êm ả về bảo tồn trật tự giáo lý Khổng Mạnh, nhóm này tại Việt Nam cũng như Đông Nam Á phần lớn là đảng viên, cảm tình viên của Hải ngoại Bộ Trung Hoa Quốc dân Đảng.

Do đó, sự tranh chấp Quốc-Cộng để lôi kéo 30 triệu kiều dân hải ngoại, không chỉ diễn ra ở eo biển Kim môn, Mã Tổ.

Nó bàng bạc khắp nơi.

Nó có thể là một quả tạc đạn nổ trong toà soạn Á châu Vạn quốc nhật báo tại Chợ lớn nhưng cũng có thể là những tài liệu kinh điển Mao Trạch Đông được truyền tay nhau đọc giỡn các sinh viên đại học Ngưỡng Quang, là 1 vụ ám sát một giáo sư Hoa kiều tại Penang, Johore

Và thật là tai hại khi nhận chân rằng, liên hệ ngoại giao mà người ta gọi là bình thường giữa Bắc kinh và Djakarta, giữa Đài loan và Saigon thật ra chỉ đầy đầy những vận động tiềm ẩn ngầm ngầm lôi kéo, khơi động tập thể kiều dân Trung Hoa ly hương.

Điều chắc chắn là trong sự tranh chấp Quốc Cộng đó, không có mả mai nào ý thức muốn hoà đồng với sinh hoạt địa phương.

Vì các lẽ trên, phân tích sự thành bại của chính sách Hoa kiều tại Việt Nam là đi sâu vào những khía cạnh tế nhị nhất, cam go nhất.

Những thiết thực của vấn đề tại Việt Nam, nhìn chung bao gồm trên 3 địa hạt :

- xã hội : quốc tịch và biện pháp đồng hoá.
- kinh tế : giành lại chủ quyền kinh tế.
- chính trị : chân đứng sự tranh chấp Bắc kinh - Đài Loan trên lãnh thổ Việt Nam.

Cho đến ngày độc lập, nguyên Tổng Thống Đệ nhất Cộng Hoà Ngô đình Diệm đã nghĩ tới một chủ trương mạnh mẽ và dứt khoát để giải quyết bài toán Hoa kiều trên căn bản quyền lợi và sự thuần nhất của quốc gia.

Nhưng tiếc thay, kỳ vọng dâng cao đó chỉ thành công có một nửa, chỉ "Việt Nam hoá" khối lượng Hoa kiều nhưng chưa đồng hoá họ kịp.

Công tác nửa vời đó từ sau ngày cách mạng không được ai tiếp nối mặc dù tầm quan trọng của vấn đề vẫn giữ nguyên mức độ cũ.

Tôi nghĩ, đã đến lúc, chính quyền không nên đứng trong thế chân chũm nữa được.

Phải bắt tay ngay vào việc tiếp nối những công trình dở dang từ trước.

Vấn đề Hoa kiều đứng trên công cuộc cải tạo xã hội một bực.

Việc cải tạo xã hội có thể thực hiện từng giai đoạn nhưng chính sách Hoa kiều cần thực hiện một cách dứt khoát, liên tục và hiệu quả.

Trong phạm vi ngắn ngủi của 1 tập khảo luận, tôi chỉ mong mỏi, sự nghiên cứu này là 1 đóng góp nhỏ nhoi bên cạnh những cố gắng lớn hơn.

Trong giới hạn của lập luận tôi chỉ ước ao bằng những phê phán hết sức khách quan, mở xẻ 1 vấn đề liên quan đến sự thuận nhất hoá, thống nhất hoá và hữu hiệu hoá mọi nỗ lực hướng về một tương lai sống sủa hơn cho 1 Việt Nam cường thịnh và vẹn toàn.

Phần trình bày chính yếu dưới đây sẽ được sắp xếp theo dàn bài như sau :

- * Phần thứ nhất : Người Hoa kiều trong khung cảnh VN.
 - Chương 1 : Sự xuất hiện của cộng đồng Hoa kiều tại Việt Nam.
 - Chương 2 : Vài sắc thái của cộng đồng Hoa kiều
 - Chương 3 : Vài ảnh hưởng của cộng đồng Hoa kiều.
- * Phần thứ hai : Chính sách Hoa kiều tại Việt Nam.
 - Chương 4 : Trình bày chính sách.
 - Chương 5 : Phê bình chính sách.
 - Chương 6 : Một vài ý kiến và đề nghị.

{ /- HẦN THỨ NHẤT }

đ

NGƯỜI HOA KIỀU TRONG KHUNG CẢNH VIỆT NAM.

đ

- Chương I : Sự xuất hiện

- Chương II : Vài sắc thái của cộng đồng
Hoa kiều.

- Chương III: Vài ảnh hưởng.

Chương thứ nhất

SỰ XUẤT HIỆN CỦA CỘNG ĐỒNG HOA KIỀU
TẠI VIỆT NAM

◊

Theo lối giải thích của người Tàu, dân tộc Việt từ xa xưa vốn thuộc nước Tam Miêu, bị Hán tộc ở hướng Tây Bắc áp chế và đánh đuổi lên về mạn lưu vực sông Hồng Hà ngày nay.

Theo L. Aurousseau (1), nguồn gốc dân Việt được nhiều về thần thoại hơn, kể từ thời Thượng cổ, khoảng thế kỷ 29 TL, vua Đế Minh nước Tàu tuần du phương Nam, qua núi Ngũ Lĩnh (Hồ Nam), lấy nàng tiên tên Vụ Tiên, đẻ 1 con trai tên Lộc Tục.

Trở về kinh, nhà vua phong cho con trưởng Đế Nghi cai trị đất Bắc, Lộc tục làm vua xứ Nam, Lộc tục lên ngôi, tự xưng Kinh dương Vương năm 2879 T L thống lĩnh nước Xích quý biên giới bao la rộng lớn, từ Động Đình Hồ ở Bắc, đến nước Hồ Tôn (Chiêm Thành) ở Phương Nam, phương Tây giáp đất Tứ Xuyên Ba Thục và phương Đông trải dài tận Nam Hải (2).

Về sau, có người nước Sở cốt binh đánh xích Quỷ, nhân dân tản mác khắp nơi họp thành nhiều thị tộc khác nhau : gọi chung là Bách Việt, trong đó có 4 nhóm lớn.

- 1 dừng lại ở Ôn Châu (Triết giang) lập nên nước Việt Đông Hải.
- 1 dừng lại ở Phúc Châu (Phúc kiến) " " " Mân Việt
- 1 dừng lại ở Quảng Đông " " " Nam Việt
- 1 xuôi về Nam lập nên nước Lạc Việt.

Lạc Việt đặt quốc hiệu là Văn lang, kế thừa và truyền tự mãi đến nay nên được xem là tổ tổ của dân tộc.

.../.

(1) tạp chí Viễn Đông bác cổ số 23, 1923

(2) Phạm xuân Độ, Việt sử dân giải, trang 9, 1957.

.../.

Dù bằng lòng với lời giải thích nào, chúng ta phải công nhận : dân tộc ta xuất xứ từ phương Bắc và chịu ảnh hưởng đậm đà của văn minh nước Tàu trong suốt 20 thế kỷ đô hộ và thần phục.

Ngay từ thuở xa xưa, khi biên giới kỷ cương còn chưa phân định, đất đai người Việt cũng đã đón nhận rất nhiều luồng sóng giao thoa về văn hoá, phong tục, xã hội, nhân chủng kinh tế, từ hướng Bắc đưa xuống.

Đi tìm lý do giải thích cho nhận xét trên, ta sẽ bắt gặp nhiều nét đặc thù trên 3 bình diện : lịch sử, địa lý và chính trị.

Về lịch sử, Việt Nam là 1 nước chư hầu của đế quốc Trung Hoa, bị thống trị, bị đàn áp và bị xâm nhập.

Về địa lý, đất đai Việt giáp ranh Tàu, đường biên giới lỏng lẻo để cho các thành phần bất hảo bị các vua chúa Trung Hoa săn đuổi, ứ nấp. Và lại so mật độ với nhau thì đồng bằng Bắc Việt lúc ấy chưa gặp nạn nhân mãn như bên Tàu.

Về chính trị và đây là lý do gần thời đại chúng ta nhất, thực dân đô hộ đã triệt để khai thác sự có mặt của người Trung Hoa trên vùng đất mới chiếm. Họ khuyến khích và dung túng.

Để dễ có 1 nhãn quan bao quát hơn, tôi xin phân tích làn sóng di cư Trung Hoa theo 3 giai đoạn lịch sử.

- Tiết I : Làn sóng di cư Trung Hoa trong thời quân chủ
- Tiết II : Làn sóng di cư Trung Hoa trong thời thuộc Pháp
- Tiết III : Làn sóng di cư Trung Hoa từ sau ngày độc lập 1954.

Tiết I : Làn sóng di dân Trung Hoa trong thời quân chủ :

Thật là khó, khi đi tìm những chi tiết chính xác về con số Hoa kiều hiện diện ở xứ ta trong khoảng thời gian mà phương pháp sưu tầm sử học chưa được cải tiến, máy in chưa được phổ cập và nhất là kỹ thuật thống kê còn sơ sài và ảo tưởng như trước đây 2 thế kỷ có người dám nói rằng 1 vật nặng có thể bay trên không trung như loài chim.

Mỗi nguồn tài liệu là 1 cách giải thích và mỗi 1 tác giả trong phạm vi nghiên cứu hẹp hẹp chỉ đưa ra những nét đại cương.

Tuy nhiên, có 3 cách biện minh mà chúng ta có thể tạm bằng lòng : lý do chiến tranh, lý do kinh tế và lý do chính trị.

A.- Lý do chiến tranh :

Lý do chiến tranh nằm trong chủ trương bành trướng lãnh địa của các vua chúa Trung Hoa thời cổ.

Lịch sử Việt Nam, dưới mắt 1 ọc giả Tây Phương, Harold C. Hinton (1), được chia làm 9 giai đoạn, tính đến khi người Pháp bắt đầu xen lẫn vào chủ quyền nước ta 1 giai đoạn bị chinh phục, 4 giai đoạn đô hộ và 4 giai đoạn thần phục (vassalage).

Rải rác giữa các giai đoạn ấy là những mẫu thời gian độc lập ngắn ngủi 30 năm nửa nhà Ngô (938-968), 3 năm của Bà Trưng (40-43)... Ông không nhắc đến cuộc cách mạng của anh hùng áo vải Lam Sơn năm 1427 và không coi các triều đại kế tiếp sau đó là độc lập.

Đó cũng là 1 cách giải thích, nó có tính cách hợp lý và sát sự thực của nó, vì đa số các vị vua Việt Nam sau khi đánh đuổi quân Tàu đều sai sứ sang cầu phong!

9 giai đoạn lịch sử ấy là :

(1) China's Foreign Relation with Vietnam and Burma. .../.

1) Cuộc chinh phục của nhà CHIN (có tác giả gọi là TSIN) : (221-214 TTL).

2) Thời kỳ thần phục thứ nhất : (214-211 TTL) giữa 2 cuộc chinh phục của 2 hoàng đế Trung Hoa Ch'in Shih Huang Ti và Han Wu Ti.

3) thời kỳ đô hộ thứ nhất : (111 TTL đến 40 STL) từ vua Han Wu Ti đến cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

4) thời kỳ đô hộ thứ hai : (43-543) từ Mã Viện đến Lý Bôn.

5) thời kỳ thần phục thứ hai : (513-603), từ Lý Bôn đến cuộc chinh phục của tướng Tâu Liu Fang.

6) thời kỳ đô hộ thứ ba : (603-938) từ Liu Fang đến Ngô Quyền.

7) thời kỳ thần phục thứ ba : (968-1407) từ nhà Đinh đến cuộc xâm lăng của quân Minh.

8) thời kỳ đô hộ thứ 4 (1407-1427) : từ thuộc Minh đến Hậu Lê.

9) thời kỳ thần phục thứ 4 (1428-1885) từ nhà Hậu Lê đến cuối triều Nguyễn.

Cắt đoạn lịch sử theo H.C. Hinton như vậy, tôi nghĩ không có gì hay hơn để nhận định thời gian và mức độ xâm thực dân số của người Trung Hoa tại Việt Nam.

Mỗi thời kỳ như vậy, khởi đầu hoặc kết thúc đều đánh dấu bằng 1 cuộc chiến tranh khốc liệt giữa dân Việt và dân Tàu và thực tế cho ta thấy tổ tiên ta vẫn coi hùng và bất khuất, nhưng qui chiếu lịch sử vào đề tài khảo luận, chúng ta sẽ thấy cơn gió di cư Trung hoa lùa mạnh phết vào đất Bắc (lúc đó miền Nam còn là Thủy chân Lạp) ở những lan bộ đội Tàu cả thắng quân ta.

Chủ trương của họ là khai phá và chiếm giữ.

Để khai phá, sau khi thu phục xong, là họ gởi sang xứ ta các thành phần bất hảo : tù tội, trộm cướp, lưu đầy để khẩn hoang và kiến thiết.

Để chiếm giữ, họ gửi sang các quan văn có tài, khai hoá dân Việt, dạy lễ nghĩa Trung Hoa.

Đĩ nhiên trong 2 thành phần cén bộ khai phá và trấn nhậm, không thiếu gì người Trung Hoa muốn định cư lại trên vùng đất mới.

Lý do ta có thể biện dẫn là hoặc họ không thích trở về bốn quốc vì ngại bị miệt thị, xa lánh (các tội đồ), hoặc họ yêu mến và lưu luyến dân An Nam, đó là các quan cai trị và thuộc hạ.

Theo R.S. GANDRY (1) thì vào năm 214 TTL, hoàng đế Tsin Chi Wang của Trung hoa xua quân trên xuống Bắc Việt, tại đây sách đô hộ đầu tiên được đặt lên đầu dân ta.

Để hỗ trợ cho chính sách chiếm đóng, vị vua này đã cho di cư sang Lĩnh Nam 50.000 gia đình Trung hoa.

Đây là nhóm Hoa kiều đầu tiên đến đất Việt, không phải với tư cách Kiều dân nhưng với tư cách chủ nhân ông 1 phần đất vừa được chinh phục.

Họ định cư lại làng NGÂN AN ở đất Bắc, đến nay có lẽ làng này chỉ còn là 1 địa danh lịch sử nhưng vào thời đó, chính họ là những người khai hoá dân ta, truyền thụ vào xã hội Việt Nam những đặc tính, hình thái của văn hoá Trung hoa : phong tục, tôn giáo và cả hệ thống tổ chức quản trị thôn xã rập khuôn theo định chế Tàu.

So với sử liệu Việt, năm 214 TTL đánh dấu giai đoạn đầu tiên có sự hiện diện của Hoa kiều tại Việt Nam thì nó vào khoảng từ cuối đời Hùng Vương thứ 18 đến Bắc thuộc lần thứ nhất (18 đời vua Hùng kéo dài từ năm 2879 đến 258 TTL và Bắc thuộc lần 1 khởi từ 111 TTL).

Một tác giả khác, Herold J. Wiens (2) còn cho biết, đất Lĩnh Nam (VN xưa) thời trước là vùng đất hiểm độc, bao phủ bởi rừng già thâm u đầy đầy thú dữ, bệnh thời khí, là nơi lý tưởng để nhà Châu (Trung hoa) lưu đày các tội phạm của chế độ.

(1) China and Her Neighbours - London Chapman Hall.

(2) China's March toward the Tropic.

Con đường sớm nhất mà các Hoa kiều "bất đắc dĩ" này sang nước ta là ngõ SSu - Ch'uan và Cao nguyên Yun-Han.

Càng dễ cho việc xâm nhập hơn khi năm 222 TTL, hoàng đế Tsin-Chi-Wang cử tướng Chien Lu mở phủ đào con kinh nối liền 2 nguồn nước sông HSIANG (ở Hồ Nam) và LI xuôi về Nam đến Hsi Chiang, tạo 1 thủy đạo thuận lợi cho việc chuyển 5 đạo quân, mỗi đạo 100.000 lính sang chinh phục nước ta, cũng như vận tải lương thực và nhân công khai phá.

Các sử gia Việt vẫn nhìn nhận nhà Triệu với Triệu Đà (1) là 1 triều đại thực sự của dân tộc (ở Chợ lớn đã chẳng có 1 con đường mang tên Triệu Đà !) nhưng dưới cái nhìn của các sử gia Trung quốc, mà H.C. Hinton (opt-cit) đã lấy làm căn bản luận cứ, thì Chao-To (Triệu Đà) là 1 tướng Trung Quốc, lãnh nhiệm vụ của hoàng đế họ sang thôn tính nước ta.

Lập luận đã coi nhà Triệu hùng cứ đất Nam Việt là 1 hình thức êm thắm và hữu hiệu nhất để bình định các lân quốc nhược tiểu, bằng cách đưa Hoa kiều vào đất Việt.

Dở lại sử nhà, ta thấy Cù thị, 1 hoàng thái hậu nhà Triệu đã tiếp tay với người Tàu để lũng đoạn triều chính Triệu ai vương và kết cục bằng cuộc tiểu trừ loạn thần của cột trụ LŨ GIA thời đó. Phải chăng biện thuyết này không là 1 giả thuyết ?

Trong khoảng thời gian từ 9-23 TTL, bên Tàu có loạn Wang-Mang, 1 số thần dân Trung Hoa bất mãn và trốn tránh xã hội nhiều nhương cũng đã lẻ lỏn mò sang Giao Châu.

Một mặt khác, theo Henri Maspero trong bài báo L'expédition de Ma-Yuan (Mã Viện), đăng trong tạp chí của trường Viễn Đông Pháp thì sau cuộc cử thắng 2 Bè Trưng, 1 số lính Mã Viện đã ở lại đất Giao Chỉ.

Sang thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất, dưới sự cai trị của quan Thái Thú Tàu là Nhâm Diêm, dân Giao Chỉ đã học được

(1) Triệu Đà là 1 trong 2 tướng (vị thứ 2 là Jen Hsia) dẫn nửa triệu lính Tàu sang chiếm đất Lĩnh Nam, xin đặt vấn đề để các nhà viết sử VN xét lại. ..//.

phương pháp trồng lúa, một số lớn đã từ bỏ đời sống phiêu bạt, săn bắn, chài lưới để định cư lại, thành lập các chợ và thành phố nhỏ, trong đó người Trung Hoa giữ vai trò kinh tế quan trọng (1).

Các thổ sản được dân chúng mang ra chợ từ các làng mạc, ruộng rẫy xa xôi, công việc trao đổi hàng hoá càng ngày càng phát triển và Hoa kiều giữ vai trò trọng yếu trong công việc ấn định giá cả các sản phẩm. Nói tóm lại, trong thời kỳ này, người Trung Hoa đến Việt Nam thành lập các thị trấn nhỏ điều khiển ngành thương mại bên cạnh vai trò chính trị là cai trị và đồng hoá người Việt Nam.

Nhiều viện dẫn khác cho thấy sự hiện diện của người Trung Hoa tại Việt Nam là mối quan tâm của nhà cầm quyền ta trong thời quân chủ.

Đời Trần, đức Trần Hưng Đạo đã biết dùng các đạo quân bại trận nhà Tống chạy sang ngụ ở nước ta để đánh lại quân Nguyên (1284-1287).

Quang Trung hoàng đế cũng đã từng sử dụng các đạo quân của 2 tướng Tào Lý Tài và Tập Đình để tạo hậu thuẫn quân sự.

B.- Lý do kinh tế :

Bên cạnh lý do chiến tranh, lý do kinh tế cũng dự phần trọng yếu.

Phải nhận nhận ngay rằng, nền tài chính nước ta khởi thủy đều có những hình dạng phát triển tương tự Trung Hoa.

Đầu tiên là 1 nền kinh tế phiêu thai, dựa trên căn bản giao hoán bằng hiện vật với giới hạn bởi các phiên chợ hàng 3 tháng, hằng tháng. Lần lần, tiền tệ trung gian bắt đầu xuất hiện.

Cho đến đời Lý, căn bản giao hoán vẫn là vàng thoi bạc nén.

(1) Lê Xuân Sướng, luận văn tốt nghiệp Cao học 1,
"Vai trò ngoại kiều trong nền Kinh tế VN,
trang 14.

Theo sách Lịch triều Hiến chương loại chí, về Chương quốc Dung, của Phan Huy Chú, vua Lý thái Tông có đúc tiền Minh Đạo để ban cho các quan, Trần thái Tông cho đúc 2 loại tiền : tiền Tĩnh mạch (mỗi tiền 69\$) và tiền Thương cung (mỗi tiền 70\$), thời vua Dụ Tông năm thứ 3 cho đúc tiền Đại trị và đến mãi đời Hồ quý Ly mới có tiền giấy.

Tuy nhiên đa số công tác đúc tiền vẫn do người Trung hoa độc chiếm.

Họ di cư sang, quần tập quanh các vùng có mỏ để khai khẩn và kinh doanh, đúc tiền.

Trong thế kỷ 18, nước ta có mỏ đồng ở Lạng sơn, Tuyên quang, Thái nguyên, Hưng hoá; mỏ vàng và kẽm ở Thái nguyên, bạc ở Tuyên quang, hầu hết ở trong tay người Tàu thu lợi.

Cũng như lĩnh vực khai mỏ, người Trung hoa ở nước ta từ trước thế kỷ 18 vẫn độc chiếm thị trường buôn bán chữ nghĩa. Năm 1734, chúa Trịnh Giang (1) cho người khắc bản in ấn loát kinh điển tứ thư ngũ kinh phát cho dân chúng, cấm mua sách Tàu vì thám hoa Lương nhữ Học đời Hậu Lê (Lê Lợi) khi đi sứ Trung hoa đã học lỏm được cách in sách.

Trên bình diện kinh tế, lý do thương mại là nguyên ủy sâu xa nhất giải thích sự hiện diện của khối đông đảo Hoa kiều tại Việt Nam.

Trong thời quên chủ, mãi khi Vasco de Gama khám phá con đường từ Âu sang Á vào thế kỷ 15, và phải đợi đến thế kỷ 17, chúng ta mới thực sự tiếp xúc với Tây phương trong lĩnh vực thương mại. Các tàu buôn Nhật, Trung hoa, Bồ đào nha, Y pha Nho đến buôn bán vũ khí đạn dược, tơ lụa vải vóc với chúa Trịnh ở đàng ngoài và chúa Nguyễn ở đàng trong tại 2 cảng Hội an và Phố Hiến. Trước đó, việc giao dịch trong xứ chỉ giới hạn giữa người bản xứ và bản xứ hoặc bản xứ và Trung quốc.

Dưới thời Lý anh Tông, 1149, năm Đại định thứ 10, nhà vua cho khai cảng Vân Đồn (2).

(1) Phạm xuân Đồ, Việt sử dân giải, 1957, trang 118.

(2) Việt Nam khảo cổ tạp san, Chen Ching Ho, "Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã" số 1, 2 và 3 năm 1962. .../.

Về sau, vua Lê chỉ định cảng Vân đồn làm địa điểm để các thương khách và thủy thủ đến cư trú và buôn bán để tránh họ tàn mác và kinh đô khó kiểm soát.

Năm 1428, người Tàu sang xứ ta buôn bán nướm nược vì lẽ An Nam là 1 thị trường mới, hàng hoá hợp với người bản xứ hơn.

Số thương buôn Hoa kiều đông đến nỗi Lê thái Tổ phải chỉ định Vân đồn, Vân ninh, Côn Hải, Hội thông, Hội triều ... (1) làm địa điểm cư trú cho họ.

Điều cần ghi ra đây là sau khi Lê Lợi bình định xong quân Minh, binh lính Trung hoa còn ở lại Việt Nam rất nhiều.

Sách Hoàng Minh thực Lục, ngày canh ngo, tháng 12, năm Tuyên Đức thứ 2, 1427, chép rằng sau khi đánh đuổi quân Minh, một số nhân viên văn võ và gia quyến thuộc Giao chỉ Tam Ty đã về tới Trung quốc chỉ độ 86.640 người, còn lại 1 số bị vua Thái Tổ giữ lại.

Sách Đại Việt sử ký toàn thư cũng ghi : " người Minh nếu trừ tử trận và thương tích, những người về nước chỉ độ 2/10."

So sánh 2 tài liệu cổ trên, ta thấy còn lại 8/10 vẫn lưu tại Việt Nam tức gấp 4 lần số đã về.

Như vậy làm 1 con tính nhỏ, ta thấy tổng số Hoa kiều lưu trú tại Việt Nam, từ đời Lê thái Tổ, không kể những người đã sang từ trước là :

$$86.640 \times 4 = 346.560 \text{ người năm 1427.}$$

So sánh với Mã lai là nước hiện nay có tỉ lệ Hoa kiều đông nhất, ta sẽ thấy.

Năm 1911, dân số Mã có 2 triệu 672, 33% là Hoa kiều tức 881.760 người (2). Trước Mã lai 6 thế kỷ mà tổng số Hoa kiều trên đất Việt đã gần bằng phân nửa Mã, 1 tỉ lệ đáng kể.

Chỉ may mắn 1 điều là, đa số nhóm Hoa kiều tại Việt Nam trong thời quân chủ đã sát nhập và đồng hoá với người Việt.

(1) Việt Nam khảo cổ Tạp san, Chen Ching Ho, Máy điều nhận xét về Minh Hương xã, số 1, 2 và 3 năm 1962. .../.

(2) Trần văn Đĩnh, Hoa kiều tại Mã Lai, Quê Hương 17, tr.103.

Chúng ta không lạ vì người Việt chính tông chỉ quanh quẩn các "Họ" Nguyễn, Đinh, Lê, còn lại các họ từ Dương, Lý, Tôn đến Triệu, Lâm đều có mang dòng máu Trung Hoa.

Trở lại địa hạt thương mại, trong thời Nam Bắc phân tranh, Chúa Trịnh ở Bắc cho phép thành lập tại Hiến Nam 1 phố xá để thương khách nước ngoài đến buôn bán gọi là Phố Hiến (nay thuộc tỉnh Hưng Yên).

Ở đằng trong, chúa Nguyễn dựng nên Hội an (FAIFO) cũng cùng mục đích trên.

Lịch sử phát triển của Hội an và Phố Hiến tiến rất nhanh, lý do chính là vì năm 1567 vua Minh Mục Tông nước Tàu cho thuyền bè Trung Hoa xuất dương buôn bán nhưng cũng giới hạn trong vùng Đông Nam Á, cấm tuyệt giao thương với Nhật bản.

Hàng hoá thì, cấm trao đổi những vật liệu có tính cách quân sự như : quặng sắt, lưu hoàng, đồng (1).

Vì vậy, sau đó không lâu 2 hải khẩu Việt Nam nói trên bỗng nhiên thành 1 trung tâm giao hoán trung gian giữa con buôn Nhật và Tàu.

Khách trú đến Hội an càng ngày càng đông, họ không kịp về Trung quốc vì 2 lý do :

- những thương khách vì việc kinh doanh kéo dài hay vì đợi không kịp gió mùa tháng 7-8 âm lịch, đành ở lại chờ kỳ gió sang năm mới về Bắc; họ là những người vì áp đông (2) mà phải ở lại.

- những người tình nguyện cư trú vĩnh viễn hay bán vĩnh viễn vì họ là thủ quỹ của chủ thuyền hoặc đại diện công ty phải lưu lại Việt Nam để bán hàng hoá mang tới hay mua nguyên liệu thô sản như tơ lụa, hương kỳ nam, hạt tiêu, yến vi cá chờ đi.

(1) Sách Toho Gaku của Sakuma Shigeo, Việt Nam khéo cổ Tập san đã dẫn ở trên. //.

(2) Theo sách Gia định thông chí của Trịnh hoài Đức, đến mùa xuân tất cả thuyền Trung quốc nhờ thuận gió Đông tới VN, nhưng mùa hè phải chờ gió Nam về Tàu, nếu trễ, gặp gió thu kéo dài từ mùa thu đến mùa đông không về được thì gọi là bị áp đông hay lưu đôn

Quyển Đông Tây dương khảo của Trương Nhiếp (soạn năm 1617), các sử liệu Trung-Nhật và Âu Châu khoảng đầu thế kỷ 17 cũng ghi rằng, những thương thuyền duyên hải Đông Nam Trung Quốc luôn luôn tới cảng Thuận Hoá, Quảng Nam (Hội an), Tân Châu (Qui nhơn) và Đề di buôn bán.

Vì Nam Việt xa Trung Hoa nên chúa Nguyễn cho phép thương khách Trung Nhật thiết phố Hội an để tiện việc cư ngụ là buôn bán, trái với chính sách nghiêm khắc ở Bắc, đồng thời lợi dụng nhân lực của họ để làm lực lượng mới phát triển Quảng Nam.

C.- Lý do chính trị :

Nhưng lý do căn bản giải thích sự hiện diện đông đảo của người Hoa kiều tại Việt Nam, bắt đầu từ cuối thế kỷ 17 là lý do chính trị.

Nó bắt đầu từ thực trạng rối ren trong nội tình nước Tàu.

Khi nhà Mãn thanh nắm quyền chủ động trên toàn cõi lục địa Trung hoa, 1 số tôi trung nhà Minh là Ngô tam Quế, Thượng khố Hỉ, Cảnh kế Mậu hợp cùng Trịnh thành Công dấy lên với khẩu hiệu "bài Mãn phục Minh" gây ra đại loạn. Tam Phiên ở Hoa Nam và Tân triều phải khó khăn lắm mới dập tắt được ngọn lửa dấy loạn.

Về sau, chỉ còn lại 2 tướng Ngô tam Quế và Trịnh thành Công tiếp tục kháng chiến. Họ Ngô lập đế quốc Đại chu ở Hoa Nam và họ Trịnh lưu lạc ra Đài loan lập nên 1 tiểu quốc. (1)

Năm 1681, cháu Tam Quế là Ngô thế Phan bại trận phải tự tử trước mặt quân Thanh.

2 năm sau, cháu nội Trịnh thành Công cũng qui thuận.

40 năm ly loạn nhiều nhưng ở Hoa Nam đã khiến 1 số dân cư duyên hải nhất là Phúc kiến, Quảng Đông đã trốn chạy sang Việt Nam.

(1) Việt Nam Khảo cổ Tập san số 1, 2, 3 năm 1962.

Khi họ Trịnh còn kháng Thanh ở Đài Loan, sự dân cư bỏ theo nên năm 1661, Thanh thánh Tổ hạ lệnh các tỉnh Đông Nam thực hiện lệnh "LẬP GIỚI", (không cho ra khỏi nước) rồi đến 1678 lại hạ lệnh "THIÊN GIỚI" (di cư về nội địa) cấm giao thương với hải ngoại để tránh họ Trịnh cầu kết với duyên hải lấy lương thực, vật liệu quân sự. Hai biện pháp này khiến cho người Trung Hoa ở Đài Loan qua Việt Nam đông hơn.

Trong bọn di dân có 2 hạng :

- những thương khách phần đông gốc Phúc Kiến theo Trịnh thành Công ở Đài Loan chống Thanh, qua Việt Nam trong thời kỳ phong toả đại lục (1661-1685) với nhiệm vụ mua sắm khí giới, lương thực và nguyên liệu cho họ Trịnh. Thành phần này tích cực và linh động hơn. Họ ít ở lại Phố Hiến và Hội an.

- những người từ Hoa Nam sang Việt Nam trong thời kỳ triều đình lưu vong nhà Minh từ trên dưới năm 1645 đến 1661. Họ là di thần và nạn dân ở Quảng Đông, Phúc kiến, Triết giang và là 1 tập thể có tính cách tiêu cực, cố định. Họ rời quê hương sang xứ ta không phải với ý định gia nhập mặt trận chống Thanh, và lại quê hương đã bị rộ cướp rồi, Hoa Nam loạn lạc do giặc Tam Phiên nên hi vọng về nước rất mong manh, đành tìm cách an cư ở hải ngoại.

Họ gia nhập và làm tăng gia nhân số Hoa kiều tại xứ ta.

Thêm vào đó, khi chiếm cứ xong Hoa Trung và Hoa Nam, nhà Thanh ra lệnh "chi phát nghiêm chi" nghĩa là bắt ^{lưu}đến/cắt tóc và theo phong tục Mãn, bím tóc lại thành đuôi sam bỏ lòng thòng dưới vai.

Tóc theo quan niệm Tống đường là phần quý nhất thân thể (1) cắt đi thực nhục nhã và có thể liên quan đến sự sống chết nên thời Minh Hạng, có nhiều di dân nổi tiếng như Mạc Cửu, Trịnh Hội (2) vì chống lại lệnh chi kỳ quái đó mà lưu vong ra hải ngoại và đoạn tuyệt với ý muốn trở về quê hương.

(1) do đó thí phát (cắt tóc) di tu có nghĩa là dứt bỏ sự ../.
lưu luyện trần gian dứt bỏ những gì quý báu nhất.

(2) Ông nội Trịnh hoài Đức, đọc thấy trong Ngân trai
Thi tập của Trịnh hoài Đức.

Robert Kirsop, 1 viên chức trong công ty Đông Ấn Đô thuộc Anh, đã tới Hoa Nam năm 1750 và cũng nhận xét : " Hình thức của chính phủ Cochinchina (chỉ VN thời đó) rất giống Trung quốc, giai cấp chức vụ quen lại cũng vậy, đại đa số công chức là con cháu những nạn dân Trung quốc, chạy loạn qua đây từ hồi đại lục người Thanh chiếm cứ".

Về phía dân cư là vậy, phía các quen lại Trung quốc, tâm lý bất mãn tân triều còn mạnh mẽ hơn.

Năm 1679, có bốn quen nhà Minh là Tổng binh Dương Ngạn Dịch, phó tướng Hoàng Tiên, Tổng binh Trần thượng Xuyên và phó tướng Trần an Bình, không chịu làm tôi nhà Thanh, đã từ Quảng Tây dẫn 3.000 quân và 50 chiến thuyền sang nhập tịch An nam được chúa Nguyễn thu nhận và trọng đãi (không trọng dụng).

Mặt khác, nói đến lịch sử di dân Trung quốc sang VN mà quên bàn về công trình gây dựng thị trấn Hà tiên của Mạc Cửu là một sự thiếu sót.

Sinh quán tại Quảng Đông năm 1671, Mạc Cửu là 1 nạn dân Trung quốc thời Tam Phiên loạn lạc, ông đến Cao Miên và tới Sài Mạt năm 1695.

Sài mạt (Cao nguyên phát sinh rạch Giang thành thuộc tỉnh Hà tiên ngày nay) bấy giờ là 1 vùng đất nhiều ruộng, tập trung đầy đầy các tay giàng hồ tứ chiêng, cướp biển, buôn lậu nhưng nhờ biết tổ chức, nên Mạc Cửu đã chiêu mộ lưu dân, lập nên 7 xã Hà tiên và được chúa Nguyễn ở Huế phong làm Tổng binh.

Tuy nhiên, đến thời Gia long tẩu quốc, làn sóng di dân Hoa kiều đã với đi hơn trước vì nhà Mãn thanh đã ổn định xong Trung quốc, nhưng cũng có nhiều người Trung Hoa sang Việt Nam bằng đường biển, nhiều nhất là ghe thuyền ở Xiêm và Hải Nam đến. (1)

(1) Sơn Nam, Tìm hiểu đất Hậu giang.

Tiết II / Làn sóng di dân Trung Hoa trong thời thuộc Pháp :

Từ không khí quân chủ của 1 Việt Nam bước sang không khí bị trị trong đó người Pháp nắm tất cả quyền nội trị lẫn ngoại giao, chính quyền nước ta trong giai đoạn này gần như mất. tất cả sáng kiến về vấn đề tổ chức đời sống trong nước cũng như đối phó với những khó khăn nội tình.

Khối lượng người Hoa kiều xâm nhập vào Việt Nam cũng vì sự bất lực của những nhà lãnh đạo mà thay đổi tùy theo chính sách của Pháp, nói rõ hơn theo tương quan lực lượng giữa thực dân và Trung quốc.

Như trên tôi vừa đề cập, con số Hoa kiều đến Việt Nam trong thời đô hộ Pháp bắt nguồn từ chính sách đơn phương của thực dân đối với chính quyền Trung Hoa ở chính quốc.

Vì vậy, tìm hiểu trào lưu di dân Trung Hoa thời đó ta phải tìm hiểu trước hết tương quan lực lượng giữa Pháp Hoa.

Ngay từ khi ký thoả ước 1874 chịu thu mình lại trước chủ tâm thôn tính của nước Pháp, triều đình Huế đã tỏ ý muốn quay lại thân phục Trung Hoa để chế ngự áp lực của Pháp.

Tuy nhiên, nước Tàu thuở ấy cũng đã suy yếu, ở Bắc thì bị Nga đe dọa Mãn Châu, Nhật dòm ngó Triều Tiên và lập ở đây một chính phủ bù nhìn năm 1876.

Tàu cũng muốn can thiệp vào nội tình Việt Nam làm nhưng họ còn chờ đợi thái độ của Anh Mỹ và Đức, nhất là hi vọng Pháp thoái chí ở Ai Cập. (1)

Mùa hè 1883, lực lượng Pháp đồn về Bắc Kỳ, đại sứ Trung Hoa ở Be lê là M. Tseng phủ nhận sự hiện diện của quân lực Pháp tại Đông Dương và đòi phải triệt thoái, nhưng Pháp nhắc lại hoà ước 1874 theo đó Tàu không được quyền đòi hỏi gì cả và Pháp có quyền giải quyết đơn phương vấn đề Huế và Bắc Kỳ.

(1) G. Taboulet, Le Geste Française en Indochine, Tome I, p. 80-86.

Thoả ước Thiên Tân ngày 11-5-1884 xác nhận sự lần thế của Pháp và đôi bên cùng cam kết công nhận biên giới Bắc Kỳ - Trung Hoa; nước Tàu đồng ý rút quân khỏi Bắc Việt và công nhận những thoả ước ký kết giữa triều đình Huế và người Pháp. (1)

Có thể nói từ 1884 đến trước khi bùng nổ trận thế chiến thứ hai, người Pháp ở Việt Nam đã đánh bật ảnh hưởng Trung hoa đi và chính vì vậy mới thật tai hại.

Khoảng 1884 đến 1945 chủ trương người Pháp là triệt để khai thác thuộc địa mới. Sự hiện diện của người da trắng trên quê hương Việt Nam, gây ấn tượng bị tri rõ rệt trong đầu óc dân chúng, vì vậy chúng ta không lạ khi thấy chỉ 1 thiếu số cộng tác với chính quyền mới.

Bù lại, người Pháp phải tìm nguồn nhân lực nơi khối Hoa kiều hiện diện đông đảo từ trước.

Chính sách của thực dân thuở đó nhằm khuyến khích sự di dân Trung hoa sang Việt Nam để bổ sung cho sự thiếu hụt nhân công. Pháp khuyến khích bằng cách mộ thẳng từ Trung hoa sang làm việc ở các trung tâm kỹ nghệ.

Mở then Hòn Gay Kẽ Bào khởi sự khai thác năm 1888, mở then Đồng lang năm 1907, tại 3 mỏ này có độ 5.000 đến 6.000 phu mà đa số từ bên Tàu (Quảng tây - Quảng đông) mộ sang. (2)

Pháp cũng khuyến khích Hoa kiều di dân bằng cách lơ là để dãi đối với những vụ nhập cảnh lén lút.

Theo Victor Purcell's (the Chinese in S.E.A. London 1951) thì lên sóng di dân Trung hoa sang Đông Nam Á và tiền bán thế kỷ 20 thật là rầm rộ.

Họ đến các xứ ở Nam hải bằng đường biển nhiều hơn là vượt biên giới thiên nhiên, chúng ta không ngạc nhiên vì các đô thị sầm uất Nam Á hiện tại đều nằm trên 1 hải cảng hay rất gần duyên hải: Saigon, Rangoon, Maní, Djakarta, Singapour....

(1) G.Taboulet, La Geste Française en Indochine, Tome I, p.80-86.

(2) Louis-Salaun, l'Indochine, chap.5.

Riêng tại Việt Nam theo 1 học giả Trung hoa, ông Ch'en Pi-Sheng, con số kiều dân Trung hoa vượt biển nhập nội cũng đáng kể nhưng 1 phần cũng nhờ biên giới thiên nhiên thuận lợi mà họ tràn sang.

Ông nhận định, miền biên giới phía Nam Vân Nam là 1 vùng khá rộng (300.000 dặm vuông) bao gồm : Tây Bắc Miến, Đông Bắc Việt Nam và Lào, Bắc Thái, nơi đây mật độ chỉ có 5 người trên 1 dặm vuông, chưa được khai phá nên là vùng đất hấp dẫn để người Hán đi tìm một môi trường dễ thở hơn.

Mặt khác, trong giai đoạn từ 1945 đến 1954, người ta ghi nhận được 1 sự kiện làm nền tảng cho mọi giải thích.

Khi cuộc thế chiến thứ hai chấm dứt, nhờ may mắn đứng về phía Đồng Minh chống lại Trục mà Trung hoa ở ngang vai vế với 4 cường quốc thắng trận khác : Anh, Pháp, Nga, Mỹ.

Lợi dụng ưu thế này, nhất là theo hoà ước Postdam tháng 7/1945 quyết định bộ đội Anh giải giới quân Nhật ở Nam Việt (từ vĩ tuyến 16 xuống) và bộ đội Tàu 180.000 quân của Lữ Hán giải giới Nhật tại Bắc Việt (từ 16 trở lên), người Trung hoa bắt đầu can thiệp vào nội tình Việt Nam bằng cách đòi hỏi người Pháp dễ dãi với kiều dân của họ tại đây.

Vì vậy đi xa hơn chính sách mộ phu, sự nhượng bộ của Pháp càng làm cho khối lượng Hoa kiều sang sinh cư lập nghiệp tại xứ ta gia tăng mạnh mẽ.

Tuy nhiên các con số không được đồng nhất giữa các tác giả nói về Hoa kiều ở Việt Nam mà đa số là Tây Phương.

Theo bà Henri Fortunel (1), năm 1949 tại Đông Dương, số kiều dân Trung Hoa là 1.200.000 người chia ra như sau :

- Cambodge	200.000/3.748.000	tổng dân số	: tỉ lệ	5,3 %
- Nam Việt	800.000/5.628.000	"	: "	14,2 %
- Trung Việt	10.000/2.280.400	"	: "	0,43%
- Bắc Việt	70.000/4.690.000	"	: "	1,5 %
- Lào	6.000/1.170.000	"	: "	0,6 %

(1) Les Chinois et leur activité économique en Indochine, 1950.

Theo H.J. Wiens (1), năm 1951, tổng số Hoa kiều ở Đông Nam Á là 8 tr,5 (độ 5 - 6% trong tổng số 157 triệu dân cư) thì ở Đông dương có đến 850.000 người. Con số phân phối như sau :

<u>Quốc gia</u>	<u>Hoa kiều</u>	<u>Tổng dân cư</u>
Miễn điện	300.000	17 triệu
Thái Lan	2.500.000	17 triệu 400
Mã Lai	2.615.000	5 triệu 849
Nam dương	1.900.000	69 triệu
Đông dương	850.000	24 triệu.

Theo giáo sư Herold C. Hinton (2) thì 1 lý do khác khiến cho con số kiều dân Trung quốc xuất hiện đông đảo tại Việt Nam là nạn nghèo đói cơ cực và nhân mãn ở Lục địa.

Cùng 1 lúc đến Việt Nam, người Trung hoa còn vượt biển xâm nhập nhiều vùng cận duyên khác thuộc các quốc gia Đông Nam Á.

Phong trào di cư rộng lớn đến nỗi, có cả 1 kỹ nghệ lo liệu phương tiện thuyền bè, thức ăn uống, nơi cập bến cho những người Trung hoa khốn khó muốn chạy trốn điều kiện vật chất cơ cực tại Hoa lục.

Vào cuối thế kỷ 19, tại các tỉnh Hoa Nam ở duyên hải như Quảng đông và Quảng tây đã có hàng chục vạn người sống bằng nghe tiếng đưa kiều dân ra hải ngoại này.

Tại Cambốt, họ ghé Nam Vang, Battambang, tại Mã họ ghé tiểu bang Perak và Johore, tại Nam dương họ ghé Tây bộ Bornéo, đông bộ Sumatra.

Nhìn chung ^{trong} phạm vi Đông dương, người ta thấy rằng, chỉ trừ ở Trung Việt là con số Hoa kiều ít nhất (10.000), điều này cũng dễ hiểu, vì không lý do gì để người dân Tàu từ bỏ phần đất cỗi cằn ở Hoa lục để lại định cư ở vùng đất mới cỗi cằn không kém (Thanh hoá, Nghệ an, Hà Tĩnh)

(1) China March toward the Tropic.

(2) China's Foreign relation with VN and Burma.

Còn lại, thì tại Nam Việt và Bắc Việt đông Hoa kiều nhất.

Họ đến Việt Nam nhiều vì lúc đó giá sinh hoạt rẻ hơn Miên và Lào. Họ đến Nam Việt nhiều vì Trung châu Bắc Việt cũng quá đông dân. Tuy nhiên kể về tỉ lệ trên tổng dân số các tụ điểm dân cư thì Hải phòng dân đầu với 26% Hoa kiều, kế đó là Chợ Lớn (25%) rồi mới đến Hà nội 4,8%.

Một điểm nữa cần ghi rõ đây là đời sống miền Nam/bao giờ vẫn dễ dãi hơn miền Bắc, và chẳng giá cả cũng không chênh lệch lắm giữa 1 chuyến tàu Quảng Đông - Hà nội hay Quảng tây - Hải phòng, thường tương đương với tiền lương mà người Pháp trả cho 1 vú em Tàu thời đó. (1)

ø

Tiết III / Làn sóng di dân Trung Hoa từ sau ngày độc lập 1954 :

Chúng ta đã xét qua 2 trào lượng Hoa kiều trong thời quân chủ và thuộc Pháp.

Sau đây ta sẽ nhìn lại bộ mặt của vấn đề từ sau năm 1954 Việt Nam đã giành được chủ quyền.

Có thể nói, khi hiệp định Genève đã được ký kết xong, con số di dân Hoa kiều đã giảm hạ nhanh chóng tại Việt Nam.

Tuy nhiên có 2 sắc thái cần được nêu ra.

Thứ nhất là tại Hà nội; con số kiều dân Trung Hoa đã giảm sút đi rất nhiều.

Một số đã di cư vào Nam để tránh họa Cộng sản, mặc dù rằng nhiều lần chính quyền Việt Nam dân chủ Cộng hoà từng xác nhận : tập thể Trung hoa ở đây là anh em với Cộng sản Trung hoa, những người đã giúp đỡ chúng tôi rất nhiều".(2)

(1) Roger Lévy - Regard sur l'Asie.

(2) Under the dragon's seed.

Một thương gia tên MA, 53 tuổi, 3 con, sang Việt Nam từ 25 năm nay đã nói với R.S. Elegant (1) trên chiến hạm Marine Edder của Mỹ trước khi rời khỏi Hải phòng : " thuế ở đây nặng quá, mãi lực nhân dân cũng yếu và dân chúng lại ít cảm tình". (the people's heart are not at ease).

Cũng theo R.S. Elegant, trước Genève 1954, có 75.000 người Hoa kiều ở Bắc Việt, đến tháng 3/1955 con số này chỉ còn 20.000 và sau đó trụt xuống 10.000.

Lấy tròn con số, tôi nghĩ ít nhất cũng có 60.000 đã rời khỏi Bắc Việt từ khi tập đoàn cộng sản lên nắm quyền thống trị ở phía trên vĩ tuyến 17.

Một số khác, tuy ở lại Bắc nhưng sự hiện diện của họ hết sức lu mờ.

Vai trò độc chiếm thị trường kinh tế trước kia tại châu thổ sông Hồng, sông Gâm đã nhường bước cho mau dịch quốc doanh, và vai trò xã hội thì không cần nhắc đến, chỉ nguyên 1 hệ thống kiểm soát nếp sinh hoạt từng đầu người của chính quyền ngoài Bắc cũng đủ phá vỡ hệ thống tổ chức quần tập mà đặt vào môi trường tự do dân chủ như miền Nam, nó sẽ còn duy trì và phát triển mãi bản sắc độc đáo của những cộng đồng Trung Hoa ở hải ngoại.

Thứ hai là tại Sài Gòn, về toàn thể diện địa miền Nam từ vĩ tuyến 17 trở xuống, con số Hoa kiều tăng lên trông thấy.

Phần đông, họ là những doanh gia, tư bản, trong giới công kỹ nghệ để lánh nạn "chánh trị", tìm về miền Nam, ở đó điều kiện tranh thương dù có xa lạ khắt khe nhưng không đến nỗi quá ràng buộc như ở ngoài Bắc.

Nhìn chung từ sau 1954, hầu như không đáng kể, số lượng di dân Trung hoa vào Việt Nam, trái lại có 1 số bất mãn vì những biện pháp cứng rắn năm 1956 đã tìm cách trở về Đài Loan, Hong Kong hay lục địa (sẽ bàn kỹ sau ở phần thứ II).

(1) Under the dragon's seed.

Điều này làm người ta nhớ đến 1 trường hợp tương tự đã xảy ra ở Mã Lai.

Năm 1956, do sự xáo động của cán bộ Trung Cộng 6.099 Hoa kiều Mã lai cũng đã lên đường trở về chính quốc.

Sự gia giảm con số không nói lên ý nghĩa nào khác hơn là làm nổi bật sự quan tâm của nhiều chính phủ Đông Nam Á, trước áp lực nhân số quá đông đảo có mặt trên nước mình.

Mỗi quốc gia đều có 1 chính sách cá biệt đối với riêng tập thể Hoa kiều.

Riêng Việt Nam ta, trước khi đi sâu vào việc nhận xét chính sách đó, chúng ta cần trở lại tìm hiểu :

- Vài sắc thái của cộng đồng Hoa kiều tại Việt Nam.
- Vài ảnh hưởng của cộng đồng Hoa kiều tại Việt Nam.

x

x x

/Chương 2/

VÀI SẮC THÁI CỦA CỘNG ĐỒNG HOA KIỀU TẠI VIỆT NAM

o

Trong chương thứ nhất, bàn về sự xuất hiện của cộng đồng Hoa kiều tại Việt Nam từ trước công nguyên đến nay, tôi đã nhấn mạnh đến 3 nguyên do chính yếu : lịch sử, địa lý và chính trị.

Quan hệ nhất phải kể là yếu tố địa lý. Thiên nhiên là 1 đe dọa cho dân tộc Tàu.

Đất đai rộng lớn nhưng hoặc chưa được khai phá, hoặc bị lãng phí, dân tộc Trung Hoa bị nạn đói đe dọa thường xuyên.

Đời sống đói kém cơ cực đã khiến nhân dân Trung Hoa, chọn con đường tha hương gây dựng cơ nghiệp.

Kinh tế thường xuyên nguy ngập khiến chính quyền Trung Quốc có dịp (thắng trận, lợi dụng tình hình rối ren ở lân quốc) là mở ngõ cho dân cư làm những cuộc nam tiến.

Những trào lưu di dân kể trên đã đẩy đưa vào Việt Nam, 1 khối Hoa kiều đông đảo.

Trong thời quân chủ, họ đã định cư và lần lần đồng hoá với người Việt. Lý do dễ hiểu là vì trước nhất dân Lạc Việt vốn xuất xứ từ Hoa Nam đi lần xuống châu thổ Hồng Hà, chính quan niệm đồng văn đồng chủng là nguyên ủy của sự hoà hợp tốt đẹp trên, người Trung Hoa không cảm thấy xa lạ bên cạnh những bạn đồng cư ăn mặc khác, xâm mình, nhuộm răng nhưng cách thờ tự, các định chế xã hội, chính trị đều có những nét tương đồng với Trung quốc.

Lý do thứ hai là Trung Hoa cổ truyền chưa phân định sơn hà cương vực một cách rõ rệt, thời chiến quốc có đến hơn 10 vương triều và tiểu quốc, ý thức quốc gia và tinh thần quê hương chưa đủ mạnh để họ tự duy trì một bản sắc đặc thù nguyên xứ.

Thêm một điểm nữa, những sắc dân bé nhỏ thời đó, nếu suy nhược về ý chí tự lập tự duy, có thể bị sát nhập vào các nước lớn.

Ấy là những trường hợp Vương quốc Chiang Mai đã nhập vào Thái Lan (hiện Chiang Mai là 1 Đalat của Thái), trường hợp Lethuanie, Lettonie đã sát nhập với Âu châu, Thủy chân Lạp với Việt Nam, Karen, Kachin với Miến.

Trái lại, nếu ý thức tự tồn của những nước nhỏ mạnh mẽ, thì những trào lưu di dân ngoại quốc đến như 1 yếu tố mới chỉ làm gia tăng dân số và chóng chầy cũng đồng hoá với người bản xứ, mất hẳn bản sắc nguyên thủy.

Việt Nam là 1 ví dụ hùng biện nhất.

Tuy nhiên, về sau, khối lượng Hoa kiều du nhập sang Việt Nam càng ngày càng đông, họ đủ ít để không áp đảo và đồng hoá được dân ta (như Việt Nam đã làm với Chiêm Thành) nhưng cũng đủ nhiều để kết hợp, quần tập và tự duy trì cho mình 1 nếp sống riêng biệt, 1 xã hội độc lập với xã hội Việt Nam.

Sự trình bày nếp sống ấy được phân tích theo thứ tự sau :

Tiết I : Xã hội Hoa kiều tại VN trong thời quân chủ

1. Tại Bắc Phần
2. Tại Trung Phần
3. Tại Nam Phần

Tiết II : Xã hội Hoa kiều tại VN trong thời thuộc Pháp

1. Phương diện tổng quát
2. Phương diện xã hội
3. Phương diện kinh tế.

Tiết III : Xã hội Hoa kiều tại VN trong thời cận đại và hiện đại

1. Thời cận đại
2. thời hiện đại.

đ

I. Xã hội Hoa kiều trong thời quân chủ :

1) Tại Bắc Phần :

Khối lượng Hoa kiều tại VN hiện nay chỉ chiếm 1 tỉ lệ không đáng kể so với các nước Á Châu nhưng xét về lịch sử du nhập thì họ đến xứ ta sớm nhất.

Năm 214 TTL, 1 lượt với cuộc xâm lăng ồ ạt của quân đội hoàng đế Chin Chi Wang xuống tận mũi Varella, đã có 50.000 gia đình theo gót quân viên chinh đến định cư tại làng NGÂN AN Bắc Việt.

Đời Đông hán bên Tàu, năm 40 TTL, sau khi nhà Châu sụp đổ họ cũng đã có mặt tại VN do chính sách di dân để khai phá lãnh thổ và bành trướng ảnh hưởng.

Họ đến VN, tản mác, trà trộn với dân bản xứ và đây liên lạc giữa đồng hương với nhau cũng chưa lấy gì làm chặt chẽ.

Tùy theo thành phần xã hội, cách sinh nhai của họ có 2 hình thức.

Với thành phần di dân hạ đẳng, họ sống bằng nghề thương mại trong các thị trấn mới thành lập và giữ vai trò kinh tế quan trọng.

Một số ít hùn hạp để xin phép vua chúa ta khai mỏ, đúc tiền. Các mỏ đồng ở Lạng sơn, Hưng hoá, mỏ vàng và kẽm ở Thái nguyên, bạc ở Tuyên quang hầu hết đều do người Tàu khai thác thu lợi; nhân số đông đảo đến độ năm 1717, Chúa Trịnh Vương đã phải hạ chỉ dụ hạn chế Hoa kiều khai mỏ, mỗi nơi chỉ được phép tụ tập trên dưới 100 đến 300 người. (1)

Với thành phần di dân trí thức, họ làm nghề thầy địa lý, bói toán và xem mạch hốt thuốc chữa bệnh, một số mở trường dạy chữ nghĩa; nhất là từ trước triều Lý văn minh Phật giáo, Ấn giáo chưa có ảnh hưởng đậm đà ở xứ ta.

Một số khác sống bằng nghề ăn loat sách vở tứ thư ngũ kinh để bán cho các sĩ tử trong xứ, nghề in Kinh thư lễ nhạc này đến năm 1734 mới bị chúa Trịnh Giang nghiêm cấm.

Càng về sau, sự tản mác của họ bị giới hạn, chính sách kiểm soát chặt chẽ của chính quyền quân chủ đã buộc họ phải qui tụ tại nhiều địa điểm để dễ quản chế.

Suốt 6 thế kỷ (12 đến 18), ta có thể ghi nhận các nơi lui tới thường xuyên của người Trung hoa như sau.

Năm 1149 (Lý Anh Tông) họ quần tập tại Vân Đồn.

(1) Phạm xuân Độ, Việt sử dân gian /

Năm 1428 (Lê thái Tổ), cư trú tuyến định mở rộng ra 9 địa điểm, Côn Hải, Hội thông, Hội Triều (Trung phần) Thông Lĩnh, Phú lênh, Tam ca (Thượng du Bắc Phần) và Vân đồn, Vân ninh (duyên hải Bắc Phần).

Sang thế kỷ 13, cũng do chính sách tập trung, người khách phải tụ hội tại Phố Hiến (Hưng yên và Hội an (Quảng nam).

2) Tại Trung Phần :

Đảng trong và ^{Cả}đảng ngoài đều có lý do riêng để theo đuổi.

Chúa Trịnh thì không thích họ tự do đi lại dòm ngó vào nội tình bên Vua (Lê) bên Chúa (Trịnh).

Chúa Nguyễn thì mở cảng Hội an (FaiFo) để thu thuế, và tuyên truyền cho chính sách khai phóng của triều đình mới ở phương Nam.

Hội an lập ra trong khoảng từ 1613 đến 1618, thời đó thật là xầm uất. Hội an còn có tên là Đại Chiêm Hải khẩu, người Hoa kiều lập tiệm buôn dọc bờ sông Thu bồn, đặt tên xóm là PHAI-PHẢO, đọc nghe như Hải-phá-ố, nên người Việt phát âm mãi thành Hải Phố, giáo sĩ Bá Đa Lộc lại phiên ra chữ Pháp là FaiFo.(1)

Dân cư ở đây đều là ngoại kiều mà đông nhất phải kể Hoa kiều và Nhật kiều.

Hội an chia làm 2 Khu, khu phố Khách (tức Tàu) và khu phố Nhật, biệt lập với nhau. Chúa Nguyễn cho cả 2 khu đều được hưởng qui chế tự trị, bầu thủ lãnh riêng và sống y theo phong tục tập quán nguyên xứ.

Theo Pierre-Poivre, năm 1744, Hội an có 6.000 phú thương Trung hoa. Đặc biệt Hoa kiều ở khu phố Khách lúc nào cũng tự nhận là thần dân nước Đại Minh chứ không phải di thần và nạn dân trốn nhà Mãn Thanh lưu lạc.

Chúa Nguyễn, lại còn khuyến khích mậu dịch bằng cách tổ chức hàng năm 3 lần chợ Phiên, cách khoảng nhau 4 tháng tại Hội an để thương Khách Hoa kiều đổ xô vào buôn bán và nhờ đây chúa thu thuế rất nhiều.(2)

(1) Phạm đình Khiêm, Xã hội VN thế kỷ 17 dưới mắt giáo sử Bá Đa Lộc VN khảo cổ tập san, số 2, 1961.

(2) VN Khảo cổ tập san, số 1, 1962.

Song song với sự phát triển của Phố Hiến ở Hưng yên và Hội an ở Trung Phần, cũng tại Quảng Nam thời đây có 10 vị đại lão nguyên là cựu thần nhà Minh, thuộc 6 họ Ngụy, Trang, Ngô, Thiệu, Hứa, Ngũ, từ Hoa Nam trôi nổi sông nước ta, lập ra tại xã Trà Nhiêu (Quảng Nam) 1 làng Minh hương, về sau dời về Hội An.

Học giả quá cố Nguyễn Thiệu Lâu lại cho biết thêm rằng thập lão tiên hiền của Minh hương xã vốn gốc Phước kiến và Triết giang, định cư tại Thăng bình (cách Hội an 15 cs) chứ không phải Hội an. (1)

Về sau mới dời về Trà Nhiêu rồi Thanh hà, nơi đây 1 tổ đình được dựng nên. Địa điểm cuối cùng của Minh hương xã là Cẩm phố và Cổ Trai rộng 14 mẫu rưỡi.

Tại đây, công đồng Trung hoa bắt đầu lan rộng ra các xã kế cận và sau hết tại 36 tỉnh ở Đàng trong.

Chín Cheng Ho cho biết dân số sơ khởi ở Minh hương xã này không phải chỉ có 6 Họ, mà còn các Họ khác là Lâm, Trần, Đào, Trịnh, Ngô, Lữ, Ngụy căn cứ theo đơn xin trình quan lại VN để xin nhập bộ và ghi danh sách vào Bộ Tân Khách (như sổ ngoại kiều ngày nay).

Sách "Tuy tiên Đường, tiên hiền hương phả đồ bản" của Lý thành Ý chép năm Tự Đức (1880) cho biết, ngoài thập lão, lục tính còn có thêm tam gia nữa.

Thập lão là Khổng thái Lão gia, Nhan lão gia, Dư, Từ, Chu, Hoàng, Trương, Trần, Thái và Lưu lão gia.

Lục tính là 6 vị đại lão nói trên, còn tam gia tức 3 nhân sĩ tên Trương hoàng Cơ, Ngô đình Khoan và Tần quốc Trường.

Như vậy, tổng cộng lại có tất cả 19 thị tộc Trung Hoa (2) đã di cư sang VN lập nên Minh hương xã và bành trướng khắp Đàng trong thời Trịnh Nguyễn tương tranh.

Họ sinh cơ lập nghiệp và tổ chức xã hội ra sao, đó là điều ta cần biết.

../.
(1) Nguyễn thiệu Lâu, La formation et évolution du village de Minh Hương - Paifoo, 1941, p. 359-367.

(2) thị tộc là 1 họ bên Trung hoa, sống quần tập tại một thôn riêng biệt gọi là TRANG, ví dụ họ Trần sống gần gũi nhau tại 1 khu có hào lũy bao quanh gọi là Trần gia Trang.

Theo Chin Cheng Ho, chính quyền nhà Nguyễn giao cho họ trách vụ nghiệm xét cân lượng, định giá hàng các tàu buôn và làm thông ngôn cho tàu bè các nước tới Hội an mạo dịch, đổi lại, họ được miễn phụ dịch, sưu sai, tuan dò và quét chợ.

Minh hương xã còn được hưởng " đặc quyền sinh không kể, chết không trừ" cho tới khi nào có đại diện (tổng kiểm tra dân số) 6 năm thực hiện 1 lần mới tổng kê nhân số trong xã lại.

Về hành chánh, có thể coi như tổ chức Minh Hương xã được hưởng qui chế tự trị, các chức việc do họ tự bầu lấy và xin sắc phong.

Hương chức gồm có :

- Hương lão : trưởng lão, đại diện làng chủ tọa hương hội.
- Hương trưởng : nhân sĩ danh giá, có thể lược, đại diện nhân dân xã.
- Hương quan : hay viên quan
- Cai xã.

Số lượng hương chức và thành phần không nhất định.

Năm 1779 Minh hương xã đặt thêm chức Huân đạo (hương cúng) coi việc hương đăng, năm 1827, thêm chức Thủ vụ tam bảo (chuyên quản hương hoa và tế lễ trong chùa) chính trưởng (đứng đầu 1 lân) phụ trưởng (phụ tá) và thông ngôn.

Thời đó có 5 xã Hoa kiều nổi tiếng nhất là : Minh hương Hội an, Cẩm Phố, Cù lao Chàm và Lăng Cầu.

Về xã hội, trước năm 1927, Minh hương xã có lập Tứ ban Hội quán : Phúc kiến, Triều Châu, Gia Ứng và Quảng đông, sau thêm 1 Bang mới là Quỳnh Phủ (Hải Nam).

Khi chính quyền Trung Hoa dân quốc thành lập ở Lục địa (1927) Ngũ ban Hội Quán đổi thành Trung hoa Hội quán với tổng sự được cử ra để quản trị. (1)

Một năm sau, Hội Quán mở thêm trường học để dạy dỗ con em Hoa kiều.

Tôi nghĩ, 1927 là niên kỷ quan trọng trong lịch sử di dân và sinh hoạt của Hoa kiều, đây là năm các BANG đổi thành TRUNG HOA HỘI QUÁN và cũng là năm mà QUI CHẾ MINH HƯƠNG đã tách bỏ cái vỏ tế phàn của xã hội VN để trở thành nhóm KIỀU DÂN TRUNG QUỐC thực sự; chịu sự chi phối của chính quyền TRUNG QUỐC thực sự.

(1) Chin Cheng Ho, VN Khảo cổ tập san, số 3, 1962/

TRUNG HOA HỘI QUÁN chỉ là cái tên khác nhưng cùng màu sắc với cái tên LÝ SỰ HỘI QUÁN mà sau này người Pháp đã đặt cho họ.

Ngoài ra về phương diện kinh tế, từ năm 1715, người ta thấy nhóm Hoa kiều tại Đàng trong đã có lập 1 tổ chức ái hữu lấy tên là Dương thương Hội Quán, để kết hợp những người đồng hương lại với nhau. Dương thương Hội quán cũng như Phòng thương mại Hoa kiều ngày nay, lập ra nhằm mục đích hỗ trợ cho các thương khách đến Hội an tạm cư buôn bán.

3) Tại Nam Phần :

Tôi vừa đề cập đến xã hội Hoa kiều tại Trung Phần.

Riêng về trào lưu di dân của họ ở phương Nam, theo lệnh Chúa Nguyễn họ chen chúc nhau sống tại các xã Đông Phố (Gia định) Lộc giá, Ban Lâm (Biên Hoà) và Mỹ tho để phá rừng lập ấp.

Họ cũng trà trộn với dân Việt tại các xã Thanh hò (Biên hoà) Minh hương (Gia định).

Tại miền cực Tây là những lưu dân do Mạc Cửu, tổng binh Hà tiên trấn trực thuộc Nguyễn triều chiêu dụ và qui dân lập nên 7 xã : Hương úc, Trưng kè, Cồn Một, Giá khê, Cà mầu, Phú quốc.

Trong vòng 100 năm khai phá bờ cõi phương Nam đã thấy phát hiện các thị trấn lớn mà tỉ lệ kiều dân Trung hoa so với dân bản xứ thật đáng kể.

Sinh hoạt của họ trong thời này tùy theo điều kiện kinh tế và địa lý mỗi nơi mỗi khác nhau nhưng tựu trung đa số lên lỏi trong hệ thống thương trường.

Tại Sài một (Hà tiên) một lượt với các nhà sư ở Qui nhơn, các nho sĩ Phước kiến được với đến Chiêu anh Các do chính quyền lập ra để đón rước tao nhân mặc khách và khích lệ phong trào cần học trong dân gian.

Trong khoảng từ năm 1777 đến 1787, thời Gia long tấu quốc số di dân Trung hoa đã thưa thớt đi nhiều vì nhà Mãn Thanh đã bình định xong nội loạn, tình hình Trung quốc yên ổn, tuy nhiên vẫn có 1 số người Trung hoa sang VN nhiều nhất là ghe thuyền từ Hải nam và Xiêm. Họ định cư tại Bạch giá lập nên 2 Bang Lạc Lai (Phúc kiến) và Hải Nam.

Người Phúc kiến lập vườn trồng hồ tiêu, người Hải nam bước vào địa hạt nội thương và xuất nhập cảng. (1)

Tại An giang, năm Quý sửu 1853, vua Tự Đức chuẩn y lời tâu của Quan kinh lược đại sứ Nam Kỳ là Nguyễn Tri Phương lập đồn điền Ba xuyên An giang.

Sử liệu cho biết, có rất nhiều người Hoa kiều xin ghi tên đầu mộ, họ được đưa đến 2 thị trấn mới trên, 1 số còn thừa đi sang Vĩnh tế, Ba xuyên và Tịnh Biên.

Nhìn chung, trong thời quân chủ, ảnh hưởng kinh tế của người Hoa kiều chưa lấy gì làm đáng kể.

Ngoài Bắc họ bị tập trung vào vài địa điểm chỉ định, trong Nam họ sống chen lẫn với đồng bào Việt, tiên phong đi khai phá đất đai Thủy chân lập, chia sẻ chung sự khổ nhọc và góp tay vào việc phát triển hệ thống đô thị ở miền Tây.

Tình thân hợp quần của họ lúc đó có nhưng chưa mạnh mẽ, thứ nhất vì đời sống trong Nam thời ấy chưa ổn định, sự di lại rất khó khăn và thứ hai nữa là sự liên lạc với chính quốc chưa thường xuyên và đều đặn.

Chỉ song đời Pháp thuộc và nhất là cuộc cách mạng Tân Hợi bùng nổ ở Trung Hoa, Tôn dật Tiên và các giới thân cận mới nghĩ đến việc nắm lấy khối Hoa kiều ở hải ngoại để làm hậu thuẫn cho cuộc Cách mạng Tam dân mà tại chính quốc đang phát động.

Ta xét sau đây, xã hội Trung Hoa tại VN trong thời thực dân đô hộ.

đ

II.- Xã hội Hoa kiều tại VN trong thời thuộc Pháp :

Chính sách của thực dân sau khi hất chân người Trung Hoa khỏi đất nước ta là một mặt chủ động trong việc xen lẫn vào nội tình VN, mặt khác ngầm khích lệ phong trào di dân Hoa kiều để dùng họ như 1 lớp nhân công khai thác và trục lợi.

Tôi đã nói, đầu thế kỷ 19 là lúc người Pháp đã bắt đầu

(1) xin xem Sơn Nam, Tìm hiểu đất Hậu giang /

dòm ngó mãnh đất màu mỡ Đông dương, giữa thế kỷ 19 thì họ đã lần lần gọi lực lượng thủy quân gầy hèn để đến khi Tự Đức băng hà, thì gọn như toàn cõi VN đều rơi vào tay thực dân chinh phục.

Trong giai đoạn này, người Trung hoa sang nước ta 1 lượt với chủ trương mộ nhân công khai thác vùng Đông Nam Á của Anh, Hoà lan, Tây ban Nha, Pháp.

1) Phương diện tổng quát :

Song song với quyết định mở hải cảng Amoy (Nam Hoa) năm 1842 của chính quyền Trung Hoa, người Tàu đổ xô về Nam Hải để đi làm phu trong các ngành kỹ nghệ, đồn điền cần đến sự lao dịch (slave trade).

Họ được các cơ quan tuyển mộ đưc bằng tàu đi các nước trong điều kiện hết sức khốn khổ và vất vả, số tử vong trong khi cập bến không dưới 20%. (1)

Ở Mã lai, họ qui tụ kiếm ăn tại mỏ thiếc, các khu vực trồng tía cao su, hồ tiêu, công ty khai thác Đông Ấn của người Anh.

Ở Indonésia, họ quanh quẩn trong các đồn điền cao su.

Riêng ở VN, họ có mặt tại các mỏ than đá Hòn Gay (1888), Kê bảo (1888), Đồng lang (1907), mỗi nơi độ 5.000 - 10.000 người, đa số đều gốc Quảng Tây, Quảng Đông. (2)

Chính E. Delamarre, Tổng thanh tra Lao động Đông dương thời đó cũng nhìn nhận, làn sóng di dân Hoa kiều ban đầu không có lợi cho chính quyền Pháp về phương diện thương mại và nông nghiệp, nhưng về sau nhờ có vài kỹ nghệ khai thác hầm mỏ ở thượng du Bắc Việt, đồn điền cao su miền Đông Nam Việt, nhân số Hoa kiều mới được xử dụng như 1 lực lượng nhân công tuyển mộ. (3)

Đa số họ làm việc ăn lương ngày và không có giao kèo, đời sống hết sức lấm than rách rưới.

Sự đãi ngộ tàn bạo này đã vang dội về chính quốc nên chính quyền Quảng Đông, trước tình trạng này phải ấn định hẳn sự kiểm soát và cấm đoán những cơ quan tuyển mộ tư nhân đối xử bất công với kiều dân họ.

(1) xin đọc Maurice R. Davie, World Immigration, tr.305

(2) xem Louis Salaun, l'Indochine, chap.1 và 5.

(3) xem E. Delamarre, l'émigration et l'immigration ouvrière en Indochine.

Năm 1859, Trung hoa hợp thức hoá tình trạng công nhân di cư của họ sang ĐNÁ, bằng cách thương lượng với chính quyền thực dân Anh Pháp phải dành nhiều dễ dãi cho Hoa kiều, nhất là điều kiện tuyển mộ qui định phải có giao kèo. (1)

Càng về sau, chính sách Pháp càng dễ dãi đối với việc nhập cảnh của Hoa kiều. Theo cơ quan lao động của Pháp từ 1926 đến 1928 có tất cả 40.000 người từ Quảng Đông, Hải Nam, Phúc kiến sang xứ ta theo ngõ cửa bể Gò Công. (2)

Tuy nhiên, trong suốt thời đô hộ Pháp, không thấy 1 tài liệu thống kê nào đề cập đến tổng số Hoa kiều sang xứ ta, ghi nhận theo niên kỳ một cách liên tục và đích xác.

Mỗi tác giả, tùy giới hạn sưu tầm, chỉ đưa ra vài con số lẻ tẻ và rời rạc, nếu tổng hợp lại, ta có thể tạm bằng lòng với sự phân phối dưới đây.

LIỆT KÊ TỔNG SỐ HOA KIỀU TẠI VN THỜI PHÁP THUỘC

<u>Niên kỳ</u>	<u>Tổng số</u>	<u>Chú thích</u>
1880	78.986 (1)	(1) A. Bouinais và Paulus, La Cochinchine Contemporaine.
1881	69.475 (1)	
1906	120.000 (2)	(2) H.C. Hinton China, Foreign's relation with VN and Burma.
1911	125.000 (2)	
1921	195.000 (2)	
1922	197.300 (3)	(3) Văn phòng thống kê Lao động Hoa kỳ trích từ M.R.Davie, World Immigration.
1926	232.100 (4)	(4) Tôi lấy con số của Nha Tổng Thanh tra Lao động Đông dương Pháp (De Lamarre) cộng với (3).
1927	273.647 (4)	
1928	324.454 (4)	
1929	345.387 (4)	
1931	419.000 (5)	(5) Trần văn Đỉnh, Quê Hương 21, tr.141
1949	880.000 (6)	(6) theo bà Henri Fortunel, trích từ Roger Lévy, Regard sur l'Asie.

(1) Xem Maurice R. Davie, World Immigration, tr. 306.

(2) xem E. Delamarre, l'emigration et l'immigration ouvrière en Indochine.

Đi vào chi tiết, chúng ta sẽ thấy rằng trong làn sóng di dân Trung hoa này, tỉ lệ đàn bà thấp hơn đàn ông, theo Roger Lévy thì có khoảng từ 57 đến 58 đàn bà so với 100 đàn ông.

Delamarre tiết lộ, không kể số lượng đã hiện diện tại Việt Nam, năm 1926, trong số Hoa kiều đến VN có 14.123 đàn ông so với 10.463 đàn bà, năm 1927 là 15.815/12.583, năm 1928 là 18.703/15.174, đầu 1929 là 8.052/6.379.

Hai sự kiện này cho thấy, đàn ông Trung hoa sang VN nhiều phù hợp với chủ trương mộ phu của Pháp cho các mỏ và đồn điền và cũng chứng tỏ vì sao, luật lệ Hoa kiều tại VN cấm gái Tàu lấy trai Việt từ đó đến nay.

Người ta có thể tìm 1 cách giải thích thứ hai là theo quan niệm Trung hoa xưa, con gái là ngoại nhân, con trai mới chính ở trong thân tộc, vì vậy để gái Tàu lấy trai Việt đương nhiên sẽ bị hoà đồng vào đời sống bản xứ, trái lại để trai Tàu kết hôn cùng gái Việt, cô gái phải ghép mình vào cộng đồng Trung Hoa.

2) Phương diện xã hội :

Về phương diện xã hội, từ 1886 đến trước 1930, qui chế Bang thời quân chủ vẫn còn tồn tại, tất cả người Trung hoa đều bị buộc phải đăng ký tại sở Cảnh sát và sở An ninh do Pháp lập để cấp chiếu khán, đăng ký lưu trú và nếu ở lâu sẽ có 1 thẻ thường trú (carte de capitation).

Thành phần Hoa kiều thời này được chia ra 3 hệ cấp :

- các nhân sĩ (notables)
- kiều dân có đăng ký (inscrits)
- thợ, cu li, và người giúp việc có lương (ouvriers, coolies et serviteurs à gages).

Đến năm 1930, họ được hưởng qui chế Ngoại kiều Á Đông hoá như ngoại kiều Yêmen và Ấn độ.

Sang 1946, do sự nhân nhượng của Pháp, họ được hưởng nhiều đặc quyền khác trong đó có quyền miễn xứ. Ngoài ra, lãnh sự quán Hà nội, Hải phòng cho phép mỗi người Tàu được đề cử 1 Bang trưởng riêng biệt, chịu trách nhiệm về đủ phương diện, như trung gian giữa Pháp và người đồng hương, khai báo, di trú, đóng thuế.

Với ngân quỹ nâng đỡ, họ được liệt vào hạng ngoại kiều hưởng 1 qui chế ưu đãi (étrangers bénéficiant d'un statut privilégié).

Sang 1948, do sự vận động của chính quyền Trung Hoa, Hoa kiều tại VN được hưởng 1 qui chế người Âu và tháng 9/1948, các Bang Hội được đổi thành các Lý sự Hội Quán Trung Hoa do 1 Lý sự trưởng quản trị, luật thực dân thời đó còn cho phép họ được quyền ra báo, và lập trường tiểu học. (1)

Năm 1947 và 1948, có tất cả 42.088 học sinh Việt gốc Hoa và 1.662 thầy giáo. (2)

3) Phương diện kinh tế :

Về cách thức sinh hoạt và làm ăn, khi chính sách dung túng của Pháp mở đầu, Hoa kiều di dân đến VN chỉ đi làm phu, ở thuê cho đồng hương giàu có đã sang từ trước, hoặc làm thương mại.

Dần dần, trong thị trường vai trò của họ nổi bật lên vì dân Việt hầu hết ở rải rác trong xứ đều nhất loạt phản đối chính sách bóc lột của thực dân.

Pháp làm ngỡ và gần như đồng ý ngầm rằng, trên phương diện kinh tế, họ đã có sẵn đồng minh là Hoa kiều trở lực.

Đa số họ tập trung ở các thị tứ lớn ngoài thủ đô.

Năm 1881 tại Sài Gòn chỉ có 5.595 Hoa kiều, ở Chợ Lớn 19.046 nhưng đến 1931 con số này lên đến 75.000 (Sài Gòn) và 95.000 (Chợ Lớn). (3)

Hoạt động sở trường của họ gồm trong 4 nét chính :
 thu mua lúa gạo, cho vay nặng lãi, chuyên chở và buôn bán chạp phô, một số ít cũng làm vườn, đánh cá, làm khô và chăn nuôi.

Buôn bán chạp phô là ngành quan trọng hơn cả.

Chạp phô ta thường gọi là bán tạp hoá là một cách sinh cư rất thịnh hành của Hoa kiều.

Khắp nơi, từ 1 con phố bình dân ở thành thị đến cuối bờ 1 ngọn sông hẻo lánh ở làng quê, đâu đâu cũng thấy bóng các tiệm

(1) Tài liệu Tổng bộ An Ninh 1966.

(2) Roger Lévy, Regard sur l'Asie.

(3) Theo Bouincis, Paulus và Delamarre đã trích dẫn.

chạp phôi, bán đủ gần hết nhu yếu phẩm hàng ngày : than củi gạo nước mắm, hộp quẹt, chai nước ngọt và cả đến hộp tăm, viên kẹo.

Chuyên chở (lúc đó chỉ có ngành giang vận) và thu mua lúa gạo là 2 hoạt động hỗ tương mật thiết với nhau.

Ta hãy nghe 3 tác giả Pháp, phục vụ với chính quyền Đông dương thời đó A. de Tizac, M. Vieillard và Le Lorrain kể lại mảnh khố khôn ngoan này như sau :

"Họ có liên lạc mật thiết với nhân dân địa phương, cho vay với lãi suất rất lớn trước mùa mạ, đến khi gặt họ cho ghe đi về miền quê gom tất cả tiền vốn lẫn tiền lời trả bằng lúa. Nếu ai ngoan cố, định giắt tiền, thì họ siết đất và bằng biện pháp này có thể nói họ kiểm soát sản ngạch nông nghiệp của hơn phân nửa đồng ruộng miền Nam." (1)

Năm 1901 đến 1903, khi con kinh xống XÀNO ở Cần thơ được Tây đào xong, lúa gạo Hậu giang gom tất cả về Cái Răng, cách Cần thơ 5 cs, nơi đây, toàn là nhà ngói, người Trung Hoa đến đó lập nghiệp đông đảo, họ là chủ những chành (kho) lúa lớn, các chành ở Chợ lớn đều có đại diện tại Cái Răng, số thuế nộp công nhờ từ hoạt động trung gian này của Hoa kiều lên đến 1 triệu đồng Đông dương mỗi năm. (2)

Riêng về địa hạt cho vay ăn lời, lãi suất của họ (30%) cao không thua gì nợ Chetty và sau này Pháp phải lập Ngân hàng Đông dương cho vay với lãi suất nhẹ hơn (11%) để giảm bớt sự bóc lột. (1) Cũng trong thời gian này, con số Hoa kiều làm thương mại và kỹ nghệ có môn bài đếm được 8.033 người so với 12.406 Việt và 119 Âu.

Có thể nói tuy ảnh hưởng trên thương trường của họ chưa áp đảo nhưng thời Pháp, cuối thế kỷ 19 đã có các phú thương Hoa kiều tên tuổi ở Sài Gòn, Chợ lớn như Tonkengho, Weechy Seng với vốn ký thác tại các nhà băng từ 80.000 đến 200.000 đô la. (3)

Điều cần biết thêm nữa là năm 1881 trong số 4 nhà băng lớn ở Sài Gòn, thì đã có đến 3 do Hoa kiều đóng góp 1 số cổ phần

(1) Trích Paris Exposition du Roubaix, l'Indochine en 1911, tr.49.

(2) Trích Tìm hiểu đất Hậu giang của Sơn Nam.

(3) A. Bounais và A. Paulus đã trích dẫn.

quan trọng . Đó là : Hong Kong Thương hải Ngân hàng, Chartered Bank of India Australia and China, Mercantile Bank of India London and China và Ngân Hàng Đông dương. (1)

Mặt khác bên cạnh các hoạt động kinh tế, họ còn tỏ ra rất lợi hại trong các hội kín như Thiên địa Hội (Association du Ciel et de la Terre) mà trung tâm phát động là tỉnh Bạc Liêu và những cánh đồng ngập nước ở bán đảo Cà Mau, năm 1882, đô đốc Le Myre de Vilers đã phải đích thân xuống đó một lần để điều đình và giải quyết. (1)

Có thể nhận xét chung rằng, đặc tính của Hoa kiều tại VN là rất cần cù, nhẫn nại, giỏi chịu đựng cực khổ, biết đoàn kết và có óc kinh doanh rất mạnh.

Chúng ta có thể đọc lại tất cả đức tính này trong 1 đoạn nhận xét của Bouinais và Paulus như sau : (1)

" Họ biết tương trợ lẫn nhau như người Do thái ở Âu châu như các thương buôn Phenicien thời cổ.

Người ta thường gặp họ ở Chợ lớn, Sài Gòn, Sađéc, Sóc trăng. Tổ tiên họ là những con buôn giỏi giang, thợ khéo, biết nắm ngay cả những cơ hội lời lãi ít ỏi, vài người ở Chợ lớn còn thuê tàu bè Âu châu để bôn ba đến Ấn, đảo Réunion hoặc sang Tàu."

Hoa kiều chỉ chiếm 1/25 dân số thuộc địa nhưng sự có mặt của họ là 1 không chế đủ để hạt với dân bản xứ. Ở họ phẩm độ hơn lượng về sinh hoạt kinh tế.

Chính Tizac, Vieillard và Le Lorrein cũng phải nhìn nhận " Người Tàu ở Đông dương rất đông nhưng không nên nhìn sự quan trọng của họ qua nhân số ".

H.C. Hinton còn phân tích sâu sắc hơn phản ứng của đồng bào ta với Hoa kiều. Ông viết : " Thái độ của người Việt đối với Trung Hoa là tập hợp của sự ngưỡng mộ, ghen ghét, uất ức và sợ hãi (admiration, envy, resentment and fear). (2)

(1) A. Bouinais và A. Paulus đã trích dẫn /

(2) đã trích dẫn ở trên.

III. Xã hội Trung Hoa tại VN trong thời cận đại và hiện đại :

1) Trong thời cận đại (1954-1963).

Nếu không có người Pháp tiếp tay dung túng trong giai đoạn đó họ, có lẽ tập thể Hoa kiều không đủ lớn và không đủ mạnh như ngày nay.

Chính sách của VN gần như bị đứt quãng suốt 100 năm lệ thuộc, không hề có 1 kèm chề nào, không có 1 quân thức nào, người Hoa kiều đã rảnh tay đóng tròn vai trò đã thoả thuận trước với Pháp.

- trung gian về chính trị
- trung gian về kinh tế
- trung gian về xã hội.

Cộng đồng Trung hoa đã nở cỏ theo chiều ngang (nhân số) chiều dọc (hoạt động) và chiều sâu (ảnh hưởng).

Chúng ta chỉ xét ở đây nhân số và lề lối sinh hoạt của họ, còn về ảnh hưởng xin dành cho 1 chương sau.

Thông kê chính thức năm 1955 cho biết con số Hoa kiều tại VN là 703.102 người, riêng Sài Gòn-Chợ lớn năm 1957 đã có 130.000 Hoa kiều, không kể trẻ con và người thổ sinh.

Các con số này thực ra, dưới sự thật rất xa, theo sự ước lượng của những người am hiểu tình hình, kể cả Hoa kiều chưa được kiểm tra chính thức, tổng cộng phải lên đến gần 1 triệu.

Giáo sư Nguyễn Văn Vàng (1) cho biết năm 1960, toàn quốc có đến 800.000 người.

Về mặt sinh hoạt, Chợ lớn, sau bao nhiêu thăng trầm gần như đã mang hẳn một bộ mặt đặc thù Trung hoa với những con phố đa số là trệt, hoặc 2, 3 tầng tối đa, nhan nhản các hiệu ăn Tàu, quán xá của hiệu đều kẻ bảng chữ TÀU, người Việt gan như vắng bóng.

Nhiều người so sánh, nếu có thêm 1 eo biển, Chợ lớn sẽ thành 1 HongKong thứ 2 ở ĐNA, nơi đây tất cả cửa hiệu đều ở trong tay người Phúc kiến. Họ chỉ có 5% so với toàn thể Hoa kiều.

(1) Nguyễn Văn Vàng, Hành chánh Khảo luận số 8

Dân Quảng Đông, trừ 1 số ít giàu có, còn lại đa số làm thủ công nghệ mà lợi tức hàng tháng không vượt hơn 30 đô la. (1)

Một điểm khác cần ghi ra là khi Ô. Diệm về nước chấp chánh, bên cạnh những khủng hoảng chính trị do các lực lượng hoạt đầu gây ra, chưa bao giờ tình hình xã hội ở miền Nam lại rơi vào tình trạng sa lầy như lúc đó.

Nếu Pháp để để lại 1 di sản cầu an, vọng ngoại và tham nhũng trong thành phần quan lại đã cộng tác với họ, thì Hoa kiều là duyên do gây ra vô số tệ đoan xã hội.

Điển hình nhất là nạn tử đồ tương.

Leo Tsang, giám đốc sòng bạc, vũ trường, ô điểm to nhất ĐNÁ có tên là ĐẠI THẾ GIỚI (Grand Monde) nằm trên đường Đồng Khánh, đã lôi cuốn rất nhiều người Việt vào con đường khuynh gia bại sản.

Leo Tsang lại cấu kết với lực lượng phiến nghịch Bình Xuyên để nhờ tiếp tay che chở và gìn giữ an ninh, đổi lại Bình Xuyên lấy đến 80% tổng số tiền lời.

Do những mối lợi đó, mà Lê Văn Viễn, tức Bảy Viễn, tướng Bình Xuyên đã mua được chức Tổng giám Đốc Công an của Bão Đại với giá 1 triệu đồng, mượn thế lực để khai thác và thu lợi khu nhà thổ Bình Khang vườn lài, nay là đường Trần nhân Tôn.

Trong toàn quốc nạn cờ bạc, hút sách lan rộng ra một cách đáng ngại.

Chính thế, mà khi củng cố được quyền hành, Ô. Diệm đã phát động sâu rộng ngay chiến dịch bài trừ tử đồ tương mà đặc biệt nhất là sự hút á-phiện.

Cũng trong thời này, khoản trước năm 1956, tại Khu xóm chiếu, quận 8 ngày nay, có 1 xóm tập trung toàn là Hoa kiều đa số thuộc thành phần bat hảo.

Chính quyền định trục xuất họ khỏi VN, nhưng Hong Kong không chịu nhận mà Đài loan cũng chẳng dám rước về.

Phải đợi đến khi Bộ luật quốc tịch ra đời, nhóm này mới được đồng hoá và tạc mác lên, đem lại cho Xóm chiếu một bộ mặt sáng sủa và sạch sẽ hơn.

(1) Xin xem R.S. Elegant, Under the dragon's seed, phần Under the blue flag.

Về mặt kinh tế, người Trung hoa thời này, đã đóng 1 vai trò hệ trọng hơn.

Nếu thời Pháp, họ chủ động so với người VN thì bây giờ lại càng áp đảo và biết đoàn kết hơn.

Như thuở xưa biết lấy chữ tín làm đầu, không sợ lường gạt giành giật, ăn xối ăn bót, nghi kỵ lẫn nhau trong vấn đề làm ăn, ngày nay họ còn tích cực hơn trong việc tương trợ, đùm bọc, giúp đỡ lẫn nhau.

Cố học giả TÙ Chung (1) kể lại rằng 1 tiệm thuốc Bắc tiêu tan vì hoả hoạn, các tiệm khác liền, người cho mượn tiền, kẻ cho mượn thuốc người giúp của, kẻ giúp công, trong 3 ngày sau có thể hoạt động bình thường như cũ với đầy đủ thuốc men.

Một nhà thầu VN, đầu được lô xe jeep cũ của quân đội, thì liền chiều hôm đó, thị trường sắt vụn Chợ Lớn đã được báo động, không một Hoa kiều nào nhận tiêu thụ lô xe jeep vừa trúng thầu của người Việt đó.

Họ biết đoàn kết và bảo vệ quyền lợi tập thể nên chúng ta không lạ khi biết rằng đến năm 1958, khi Ô. Diệm ban hành 1 loạt biện pháp gắt gao về quốc tịch, cấm 11 nghề, ảnh hưởng Hoa thương vẫn còn sâu đậm trên xứ này.

Trong toàn quốc, họ làm chủ 6.071 cửa hiệu buôn bán, 4.772 tiệm bán lẻ có môn bài, 1.427 quán ăn uống, 89 cơ sở tài chánh bảo hiểm, 625 xưởng dệt, 276 xưởng gỗ.

Tính chung, có đến 3.475 cơ sở công kỹ nghệ do Hoa kiều đứng tên khắp xứ, các ngành khác là 17.288 đơn vị. (2)

Dụ 53, ban hành ngày 6.9.56 cấm Hoa kiều làm 11 nghề đã không đưa đến 1 hậu quả tốt đẹp nào khác hơn là Việt hoá 1 số lớn tư bản ngoại quốc do Hoa kiều sở hữu.

Phản ứng của họ lúc đó là ngạc nhiên và thảng thốt nhưng rồi có đến 90% vui vẻ nhập tịch để không phải chịu theo ý thức hoà đồng mà để tránh những thiệt hại kinh tế.

Cho tới năm 1959, trước phép lý, tổ chức xã hội của Hoa kiều vẫn là các LÝ SỰ HỘI QUÁN như thời Pháp.

(1) Ba Tàu tranh thương, nhật báo Ngôn Luận, 13/8/62 /

(2) Theo Far Eastern Economic Review, 1/1958, tr.21.

Xem mục lục chi tiết tr. 46 bis.

BẢNG TỔNG KÊ ẢNH HƯỞNG KINH TẾ CỦA HOA KIỀU TẠI VIỆT NAM
(Số xí nghiệp hoặc nhà buôn có môn bài)

T/T	NGÀNH	Sài Gòn Chợ Lớn	Các tỉnh	Trung Phần	Tổng cộng
1	A. CÔNG KỸ NGHỆ :				
1	Thực phẩm	653	329	63	1.045
2	Thuốc lá	10			10
3	Kương dệt	529			525
4	Gỗ	160	116	96	276
5	Đồ gỗ	71			71
6	Giấy	59			59
7	Nhà in, xuất bản	98			98
8	Học học phẩm	43			43
9	Cao su	35			35
10	Da, sản phẩm da	198			198
11	Đồ gốm, thủy tinh	159			159
12	Sắt, thép	8			8
13	Các loại kim khí khác	117			117
14	Máy móc	180			180
15	Dụng cụ trang bị chuyên chở.	38			38
16	Linh tinh	410	77	26	513
	CÔNG :	<u>2.864</u>	<u>522</u>	<u>89</u>	<u>3.475</u>
	B. NGÀNH KHÁC :				
17	Nông và ngư nghiệp	30			30
18	Kây cất	60			60
19	Bán buôn	1.856		817	6.071
20	Bán lẻ	2.123		461	4.722
21	Tài chính, bảo hiểm	89			89
22	Chuyên chở	165			165
23	Dịch vụ khách sạn	108		29	137
24	Sửa chữa linh tinh	39			39
25	Điện ảnh	20			20
26	Giải trí khác	9			9
27	Y tế	135	196	45	376
28	Giáo dục	32			32
29	Các tiệm ăn, uống	920	408	99	1.427
30	Linh tinh	636			636
	CÔNG :	<u>6.222</u>	<u>6.664</u>	<u>1.451</u>	<u>13.813</u>
	TỔNG CỘNG :	<u>9.086</u>	<u>6.662</u>	<u>1.540</u>	<u>17.288</u>
	<u>Nguồn gốc :</u> theo tạp chí	Far Eastern Economic Review 1/1958 tr.21.			

Bên cạnh đó còn 1 Phòng thương mại Hoa kiều (Nam Việt) thành lập do nghị định 29/11/54 và Quỹ Bù Trừ (Caisse multi-professionnelle de compensation des allocations familiales des employeurs et des corporations chinois de la Préfecture SG-CL) thành lập do nghị định 3/4/54.

Phòng thương mại Hoa kiều đặt tại số 201-203 đường Paris (nay là Phùng Hưng), nhằm mục đích bình vực quyền lợi hợp pháp về thương mại, kỹ nghệ của Hoa kiều, phát triển việc giao hoán nội bộ, trọng tài những tranh chấp trong giới với nhau.

Họ có 60 đại diện ở thủ đô và 20 ở tỉnh : Gia định, Thủ đầu Một, Biên hoà, Bè riá, Cáp, Tây ninh, Tân an, Sóc trắng, Bạc liêu.

Quỹ bù trừ là tên tắt của Quỹ de nghiệp bù trừ phụ cấp gia đình các chủ nhân và đoàn thể Hoa kiều tại đô thành Sài Gòn Chợ Lớn.

Khoảng 1956 đến 1960, khi sắc lệnh 133/NV về dụ 48 ban hành các Lý sự Hội quán Trung Hoa và Bang Á Kiều bị giải tán trong toàn quốc chỉ còn trên dưới 4.000 Hoa kiều thật sự, tất cả đều trở thành công dân Việt gốc Hoa.

Chính quyền có họp các Chánh Phó Lý sự trưởng và chánh phó Bang trưởng Á kiều lại để giải thích hầu đánh tan mọi óc ý và ngờ vực chủ trương của VN.

Theo đó, người ta biết rằng, chính phủ VNCH không có ý định phân biệt đồng bào Việt chánh tông và đồng bào Việt mới, không có hậu ý xâm chiếm tài sản các LSHQ và BAK nhưng cần cải tổ lại theo tinh thần 1 nước độc lập vì tại những nước khác không nơi nào chấp nhận việc thiết lập những cơ cấu tương tự cho công dân bản xứ, trừ phi với ngoại kiều.

Từ đây, vấn đề Hoa kiều đã bị xoá tên trên giấy tờ, không còn 1 triệu kiều dân Đài loan ở VN nữa, chỉ còn 1 số gần 1 triệu công dân Việt gốc Hoa đang chờ để được đồng hoá và sống chung trong cộng đồng Việt.

2) Trong thời hiện đại (từ 1963 đến nay)

Từ sau ngày cách mạng đến nay, trên giấy trắng mực đen, khối Hoa kiều đã không còn lý do tồn tại nhưng tôi vẫn nghĩ rằng trên thực tế, tập thể này vẫn hiện hữu và chưa bị phân tán như một số người vẫn tưởng.

Tôi không tìm thấy lý do nào để tin rằng, người Hoa kiều ở VN mà hiện tại vẫn được gọi là công dân mới, chỉ có một thân trạng duy nhất.

Tôi đồng ý với vài luận cứ nhiều xác tín cho rằng, họ có đến từ 2 đến 3 căn cước, một của VNCH (công dân Việt), một của Trung Hoa Quốc gia (công dân Đài Loan) và tệ hơn nữa một của Trung Cộng (công dân Bắc Kinh).

Như vậy, có thể tin rằng họ có đến 3 đời sống tinh thần, mỗi mẫu là một phương thế để xử sự, xoay sở về nương náu khi cần thiết, tuy nhiên về vật chất, sinh hoạt của họ dù biến đổi ít nhiều nhưng ý thức đoàn kết nội bộ vẫn còn, tinh thần hợp quan vẫn nguyên vẹn là tinh thần thời Pháp.

Nếu chính sách trong giai đoạn hiện đại ngừng ở đây, và sự đồng hoá trước mắt chính quyền được coi là 1 kế hoạch phụ thuộc thì sớm muộn, chúng ta sẽ làm hỏng cả những công trình xây dựng từ trước.

Tôi quan niệm đã đến lúc cần đặt lại kế hoạch đồng hoá và đặt lại có nghĩa là cần hiểu rõ nếp sống vật chất và tinh thần hiện nay của họ ra sao.

Trước nhất là về nhân số và lẽ lối sinh hoạt.

Theo giáo sư Nguyễn Văn Vàng, nguyên đặc ủy trưởng Trung Hoa sự vụ, năm 1960, tại VN có 800.000 Hoa kiều.

Nếu lấy sinh suất trung bình là 3% mỗi năm, làm con tính nhỏ và cộng với 4.081 Hoa kiều còn giữ quốc tịch Trung Hoa (đến cuối 1967) ta sẽ có số người Trung Hoa tính tới cuối 1968 như sau :

$$800.000 + \frac{(800.000 \times 3 \times 8)}{100} + 4.081 = 996.081 \text{ người. (1)}$$

Trong hiện tại, xã hội Hoa kiều tại VN gồm 5 Bang (2) Quảng đông, Phúc kiến, Triều châu, Hải Nam, Hắc (Hekka), 5 Bang này có 1 cơ cấu chung là LÝ SỰ HỘI QUÁN TRUNG HOA.

Từ sau những biện pháp gặt gạo năm 1956 và 1960 của chính quyền Ngô đình Diệm, các Lý sự Hội Quán này đã bị giải tán.

(1) Lê xuân Sướng, Vai trò ngoại kiều trong nền Kinh tế VN, 1967, tr. 37.

(2) Theo Gs Trần Văn Đĩnh, thời Gia Long có đến 7 Bang, thêm 2 Bang Quỳnh châu và Phúc châu, năm 1885 Phúc châu nhập vào Phúc Kiến và Quỳnh châu vào Hải Nam nên chỉ còn 5. .../.

Xã hội Trung Hoa bị tách làm 2 tế phân, 1 đa số là nhóm đã nhập Việt tịch (đồng bào Việt gốc Hoa) và thiểu số là kiều dân của Đài Loan.

Trên lý thuyết là vậy, nhưng thực tế, tôi tưởng rằng sự phân biệt này không có thật.

Sắc lệnh 133/NV năm 1960 qui cho các Ủy ban Quản trị Đô thành và địa phương quản trị các tài sản của họ, nhưng công tác chỉ là công tác kiểm soát, thi nhận sổ sách kê toán, kê khai tài sản, chủ trương chỉ là chặn đứng và hạn chế đến tối đa hoạt động của LSHQ này.

Việc thanh lý và giải tán chưa đạt được mức hữu hiệu mong muốn.

Tôi không tìm được lý do nào để bác bỏ ý kiến cho rằng người Hoa kiều dù đã nhập Việt tịch hay chưa vẫn liên lạc thường xuyên đồng hương của mình tại trụ sở LSHQ, để tiếp xúc, và trao đổi tin tức.

Do đó cũng không sai lắm khi xác nhận màu sắc của xã hội Trung Hoa tại VN vẫn là màu sắc xưa cũ thời trước với tất cả đặc tính cố hữu của nó.

Tuy nhiên, trên bình diện xã hội có vài thay đổi quan trọng trong đời sống những người Việt gốc Hoa.

Điểm đầu tiên có thể ghi ra đây là vấn đề giáo dục.

Kể từ niên khoá 1959-1960, tất cả các trường Trung Tiểu học và sơ cấp Trung Hoa phải dạy theo chương trình Việt, mỗi tuần 27 giờ, Hoa vẫn được coi như sinh ngữ phụ, mỗi tuần dạy 6 giờ.

Hình như đường lối đưa ra không được tôn trọng chặt chẽ nên trong 2 năm liên tiếp 1967-1968, người ta lại thấy Ông Tổng Trưởng Văn hoá Giáo dục (đều là Ô. Nguyễn Văn Thơ, trong nội các Nguyễn Văn Lộc 1967 rồi Trần Văn Hương 1968) lên tiếng chính thức trên báo chí về dự luận.

Năm 1967, bác sĩ Thơ trong dịp gặp Tướng Hồ Liên (Đại sứ THDQ), đã tuyên bố người Việt gốc Hoa đều là công dân VN, có trách nhiệm và bổn phận như mọi công dân khác và vì vậy họ phải theo học chương trình giáo dục VN.

Ông cũng xác nhận, chính phủ mong muốn mọi công dân VN

đều được giáo dục đồng đều để trở thành những thế hệ trung kiên giúp ích cho quốc gia dân tộc, tuy nhiên tôn trọng nguồn gốc dân tộc của họ, chính phủ sẽ để họ được quyền theo học sinh ngữ Trung Hoa ngoài các chương trình học VN. (1)

Năm 1968, cũng Bs Thơ tới xác nhận, tiếng Trung Hoa được phép dạy tại các trường Việt gốc Hoa như 1 ngoại ngữ khác : Anh, Pháp, Ý, Đức ..., Bộ VHGD và TN dự định phái 1 số giáo sư thuộc Bộ tăng viện các trường Việt gốc Hoa để giảng dạy chương trình giáo dục VN. (2)

Điều nên biết là trong hiện tại, có đến 39 trường Tiểu học, 52 trường sơ cấp Việt gốc Hoa trong 8 quận ở Thủ Đô, với 1.151 giáo viên và 39.468 học trò.

Ngoài ra, bậc Trung học có đến 15 trường với 456 giáo sư và 10.661 học sinh. (3)

Riêng về mặt chống Cộng, trước 1956, các học sinh Việt gốc Hoa, tốt nghiệp bậc sơ trung và cao trung mà văn bằng do Toà Đại sứ Trung Hoa dân quốc cấp được chấp nhận theo học các khoá Hạ sĩ Quan và Sĩ quan VN. Sau 1 cuộc khảo sát, nhưng từ 1956 đến 1962 thì qui chế này bị bãi bỏ.

Từ 1962, những văn bằng do Bộ Quốc gia Giáo dục Trung Hoa cấp vẫn được coi là hợp lệ nhưng họ bị buộc phải biết đọc biết viết tiếng Việt và trước khi nhập ngũ có thể được đặc cách hoãn dịch 1 năm để học Việt văn.

Đến năm 1968, do đề nghị của ông Ma Shu Li (Mã thu Lễ) dân biểu Quốc hội Trung Hoa Dân quốc với Ô. Dương văn Thụy, Chủ tịch Ủy ban Quốc phòng Hạ Viện nhân dịp ghé VN, Bộ Quốc phòng đã thuận cho thanh niên Việt gốc Hoa nhập ngũ được thụ huấn riêng và được bổ xung vào các đơn vị có sĩ quan biết nói tiếng Trung Hoa để học tập công tác và chiến đấu hữu hiệu hơn. (4)

Như vậy, người Hoa kiều tại VN, ngoài việc phải nhập Việt tịch để chuẩn bị 1 đời sống hoà đồng với dân tộc đã có cơ hội để chia sẻ trách nhiệm chung với toàn dân trong công cuộc chống Cộng.

(1) Trích nhật báo Thời Thế 11/6/67.

(2) Tôi sẽ bản kỹ hơn thành bại của chủ trương giáo dục này trong 1 chương sau.

(3) Xem liệt kê chi tiết trong Bảng phụ đính số 2, 3, 4, 5 trang bên.

(4) Trích nhật báo Trắng Đen số ra ngày 30.6.68.

Bảng phụ đính số 2

/ IỆT KÊ CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC VIỆT GỐC HOA tại SÀI GÒN

<u>Thứ tự</u>	<u>Tên Trường</u>	<u>Hiệu Trưởng</u>	<u>Địa chỉ</u>
1	Bác Ái	Ô. Trần Bồi	4 Nguyễn Trãi
2	Minh Viễn	LM Vũ đình Trác	273 Ng. Tri Phương
3	Thánh Gioan	LM Nguyễn xuân Hy	922 Nguyễn Trãi
4	Thánh Terêxa	Cô Tạ Mỹ Dung	225 Ng. Tri Phương
5	Trí Dũng	Ô. Quách hồng Ba	83 Ng. Duy Dương
6	Việt Tú (1)	Ô. Lương Đông	712 Nguyễn Trãi
7	Chi Thành	Ô. Lý vĩ Như	25 Trần Diên
8	Chấn Trung	Ô. Lý văn Hùng	150/5 Ng. Huỳnh Đức
9	Đồng Đức (2)	Cô Trần thị Xuân- Nguyệt	66 Khổng Tử
10	Dân Trung	Bà Hà diêm Dương	417 Nguyễn Hoàng
11	Khải Minh (3)	Ô. Trịnh phát Chiêu	44 Phó đức Chính
12	Linh Năng	Bà Lưu Huệ	165 Trần hoàng Quân
13	Hình Đức (4)	Bà Ng. Thiệu Tiên	75 Ng. Thái Học
14	Phước Đức (5)	Bà Tăng kim Đông	266 Khổng Tử
15	Viễn Đông	Bà Nghiêm Phú- Phương.	107 Ng. Văn Thoại.

Chú thích :

1. Thuộc Bang Quảng Đông Chợ Lớn
2. Thuộc Bang Triều Châu Chợ Lớn
3. Thuộc Bang Quảng Đông Sài Gòn
4. Thuộc Bang Phước Kiến Sài Gòn
5. Thuộc Bang Phước Kiến Chợ Lớn.

Nguồn gốc : Tài liệu của Nha Tư Thục Bộ VHGD và TN, cập nhật
hoá đến cuối tháng 8/1968.

XXXX
X X
XXXX

Bảng phụ đính số 3

đ

△ON SỐ LỚP, HỌC SINH, GIÁO SƯ TRUNG HỌC GỐC HOA TẠI SÀI GON

Thứ tự	Tên Trường	: Đến cuối niên khoá 66-67:			: Đến giữa niên khoá 67-68		
		Lớp	Sĩ số	Giáo sư	Lớp	Sĩ số	Giáo sư
1	Bắc Ái	16	711	16	20	868	50
2	Chân Trung	4	176	4	5	191	6
3	Chí Thành	5	266	17	5	301	17
4	Đôn Trung	3	202	13	3	212	13
5	Đồng Đức	13	886	37	13	962	36
6	Khai Minh	4	252	14	4	280	14
7	Lĩnh Năng	5	217	14	5	240	14
8	Lĩnh Đức	5	320	19	5	357	19
9	Lĩnh Viên	27	1.472	15	28	1.675	73
10	Phước Đức	15	1.011	29	15	1.141	29
11	St Theresa	9	411	25	9	399	27
12	Trí Dũng	18	1.343	49	18	1.391	49
13	Tự Do TBD (St Joan)	22	1.005	28	23	1.183	70
14	Viễn Đông	10	414	19	9	336	16
15	Việt Tú	15	765	21	17	1.125	23
Tổng cộng :		171	9.451	320	179	10.661	456

Nguồn gốc : Nhap Tư Thục Bộ VHGD và TN đến cuối 1967.

888888

Bảng phụ đính số 4

[ON SỐ TRƯỜNG, LỚP, HỌC SINH, GIÁO VIÊN TIỂU HỌC
VÀ SƠ CẤP TƯ THỰC GỐC HOA TẠI SÀI GON

	Bậc học	: Trường	: Lớp	: Học sinh			: Giáo viên		
				nam	nữ	cộng	nam	nữ	cộng
Tiểu học	39		497	18.849	12.903	30.852	388	499	887
Sơ cấp	52		71	5.575	3.041	8.616	133	131	264
Cộng	91		668	24.424	15.044	<u>39.468</u>	521	630	<u>1.151</u>

Nguồn gốc : Nha Tư Thực Bộ VHGD và TN, đến cuối 1967.

0000
0000
0000
0000

Bảng phụ đính số 5LIÊN SÁCH TƯ THỰC CỐC HOA BẬC TIỂU HỌC VÀ SƠ CẤP TẠI SÀI GÒN

ø

BẬC TIỂU HỌC :

- Quận 1 : Dục Tú (1), Quốc Cường
- Quận 2 : Khai Minh, Lập Đức, Minh Đức, Nhật Tân (2)
- Quận 5 : Chấn Trung, Chánh Tâm, Chánh Nghĩa (3), Dân Trung, Đông Nghĩa, Huy Liêm, Khánh Đức (4), Linh Năng, Lạc Thiện, Minh Trí, Minh Đạo (5), Nam Quang, Phước Đức, Phú Thiện, Quảng Đức, Trí Dũng, Térésa, Trung chánh, Tiên Đức, Thánh Giacom, Thánh Tâm, Toàn dân, Văn Trang (6), Việt Tú.
- Quận 6 : Khai Tú, Minh Thiết, Nhân Thiện, Phục Hưng (7) Tự do.
- Quận 8 : Chí Thành, Minh Thanh (8).

BẬC SƠ CẤP :

- Quận 1 : Dân sinh (9), Hương Minh
- Quận 2 : Đức tiên, Đức cường, Hưng nhân.
- Quận 3 : Quang minh
- Quận 4 : Chánh Đức, Dân Cường (10)
- Quận 5 : An Đức, Bồi chánh, Bác Huân, Dân chúng, Dục Anh, Dục Trí, Khai Đức, Kiên Đức (chánh), Kiên Đức (nhánh), Khai Tân, Khai Anh, Khoa Hưng, Phước Hưng, Quang trí, Quốc Hưng, Thánh Đức, Trí Nhân, Thành Đức, Thánh Lễ, Thượng Liêm, Tín nghĩa, Thanh đức, Trung hiếu, Tân Hưng, Văn nguyên, Việt anh, Vĩnh toàn.
- Quận 6 : Bồi tài, Bồi trí, Chánh Đạo, Dục Minh, Huệ Minh, Minh Khương, Mỹ Đức, Nhân Đức, Thánh Đạo, Thượng chí, Thượng Đức, Việt Thanh.
- Quận 8 : Chí Cường, Lập nhân, Nhân nghĩa, Thượng trí.

Nguồn gốc : Tài liệu của Nha Tư Thực Bộ Giáo dục, 1968.

Chú thích : Bang Hải Nam SG (2), B. Quảng Đông SG (3), B. Hạ CL (5), B. Triều châu CL (6), B. Hải Nam CL (7), B. Quảng Đông CL (8), B. Triều châu CL (9), B. Triều Châu SG, (10) B. Triều Châu CL.

ø

Mặt khác, về phương diện thông tin tuyên truyền, trước 1965, tại Sài Gòn có trên 10 tờ báo Hoa văn, đó là các tờ Tân Việt, Tiền Phong, Quốc tế Liên hiệp báo, Tân Thanh, Vạn quốc, Khóai báo, Đại hạ, Viễn đông, Luận đàm mới, Kiến quốc, Việt Hoa, Thành Công, Vạn quốc, Tân văn.

Sau biện pháp vào giữa năm 1966 của nội các chiến tranh, nhằm ngăn ngừa bọn văn công cộng sản len lỏi vào làng báo trong nước (Việt, Hoa, Anh, Pháp) một số báo đã bị đóng cửa và cho đến nay chỉ còn 7 tờ báo Hoa ngữ có giấy phép xuất bản tại Sài Gòn (1).

Theo sự tiết lộ của Bộ Thông tin, tất cả chủ nhiệm 7 tờ báo nói trên đều có 1 thành tích chống Cộng báo đảm, họ được đối xử cùng 1 qui chế cho báo chí VN, được coi như là đồng nghiệp viết tiếng Hoa, không hề được coi như báo ngoại quốc.

Một phân bộ Báo chí Hoa văn cũng có chân trong nghiệp đoàn ký giả Nam Việt và do đó đã sát cánh với các chiến sĩ văn hoá VN trong công tác phổ biến chính sách của chính phủ VNCH vào giới Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn và các tỉnh như vấn đề quân dịch của thanh niên VN mới, vấn đề chống Cộng và cứu trợ.

Tuy nhiên, nếu trên địa hạt văn hoá và xã hội, người Hoa kiều đã có nhiều dấu hiệu hoà đồng với dân Việt thì trái lại trên địa hạt kinh tế, ảnh hưởng biệt lập của họ vẫn còn rất nặng nề và trên địa hạt chính trị, một phần cũng vì tâm lý cầu an của người Hoa kiều mà hoạt động phá hoại của Cộng sản được dịp bành trướng.

Trong những ngày gần đây, có rất nhiều biểu ngữ viết bằng chữ Tàu chống chính phủ và chống Mỹ thường xuất hiện tại các ngõ đường trong Chợ Lớn, các đội đặc công Tàu cộng được chỉ định hoạt động nội thành đã len lút xâm nhập thủ đô.

Trên địa hạt kinh tế hiện thời, mặc dù suất số đầu tư giữa người Hoa kiều so với người Việt, tỉ lệ về hình thức khai thác thương mại kỹ nghệ của người Trung hoa còn thấp hơn dân bản xứ nhưng ảnh hưởng của họ vẫn đáng kể.

Trong ngành nông nghiệp, công việc trực tiếp sản xuất gần như không phải là sở trường nên số đồn điền của họ không có là bao, tuy nhiên họ nắm độc quyền về mua bán, chuyên chở và đầu cơ trong giai đoạn phân phối cho thị trường.

(1) xem chi tiết trong bảng phụ đính số 6 đính kèm/

Bảng phụ đính số 6

//) ANH SÁCH BÁO CHÍ HOA NGỮ TẠI SÀI GÒN HIỆN NAY

Thứ tự	Tên báo	Chủ nhiệm Chủ bút	Nguồn gốc	Địa chỉ
1	Viễn Đông	Châu Quốc Hồ Văn Hu	B. Quảng Đông	102-B Khổng Tử
2	Luận đàm Hối	Phùng Trác Lý triều Quán	không rõ	15 Trần Diệm
3	Kiên Quốc	Huyeh Châu Dư Thu	B. Phúc Kiến	748 Đền Hàn Tử
4	Việt Hoa	Chung Đức Phạm An	không rõ	112 Triệu Quang Phục
5	Thành Công	Khưu Đào Quách Phát	không rõ	31-33 Trần Hoà
6	Á Châu Vạn Quốc	Lưu Vinh Lý Thu	B. Quảng Đông	76-80 Khổng Tử
7	Tân Văn Khoái	Chiêu thị Hương Lục Hàng	B. Họ (Hakka)	36 Tôn Hồng

Nguồn gốc : Nha Báo Chí Bộ Không Tin, cuối tháng 8, 1968.

Về ngư nghiệp, hiện chỉ còn độ 5% ngư phủ Việt gốc Hoa (so với tổng số ngư phủ VN) hành nghề đánh cá tại miền Tây Nam Phần, họ là con cháu những người Triều châu trước kia theo Mạc Cửu đến cư ngụ tại Phú quốc. Trong số 76.237 ngư phủ hành nghề độc lập, Hoa kiều chỉ có 575 người, và trong 16.928 bán ngư phủ họ chiếm 16.928.

Về lâm sản, họ vượt trội nhất trong việc khai thác củi và lâm sản phụ, tỉ lệ ảnh hưởng của họ lên đến 90%.

Trong kỹ nghệ, ngành kim khí họ sở trường về làm khoá kéo (fermeture) và lưới kềm gai, lưới câu, dây xích. Riêng ngành hoá học họ nổi bật trong việc sản xuất xà bông (26 cơ sở so với tổng số 28) sơn (16 trong 28 tổng số), nhựa hoá học (95 trong 105 tổng số), dệt măng sông đèn (100%)...

Riêng ngành thương mại và dịch vụ, họ chỉ có 5 Ngân hàng so với tổng số 20, 3 công ty bảo hiểm so với 8 của người Việt. (1)

Tôi vừa trình bày một vài sắc thái và sinh hoạt của xã hội Hoa kiều ở Việt Nam từ xưa đến nay.

Trong Chương kế tiếp tôi sẽ phân tích kỹ hơn về vài ảnh hưởng đậm đà nhất của họ trên 3 bình diện kinh tế, xã hội và chính trị trong giai đoạn hiện tại.

(1) Tài liệu Bộ Công kỹ nghệ và Canh nông, 1967 /

x

x x

Chương 3

(VÀI ẢNH HƯỞNG CỦA CỘNG ĐỒNG HOA KIỀU TẠI VN)

Tại Đông Nam Á, có nhiều dân tộc đã cực đoan khi biểu tỏ thái độ với Hoa kiều và cũng có nhiều dân tộc hiếu hoà chấp nhận sự cộng sinh bằng thái độ thông cảm, hiểu biết.

Việt nam ta ở trong trường hợp thứ hai.

Tuy nhiên, sự dị biệt giữa 2 màu sắc tập thể chưa đưa đến xung đột bất hoà không có nghĩa là những dấu hiệu sống chung lúc nào cũng êm thấm an lành.

Tùy lối nhìn, mỗi phương diện lại mang mỗi sắc thái khác nhau. Trên khía cạnh xã hội, người Việt mặc dù từ xưa đến nay, vui vẻ và cởi mở với Hoa kiều nhưng phản ứng âm thầm trong dân chúng bộc lộ qua những bài ca dao mỉa mai châm biếm vẫn có rất nhiều.

Trên địa hạt kinh tế, những năm gần đây, sự nhận xét về trở lực Hoa kiều trong việc khôi phục sinh lực quốc gia mới được nhắc nhở và quan tâm.

Trên địa hạt chính trị và đây là dấu hiệu âm thầm nhứt, ảnh hưởng của tập thể Trung hoa tại VN đã là 1 trở ngại chính yếu cho chính quyền khi đi tìm hợp nhất và củng cố sức mạnh quốc gia cũng như ngăn chặn âm mưu xâm lăng của cộng sản.

Vấn đề của các nhà lãnh đạo hiện nay là phải chọn lựa dứt khoát 1 phương trình khéo léo, căn cứ trên những thông số quá khứ và biến số cận đại.

Thông số chỉ là những tài liệu bất di dịch, chính các biến số mới là yếu tố phức tạp nhất, quay cuồng nhất, nó thay đổi theo thời gian và biến cố.

Tìm biết ảnh hưởng của người Hoa kiều tại VN, chính là tìm những biến số kể trên để làm nền tảng cho việc hoạch định một chính sách Hoa vận hữu hiệu và toàn bích.

Cho đến nay, ảnh hưởng đó còn sót lại ở xứ ta, có thể qui về 3 trọng điểm dùng làm tế phân cho sự mô tả dưới đây :

Tiết I : Về phương diện xã hội

1. Một khó khăn cho sự hoà đồng
2. một tệ đoan xã hội trầm kha
3. một vòng lẩn quẩn tham nhũng.

Tiết II : Về phương diện kinh tế

1. một đe dọa cho chủ quyền kinh tế
2. một bất an cho mức dân sinh

Tiết III : Về phương diện chính trị

1. Trục Bắc kinh - Nam vang - Chợ Lớn
2. Trục Đài loan - Sài Gòn - Chợ Lớn.

Ø

Tiết I : Về phương diện xã hội.

1) Một khó khăn cho sự hoà đồng :

Có 2 trở ngại cho việc hợp nhất và thông nhất tiềm lực quốc gia.

Yếu tố chủ quan thứ nhất là trường hợp 1 nước có biên giới trải dài trên nhiều kinh tuyến, vĩ tuyến. Nga sô với các sắc dân Caucase, Ukraine, Sibérie gây khó khăn không nhỏ cho việc hợp nhất ý chí, tư tưởng. Việt Nam với 3 miền Trung Nam Bắc là 1 yếu tố nội tại về địa phương tính, khó nhưng vẫn có thể khắc phục được.

Tôi tin rằng cầu nhện và cương trực của người Nam, phấn đấu và kiên nhẫn của người Trung, quân giao và chịu đựng của người Bắc trên dòng thời gian sẽ gặp tại 1 .. điểm hội tụ giao hoà, giả dụ như sẽ có rất ít người trên đất nước này chịu đảm trách về "Việt Nam vụ" có bất kỳ ngoại bang nào định tung đô la, rouble, phật lạng lỏi cuốn.

Yếu tố khách quan thứ hai là lịch sử lệp quốc đã đưa đến sự kết hợp quá nhiều chủng tộc.

Phi luật Tân đã từng nhúc nhối vì hàng trăm thổ ngữ, Nam dương ưu tư với khẩu hiệu Bhinneka Tunggal Ika (1) cũng như

(1) Thông nhất trong sự phức tạp/

Miền điện bằng hồng vì các phong trào Kachin, Karen tự trị và VN với vết thương Fulro gan đây, với vết bước Hoa kiều hơn 10 thế kỷ êm thắm sôi bùng.

Dưới lăng kính nhân chủng, sự đồng tồn tại Việt Hoa là 1 cơ cấu xã hội song hợp, và tại hai hơn 2 tế phân trong cơ cấu đó rất ít khi có chung được giao điểm.

Cơ cấu song hợp này dễ phát lộ và đang giao động.

Sự phát lộ trong quá khứ là 1 dấu hiệu bất khả hội nhập giữa người Việt và Hoa do sự dị biệt về dân tộc tính của mỗi nước mặc dù thỉnh thoảng ảnh hưởng hỗ tương rất nhỏ vẫn xuất hiện.

Sự dị biệt bộc lộ qua những bài ca dao mĩa mai các cuộc hôn nhân dị chủng Việt Hoa, trong đó nạn nhân là người đàn bà Việt, miễn cưỡng phải lấy chồng khách :

"Tóc mây dù đất bậu chề
 Nàng niu thẳng "chết" (1) tứ bề sợ không
 Trên đầu nó vẫn đuôi không
 Cái răng trắng nhọn miệng không nhai trầu
 Găm trông thẳng chết thêm rầu
 Có một cái đầu chẳng để cho nguyên".

Hoặc :

"Can đảm thì uống nước khe
 Hết người lịch sự thì ve chú Tàu".

Hay :

"Tiếc thay ! hồng ngậm cho chuột vọc
 Tiếc thay ! hạt ngọc để ngẫu vầy
 Tiếc thêm, cô em đôi má đỏ hây hây.
 Người mình chẳng lấy đi lấy ngay người Tàu." (2)

Sự giao động trong hiện tại vẫn tiếp tục đa phân cách cũ.

Điểm đầu tiên là những qui điều về quốc tịch mà chính quyền Trung Quốc đã ấn định.

Luật quốc tịch Trung quốc năm 1909 ở điều 1 có qui rõ

(1) Tiếng mĩa gọi người Trung Hoa cũng như tại Pháp dân Việt vẫn bị gọi là "mít" (annamite), chết tiếng Tàu là chú.

(2) Trong 3 bài trên, bài thứ nhất là ca dao miền Nam, bài thứ 3 là ca dao miền Bắc, tất cả trích từ Toàn Ảnh, Hôn nhân dị chủng Chọn lọc số 77, 1967, tr. 16-18.

là công dân Trung Hoa bất kỳ người nào, sinh nơi đâu, có cha hay mẹ Trung hoa (1) - Điều 11 và 12 lại xác nhận bất kỳ người Tàu nào muốn xin chuyển tịch phải được sự chuẩn y của Bộ Nội vụ Trung Hoa.

Chế độ Dân quốc của Tưởng giới Thạch cũng coi kiều dân Trung Hoa hải ngoại như 1 tế phân (integral part) của dân tộc, thống kê dân số năm 1937 ghi trong quyển China Handbook còn hải rõ thêm 8.546.374 kiều dân chung với tổng số tại chính quốc. (2)

Như vậy, về phương diện quốc gia, dù mang quốc tịch nào, người Hoa kiều ràng buộc bởi luật lệ gần như truyền thống văn hóa về chính quốc và phải chăng đó là 1 khó khăn cần nhắc -phục cho VN trên đường đồng hoá 1 triệu dân VN mới.

Điểm thứ hai là những qui ước bất thành văn trong tập tục Hoa kiều tại VN.

Tương trợ và đoàn kết đã đành, nhưng với ước lệ có sẵn từ xưa, xã hội Trung hoa không chấp nhận việc gái Tàu lấy trai bản xứ vì gái là ngoại tông, nhất nam viết hữu - thập nữ viết vô, gái lớn lên lấy chồng sẽ tách rời tập thể gốc.

Do đó, nếu không có sự thuyết phục và không được sự hỗ trợ của 1 chính sách hoà đồng hữu hiệu, cơ cấu xã hội song hợp Việt Hoa mỗi mỗi sẽ là 2 thực thể biệt lập, mỗi mỗi sẽ là 2 con đường sắt chạy song song đến chân trời về chân trời thì vô định.

2) Nột tề đoàn xã hội trầm kha :

Sự nghèo đói là 1 nguyên do khiến con người đi tìm trò chơi may rủi, nhưng tôi nghĩ máu đỏ bạc của dân Việt không mạnh bằng tính ưa đánh cá của dân Ý, óc đỏ đen của dân Mỹ.

Trong thời đô hộ, thực dân đã dung túng cho mọi tệ đoàn xã hội hoành hành để làm ung hoại xã hội và suy nhược ý chí dân tộc để dễ bề thống trị.

Nếu bảo rằng, Pháp đã gieo hạt giống xấu xa đó thì chính tập thể Hoa kiều tại VN đã bón phân, vun xới cho cây tệ đoàn mọc mạnh, lên mau.

Kim Chung, Đại thế giới là những tên mà ngày nay nhắc lại nhiều người vẫn còn coi là 1 ác mộng.

(1)+(2) Chatham House, Collective defense in South East Asia, 1958, tr.80-82

Không cứ ở Sài Gòn mà ngay cả các tỉnh, những thú vui bạc nhược được khuyến khích triệt để.

Về nạn đồ bạc, chúng ta phải thành thật nhận rằng đến 1/2 môn chơi đều du nhập từ Trung quốc : mà chược ở Hà nội, tứ sắc, đề 36 con ở miền Nam ngày xưa, bài con chim, xập xám chường ở Chợ lớn hiện nay đều do sáng kiến của người Tàu bày vẽ và người Việt đồ xô vào sát phạt.

Kể đến lẽ thú vui nha phiến, đến ta cũng nhiễm từ sự chung chạ với Hoa kiều.

Đến nay, tôi chưa thấy một dấu hiệu nào chúng tỏ tệ trạng trên đã giảm bớt. Ngoài ánh sáng, người ta ngỡ rằng nó đã lảng đi thì trong bóng tối, nạn số quôi (xổ theo 2 số chót của vé số Hiến thiết trúng 1 triệu đồng) vẫn hoành hành ở miền Tây, tiếng lác cắc của động tác xoa mè chược, bài con chim vẫn âm thanh reo vang trong các phòng lạnh ở Chợ lớn, và bình dân hơn, cứ tìm về bên xe đồ lục tỉnh, Vũng tàu hay cứ đến quán cà phê cuối đường Lê thánh Tôn, nơi vẫn gọi là chợ xe cơ hội (occasion), chúng ta sẽ thấy các con bạc đang sớm chiều vẫn mãi mê "binh xập xám" trên bàn nước, lẽ đường, ăn thua rất đậm.

Ngoài ra còn biết bao nhiêu cô gái ngây thơ từ quê ra tỉnh đã lỡ bước sa lầy vào nghề bán trôn nuôi miệng do sở thích "bóc tem" (1) của các đại phú thương Chợ lớn để tìm cái "hên" dù phải trả giá rất đắt.

Tôi không nghĩ rằng tệ đoan xã hội đó hoàn toàn do người Tàu gieo rắc, cần kể đến tính nhẹ dạ của dân chúng, nhưng phải nhận rằng, sự hiện diện của giới Hoa kiều ở VN là 1 chất xúc tác rất tốt cho sự bành trướng của nạn tử đồ tương vậy.

Ảnh hưởng đó nếu không tìm biện pháp hữu hiệu chặn đứng chắc chắn sẽ còn tác hại đến mức không ngờ.

3) Một vòng lần quần thêm những :

Có nhiều lý do để tin rằng nạn tham nhũng xuất phát từ 2 căn nguyên : tâm lý và xã hội.

Pháp là cho đề ra căn nguyên tâm lý, theo đó quen niệm phụ mẫu chi dân, quan niệm hồng hách bóc lột đến ngày nay vẫn còn được nhiều người nuôi giữ, tiêm nhiễm.

(1) phá trình /

Chiến tranh là mẹ đẻ ra căn nguyên xã hội theo đó đời sống đất đỏ vật giá leo thang để khiến cho người công chức chao mất trước sự đang hiên và tệ hơn đôi khi đi tìm để đối phó với đồng lương thiếu hụt, mức sống khiêm nhường.

Tuy nhiên cũng như nạn mãi dâm sẽ chấm dứt nếu không còn khách tìm hoa, nạn tham nhũng không còn lý do tồn tại nếu không có người đút lót.

Đành rằng lệ mua quan bán tước là 1 di sản của Pháp, tâm lý thích danh vọng giàu sang đôi khi là bản sinh nhưng nếu không có kẻ dâng tiền thì chửa hẳn nạn tham nhũng hoành hành được.

Với người Hoa kiều, dù ở đâu thời nào, cái quan niệm biếu xén quà cáp vẫn được xếp hàng đầu.

Kỹ thuật khéo đến đôi, nhiều khi chính người được hối lộ cũng không ngờ mình đã phạm lỗi đó.

Người ta kể rằng, 1 công chức cao cấp cứ có lẽ lạc là nhận được 1 món quà đáng giá, người đem biếu lúc nào cũng tế nhị mang đến lúc ông ta ở sở, và lại chỉ kèm theo 1 danh thiếp nhỏ không nhắn lại gì khác nên người nhà cứ ngỡ là bạn quen nhận bừa.

Cho đến 1 hôm tháng 8, cũng vì khách tốt bụng đó đã thêm hành mang lại tận nhà viên công chức 1 chiếc bánh Trung thu to tướng và xin gặp chủ nhân, trò chuyện 1 lúc, giải tai, xuống giọng nhờ vả 1 áp phe quan trọng, xong xin cáo lui.

Chủ nhân suy nghĩ định từ chối vì ông khách là mặt chỉ trong vòng sơ chú chưa thân, hơn nữa chưa có gì ràng buộc, đến khó xử. Tuy nhiên khi đem đến bộ quà bánh ra thì trong ấy 1 viên kim cương to tướng, trong vắt, nằm lẫn lộn với nhân và mứt.

Chuyện kết như thế nào ai cũng rõ.

Đại để là tiêu xảo hối lộ của Hoa kiều tịnh vì đến như vậy. Nhờ đó mà ở Mỹ, trong thế kỷ 19, họ đã bỏ tiền mua chuộc được các nghị sĩ và dân biểu Hoa kỳ để béc bỏ đạo luật khai trừ (exclusion bill) nhắm vào làn sóng di dân Trung Quốc. (1)

Nhờ đó mà ở Thái lan, đầu năm nay (1968), Trung Cộng đã nắm được toàn bộ hệ thống cạo heo ở các lò thịt (2), đường lối

(1) M.R. Davie, World Immigration.

(2) Theo lời tiết lộ của 1 dân biểu VN, sau hội nghị Liên hiệp Nghị sĩ Á Châu 1968, căn cứ trên những tin đồn có thêm quyền ở Thái.

vận động của họ tương tự như toán tính độc quyền khai thác khách sạn tại Bangkok thật không ai ngờ, họ chia phần hùn bằng cách ghi rõ 1 vị tướng nào đó có thể lực để bỏ 51% vốn vào công ty trong khi thật sự ông ta không tốn 1 xu nhỏ.

Riêng ở VN, tất cả diễn tiến đó đang xảy ra trong bóng tối nên rất khó nhận biết. Dù vậy, tôi vẫn tin rằng các buổi họp tại các Lý sự Hội Quán Trung hoa không chỉ bàn duy nhất có chuyện tương trợ, lễ lạc, cứu tế.

Cứ nhìn cách xử sự của người Hoa kiều gần đây cũng thấy rõ họ rất khéo léo và tế nhị trong cách thù tiếp là đường nào.

Vào tháng 4/1968 khi Chuẩn tướng Nguyễn ngọc Loan tiếp kiến phái đoàn đại diện giới Việt gốc Hoa ở Đô thành do đại tá Tử phong Lưu, tùy viên quan sự tòa đại sứ THĐQ hướng dẫn, để trao quà các chiến sĩ cảnh sát dã chiến có công trong biến động Mậu Thân, phái đoàn còn kính tặng tướng Loan 1 bức thêu về một gay chỉ huy bằng ngà.

Ba tháng sau, nhân dịp đại tá tân Đô trưởng Đỗ kiên Nhiêu đến thăm và ủy lạo nạn nhân chiến cuộc tại 5 Bệnh viện Hoa kiều, ông cũng được tặng 1 tấm liễn có ghi 4 chữ ĐỨC CHÁNH KHẢ PHONG và THIÊN CHÍNH THÂN DÂN cùng 1 "Kim khánh" món quà do Ô. Khoáng trọng Vinh, chủ tịch Ban Quản trị Trung hoa Lý sự tổng hội trao tặng.

Những món quà đó chẳng đáng giá bao nhiêu ngoài việc xưng tụng nào là đạo đức và chính trực đồng đề cao, từ thiện và liêm chính vì đi gần với dân chúng nhưng 2 sự kiện đó nói lên cái quan niệm đồng tiền đi liền sự ve vuốt từ xưa vẫn được Hoa kiều tén thương và óp dụng.

Chính sự có mặt của họ trong mọi địa hạt nhất là kinh tế đã tạo nên, vòng tham nhũng lẫn quên không bao giờ dứt.

Tiết II/ : Về phương diện Kinh tế.

1) Một đe dọa cho chủ quyền kinh tế :

Mười năm trước đây, khi đưa ra quyết định biến 1 số tư bản ngoại quốc thành tư bản quốc gia, bằng cách bắt người Hoa kiều nhập Việt tịch, các nhà lãnh đạo vẫn tin tưởng chủ trương này

sẽ được sự hỗ trợ của kế hoạch đồng hoá vì chỉ với biện pháp này mới gạt rữa được ấn tượng sự ép đảo kinh tế vẫn còn trong tay người ngoại quốc.

Nói rõ hơn tất cả vấn đề chỉ thu gồm trong 2 cách gọi tập thể Trung học tại VN.

Nếu bảo họ là đồng bào Việt gốc Hoa và thực sự họ thành thật nhận như vậy thì vấn đề không có gì phải thắc mắc, sự áp đảo kinh tế dù có vẫn trong tay công dân VN dù là cũ hay mới cũng như tại Mỹ, công dân gốc Do Thái sở trường về ngành giao hoán vô hình, gốc Đức làm giáo sư đại học, gốc Anglo-Saxon sinh chính trị.....

Trái lại nếu bảo họ là Hoa kiều (tức ngoại kiều) và thực sự trong thâm tâm về ngoài hình động họ vẫn xử sự như kiều dân của toà đại sứ THĐQ thì chính mối lo ngại của chúng ta đã và đang thực sự thành hình vậy.

Lập luận như thế, tôi muốn chứng minh rằng một khi biện pháp đồng hoá bị ngưng đọng và tỏ ra vô hiệu quả thì ảnh hưởng của khối 1 triệu người gốc Hoa trên toàn lãnh thổ trong địa hạt kinh tế vẫn cần đặt lại, phải xét lại vì tổ chức và nếp sống Trung Hoa vẫn còn đó, ý chí giữ nguyên nguồn gốc vẫn chưa bị lay chuyển, thì không ai có thể cấm họ, những người đồng hương Trung học gần gũi hơn, đoàn kết hơn để tương trợ và nâng đỡ nhau trên đường kinh doanh.

Cho tới bây giờ, vì sự dậm chân của chính sách đồng hoá và như vài luận cứ đã nêu lên ở phần ảnh hưởng xã hội, tôi tin rằng tập thể Việt gốc Hoa ở Chợ Lớn vẫn là 1 thực thể biệt lập và trong điều kiện đó có thể xem như áp lực kinh tế của họ vẫn là 1 áp lực có thực, 1 áp lực không hướng về quyền lợi sống còn, hưng thịnh của nền kinh tế quốc gia dân tộc.

Do đó mở xẻ lại ảnh hưởng kinh tế của người Việt gốc Hoa, tôi vẫn có cái dè dặt khi đi tìm nhận mặt 1 thành phần công dân mới, có thể họ sẽ biến thành công dân VN thực sự nhưng cũng có thể trong sâu kín của đáy lòng, họ vẫn hướng về quê hương chính quốc và vẫn thi thãm với nhau : vào Việt tịch để tránh thiệt hại kinh tế hơn là thiết tha với ý muốn hoá đồng.

Tôi không tìm thấy lý do nào để bác bỏ biện dẫn thứ 2,

vì vậy phân tích ảnh hưởng kinh tế của người Việt gốc Hoa, tôi muốn trình bày về nhấn mạnh đến những gì mình tin là ^{đúng}thật đã nói trong trang này.

Cho đến cuối năm 1967, trong lĩnh vực nông nghiệp vai trò sản xuất vẫn do người Việt chủ động, ngoại trừ 1 ít đồn điền cà phê, trà ở Cao nguyên Trung phần, Nam phần (Phong dinh, Ba xuyên, Rạch giố) do Pháp và Hoa kiều khai thác, nhưng có thể nói gần như người Trung học độc quyền mua bán, chuyên chở và đầu cơ trong giai đoạn phân phối cho thị trường.

Người Hoa kiều chỉ làm chủ 14 đồn điền cao su, 224 trà, 278 cà phê so với tổng số 550 cao su, 2.019 trà 1.129 cà phê của người Việt, nhưng thực tế, diện tích canh tác và sản ngạch đồn ta còn thua rất xa họ, nguyên do hạt phân phối, chuyên chở cao su về Pháp để chế biến thành sản phẩm tiêu thụ hầu như do họ độc quyền và thao túng.

Trong ngành ngư nghiệp Hoa kiều là ngoại kiều duy nhất hoạt động, họ không sản xuất mà biến chế và phân phối. Ở Hà tiên trong 13.500 dân bán xứ có đến 1.500 Hoa kiều hoạt động ngư nghiệp.

Năm 1967, số lít nước mắm do Hoa kiều sản xuất là 6tr3 do với 50 triệu của người Việt, tức 8%. Riêng hệ thống phân phối ngư nghiệp nội địa, họ có 50 đại lý ngang mức 50 của người Việt (1).

Về sản xuất và xuất cảng cá hộp đều do 3 hãng Hoa kiều Mỹ châu, Vĩnh ký, Á châu độc quyền với 8.125.939 hộp và 1.393.018kg năm 1964.

Trong ngành mục súc, Hoa kiều không trực tiếp chăn nuôi nhưng chuyên môn bao thầu cung cấp heo sống cho các lò thịt cũng như bán lẻ tại các chợ trong toàn quốc. Nguyên trong năm 1967, họ đã làm chủ 1.172 thớt thịt trong tổng số 2.963 (tỉ lệ 30%) đến nay con số cũng lên gần đến 50%. Về kỹ thuật biến chế thực phẩm gia súc đủ mọi hình thức từ thịt tươi sang dự trữ được, người Việt phải nhường bước cho Hoa kiều.

Họ chiếm ưu thế về biến chế và thị trường gia súc gây ảnh hưởng không ít đến giá cả và mức cung cầu.

Trong ngành lâm sản, đứng ra tổ chức đấu cúp, chặt cây chuyên chở; xe để cung ứng thị trường cần nhiều vốn, trên giấy tờ người Việt đứng tên nhưng trong thực tế có gần 50% là vốn Hoa kiều, người Việt chỉ ăn hoa hồng. (1) (★)

Hoa kiều còn áp đảo 90% trong công tác khai thác củi và lâm sản phụ, chiếm tỉ lệ gần đến 50% các xưởng mộc ở miền Nam, riêng hạt lâm vụ Saigon Gia định, trong các xí nghiệp biến chế và tiêu thụ lâm sản kỳ đệ tứ tam cá nguyệt 1966, họ chiếm 42 trong số 177 xí nghiệp tức 25% (2). Đặc biệt về ngành đóng ghe chài, hoàn toàn do họ chi phối.

Trên lĩnh vực tiểu kỹ nghệ, Hoa kiều chiếm 43 trong số 52 tổ hợp, hợp tác xã họ chỉ có 3 trong 43 và 20 trong 2.780 tiểu công nghệ dệt, trái lại địa hạt kỹ nghệ điện lực họ độc quyền sản xuất piandèn, dũa hàn đứng ngang hàng với người Việt trong việc sản xuất dây điện, quạt điện.

Về hoá học, cùng với Pháp, Hoa kiều độc quyền chế tạo fibrociment, vật dụng bằng thủy tinh, quan trọng nhất là ngành nhuộm hoá học (95/10), sơn (16/12), lông nãi (2/2) đĩa hát 2/1 xì bông (26/2) so với người Việt Nam. (1)

Về cao su chế biến, Hoa kiều độc quyền về sản xuất dép cao su (20/0), thuộc da (15/2), nút chai (4/0) so với dân Việt.

Trong địa hạt thương mại nhất là nội thương, một phần nhờ óc thương mại, 1 phần nhờ biết đoàn kết và có vốn lớn, họ càng ngày càng nắm ưu thế và lúc nào cũng có thể làm tăng giá cả chợ đen.

Riêng ngành dệt vải, Hoa kiều có những nhà máy dệt đủ loại như Vinatexco, Vinatefinco, Vimytex. (2)

Trong địa hạt nội thương, Hoa kiều có vẻ lấn lướt nhất trong ngành xuất cảng họ có đến 26 cơ sở có môn bài so với tổng số 38 (VN chỉ có 9) về nhập cảng ảnh hưởng của họ ít hơn 168 so với 1.130 người Việt. (1)

(1) xem chi tiết trong bảng phụ đính số 6,7,8,9/

(2) Vimytex là công ty hỗn hợp Mỹ Hoa kiều.

(★) xem Lê Xuân Sướng, Vai trò của ngoại kiều trong nền Kinh tế VN, tr.65.

Bảng phụ đính số 6

BẢNG TỔNG KẾ ẢNH HƯỞNG KINH TẾ CỦA HOA KIỀU TẠI VN
(NÔNG LÂM và NGƯ NGHIỆP)

A. CANH NÔNG : Đồn điền)

<u>Quốc tịch</u>	<u>Cao su</u>	<u>Trà</u>	<u>Cà phê</u>
Pháp	57	25	50
Hoa kiều	14	224	278
Việt Nam	550	2.019	1.112

B. NGƯ NGHIỆP : (Biển chế và dự trữ)

<u>Quốc tịch</u>	: Xương : Lít : Các loại khô (tấn) : Các loại mắm, cá hộp (tấn)							
	: nước	: sản xuất:	Cá	Tôm	Mực	Mắm	Ruốc	Cá
	: mắm	:(triệu) :						
Hoa kiều	: 66	: 6,3	: 1.968	: 100	: 120	: 1.600	: 2.000	: 130
Việt Nam	: 2.103	: 50	: 14.528	: 700	: 960	: 12.000	: 15.200	: 1.000
<u>Cộng</u>	: 2.169	: 56,3	: 16.496	: 800	: 1080	: 13.600	: 17.200	: 1.130
	:	:	:	:	:	:	:	:

Nguồn gốc : Nha Ngư nghiệp, thống kê 1963, lấy số chẵn.

C. LÂM SẢN (Khai thác) :

<u>Ngành</u>	<u>Việt Nam</u>	<u>Hoa kiều</u>
Gỗ	70%	30%
củi	10%	90%
than	90%	10%
Lâm sản phụ	10%	90%

Nguồn gốc : Sở Kỹ thuật Nha Lâm sản.

Phụ đính số 7

62b

BẢNG TỔNG KÊ ẢNH HƯỞNG KINH TẾ CỦA HOA KIỀU TẠI VIỆT NAM.
(KỸ NGHỆ, THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ)

T/T:	Ngành hoạt động:	VN	Trung	Quốc-	Tổng	Chú thích
:	:	:	hoa	tích khác	cộng	:
1	Điện lực	35	20	4	59	Cơ sở sản xuất
2	Kim khí	183	18	14	21	-nt-
3	Hoá học	191	<u>187</u>	6	384	-nt-
4	Dệt	2.875	95	1	2.971	Công ty, xí nghiệp,
5	Cao su, biến chế	31	<u>50</u>	2	83	tổ hợp và tiểu công
6	Nhà xuất cảng	9	<u>26</u>	3	38	nghệ gia đình
7	Nhà nhập cảng	1.130	168	130	1.428	-
8	-Ngân hàng	7	3	10	20	đơn vị
9	Bảo hiểm	8	3	16	27	cơ sở
10	Thuyền bè	1.293	4.271	36	5.600	chiếc (đủ loại)

Phụ đính số 8

TÌNH HÌNH TỔNG QUÁT CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG ĐẾN THÁNG 11/1966.
(triệu bạc VN)

T/T:	Hệ thống	cho vay	Ký thác	Thanh khoản	Tỉ lệ cho vay/ký thác	Tỉ lệ thanh khoản/kýthác
1	Việt Nam	8.390	11.567	4.390	73%	38%
2	Pháp	6.755	6.753	2.312	100%	34%
3	Anh	778	2.355	1.344	33%	57%
4	Mỹ	437	754	228	58%	30%
5	Trung Hoa	4.656	5.146	2.084	112%	50%
6	Nước khác	1.321	1.641	680	80%	41%
7	Tổng cộng	22.337	27.216	11.038	82%	41%

Nguồn gốc : Bộ Tài chính 1967.

ĐẦU TƯ HƯỞNG ĐẶC KHOẢN ĐẦU TƯ THEO QUỐC TỊCH
TỪ 3/1958 đến 12/1965
VỐN XÍ NGHIỆP
(Ngàn đồng VN)

Niên kỳ	Chính phủ	Tư nhân VN	Pháp	Mỹ	Trung Hoa
3/1958-1959	292.000	599.549	1.069.060	75.196	60.080
1960	1.333	513.724	217.147	18.871	23.000
1961	996.000	547.255	28.704		8.900
1962	1.295.700	1.023.393	51.704	16.320	
1963	276.400	128.670	9.690		30.100
1964	1.160.523	250.952	22.300	330.284	1.000
1965	60.980	177.428	1.616		
Tổng cộng	4.082.936	3.240.971	1.400.472	413.671	123.080

Chú thích : Bảng liệt kê này không nhắc đến đầu tư của các quốc tịch khác chưa quan trọng như Ý, Nhật, Anh, Úc, Phi, Miến.

Nguồn gốc : Lê xuân Sướng, Vai trò ngoại kiều trong nền Kinh tế VN, 1967, trang 119.

(E)
{ }

Trên lĩnh vực chuyên chở, ngành giang vận người Hoa kiều sở hữu 1 số thuyền bè đáng kể : 3.828 thuyền buồm bằng cây không gắn máy (so với 957 của người Việt) 240 ghe gắn máy dưới 50 tấn (người Việt 35) và 111 ghe chài gắn máy trên 50 tấn (người Việt 37 chiếc)

Que những con số vừa liệt kê, chúng ta phải nhận rằng hiện nay ảnh hưởng kinh tế của giới Việt gốc Hoa không phải là không đáng kể.

Chính giáo sư C. Robequain đã nhìn nhận rằng Hoa kiều là chất men của đời sống thành thị. (1)

Họ có những cơ sở thương mại, hệ thống phân phối và thị trường rộng lớn từ những nhu yếu phẩm đến sản phẩm xa xỉ và có cả 1 hệ thống thương trường quốc tế rải rác khắp nơi.

Tuy nhiên, mối lo chung của mọi người không chỉ hướng vào những áp lực kinh tế thuần nhất, áp lực nào cũng có thể giải toả được, chính ý chí kinh doanh của họ mới là 1 thử thách cho các nhà hoạch định.

Ý chí qui vào việc khai thác kinh tế hơn là khuếch trương kinh tế, Điều này là 1 hệ quả tất yếu của tâm lý không muốn hoà đồng kể trên, do đó có thể lập lại mà không sợ đi xa vấn đề rằng mọi chính sách đối với Hoa kiều phải hướng về trọng tâm đồng hoá trước tiên.

Tự nó, bài toán kinh tế sẽ không còn lý do đứng vững một khi đã giải quyết xong căn bản xã hội về điều này, theo nhiều người cần chờ đợi yếu tố thời gian.

2) Một bất an cho mức dân sinh :

Thực trạng ảnh hưởng kinh tế chỉ là yếu tố tĩnh, chính những hình thức kinh doanh điều luyện và mảnh khé của Hoa kiều mới là yếu tố động, sôi sục, nóng bỏng hằng tháng, hằng năm, theo từng biến cố, từng khủng hoảng.

Không ai lạ gì nạn đầu cơ vẫn thường được nhắc đi nhắc lại tương tự như việc đi tìm 1 ý thức hệ cho miền Nam trước hoạ xâm lăng Cộng sản.

Ý niệm đầu cơ lúc nào cũng được gắn liền với hình ảnh cóc Hoa thương.

Cái chết của gian thương Tạ Vinh mà 1 thời làm xôn xao dư luận là 1 bằng chứng nói lên bao nhiêu là mảnh khoé xảo quyệt, mưu trí để chi phối thị trường và làm nhiễu loạn mức cung cầu trong nước.

Vụ buôn lậu Đồng Khánh cách đây 3 năm cho thêm 1 xác tín để nhận rằng sự hiện diện của Hoa kiều nói chung là 1 bất an thường trực cho mức dân sinh.

Với họ, không có quyền lợi quốc gia, không có vấn đề phục hưng kinh tế từ cơ cấu yếu lợ thuộc địa sang cơ cấu mạnh mẽ giàu độc lập, với họ chỉ có câu "hút bản vạn lợi", lời chúc đầu mỗi vẫn được nhắc nhở dịp Tết trong giới Hoa kiều.

Tiết III : Về phương diện chính trị :

Từ ngày Mao Trạch Đông lên nắm chính quyền ở Hoa lục, chưa bao giờ lịch sử hoà bình ở Đông Nam Á bị đe dọa nặng nề như hiện tại.

Nguy cơ này đã đặt cho chính quyền nhiều quốc gia thuộc vùng Nam hải (South Sea) Á châu nhiều khó khăn phải giải quyết.

Cuộc tạo thanh Mã Cộng ở Mã lai, Anh quốc đã huy động 15.000 binh sĩ da trắng, 3.500 quân chính qui bản xứ và 70.000 địa phương quân, cảnh sát, mỗi ngày chi phí quân sự lên đến 45.000 đồng bảng Anh. (1)

Tại Indonésia, Trung Cộng đã dùng tủng càn thiếp vào vụ đuổi đất tại đông bộ Sumatra khiến cho nội các Wilopo phải đổ. (2)

Bên cạnh toan tính xâm lăng của Trung Cộng còn phải kể đến những vận động ngầm ngầm của Đòi loan để tìm lời kéo khối Hoa kiều tại VN về phía những người chống Cộng và thật là chua chát khi biết rằng cùng Đồng minh trong thế giới Tự do với VN, đáng lý Trung Hoa Quốc gia phải có 1 thái độ hoà nhã với VN trước vấn đề Hoa kiều, trái lại họ chỉ coi chống Cộng là mục tiêu thứ yếu, mục tiêu quan yếu chính là sách động và lôi cuốn tập thể Trung Hoa càng xa Bắc kinh và càng gần Đài loan.

Điểm tai hại hơn cả là giới Hoa kiều ở Chợ lớn lại là

(1) Woodrow Wyatt, Southward from China, 1952. /

(2) Trần văn Đĩnh, Hoa kiều tại Nam dương, Quê hương số 15.

môi trường thuận hảo để những hoạt động gián điệp nói trên bành trướng vì cả 2 Mao và Tưởng đều mong muốn xử dụng giới này như 1 đạo quân thứ 5 cho âm mưu tranh chấp thế lực.

Sự phân tích ảnh hưởng chính trị của người Hoa kiều tại VN được chia làm 2 tiểu mục dưới đây.

1) Trục Bắc kinh - Nam vang - Chợ lớn :

Từ sau cuộc thất bại của âm mưu võ trang của lực lượng phiến Cộng Mã lai, Hoa lục đã khôn ngoan hơn không lôi kéo Hoa kiều hải ngoại vào các cuộc nổi dậy chống chính quyền hợp pháp ở ĐNÁ vì làm thế sẽ gây khó khăn cho kiều bào của họ trong công cuộc sinh sống làm ăn và nhất là gây phần nợ cho hơn 200 triệu dân ĐNÁ với cả thế giới tự do đứng đằng sau.

Sách lược của họ Mao ngày nay là tấn công bằng đường lối hoà bình âm thầm nhưng hiệu quả hơn.

Tại chính quốc, nhiều tổ chức tinh vi được dựng nên để tác động tinh thần nhóm kiều dân hải ngoại.

Tổ chức đó gồm 3 bộ phận nằm trong Trung ương đảng Cộng sản Trung hoa. (1)

1. Ủy ban công tác hải ngoại phụ trách việc tuyên truyền giáo dục Hoa kiều hải ngoại.

2. Mặt trận leo động thông nhất (phòng 3) phụ trách tổ chức Hoa kiều vào "phong trào dân chủ"

3. Phân ban xã hội của Trung ương CS đảng Trung hoa phụ trách thu thập tin tức về Hoa kiều hải ngoại.

Ngoài ra, 1 Ủy ban Hải ngoại Hoa kiều sự vụ (Commission of overseas Chinese affairs) hiện do bà Ho Hsiang Ming (vợ bác sĩ Tôn dật Tiên) làm chủ tịch.

Hiến pháp mới tu chính ngày 20/9/54 của Trung Cộng, ở điều 23 cũng ghi định dành 1 số ghế tại Quốc hội và điều 23 xác nhận : "dân tộc Trung hoa che chở những quyền lợi riêng của Hoa kiều hải ngoại. (2)

(1) Việt Anh, Văn đề Hoa kiều ở Đông Nam Á, Bách Khoa 165, tr.15.

(2) Chatham House, Collective defense in S.F.A, tr. 84.

Do những sự kiện đó, chúng ta không lấy làm lạ khi thấy rằng tại Nam dương cũng như VN, đã và đang diễn ra trong bóng tối nhiều đòn phép chính trị do Trung Cộng giật dây.

Ở Djakarta, Trung Cộng đã hăm dọa vua cao su Indonésia Ten Lark Sye ép buộc các Phòng thương mại, Hiệp Hội thị trường tư lỵ phải gia nhập lực lượng cộng sản (1)

Tại Sài Gòn, năm 1955, TC cũng đã gọi qua 100 cán bộ gốc Quảng Đông, lôi kéo và xúi dục giới Hoa kiều liên kết với lực lượng Bình xuyên để lật đổ chính quyền chống Cộng của Ông Ngô đình Diệm.

Gần đây hơn, mối nối với giới Kiều bào ở Nam Vang, TC đã tiếp tay cung cấp vũ khí cho MTGPMN để chống lại VNCH.

Ta hãy nghe ký giả Francois Sully viết (2) : "Ai ở thủ đô Nam Vang cũng đều biết rằng cán bộ VC đã dùng Mỹ kim của các Ngân hàng Trung Cộng ở Hương Cảng để mua 1 số lượng gạo và các khô đáng kể dùng làm thức ăn dự trữ cho du kích quân Cộng sản, sau khi lấy hàng từ các cửa tiệm Hoa kiều ở Nam Vang, đồ tiếp tế được chở bằng thuyền đến đoạn cuối phía tây nam đường mòn Sihanouk rồi từ đó xe vận tải Balan chở đi tiếp tế cho các đơn vị CS ở Lào và Nam VN".

Và trong năm nay, có nhiều dấu hiệu cho biết TC đã tăng gia hoạt động rất nhiều nhằm khủng bố giới Hoa kiều ở Chợ Lớn.

Ngày 6/6/68 nhật báo Kiến quốc quốc tế và ngày 26/7/68 nhật báo Á châu Vạn quốc đều bị bọn khủng bố Tàu Cộng đột nhập và đặt chất nổ phá hoại. Rồi đầu tháng 8, đen lượt nhật báo Thành Công bị Tàu cộng công khai đe dọa đặt chất nổ trong vòng tháng tới.

Cả 3 tờ báo trên đều do người Việt gốc Hoa làm chủ, có tinh thần chống Cộng mãnh liệt, trong đó tờ Thành Công là báo có số tiêu thụ mạnh nhất ở Chợ Lớn.

Ngoài ra, trong thành phần phiến loạn cộng sản không thiếu cán bộ Việt gốc Hoa tham dự.

Ấy là chưa kể các đội đặc công TC mà tin đồn hồi đầu năm cho biết có cả cán bộ Hoa lục hiện diện trong hàng ngũ MTGPMN.

(2) Đường Mòn Hồ chí Minh đăng trong tạp san Newsweek.

(1) R. Elegant, Under the Dragon seed, phần Under the red flag.

Những thanh niên Việt gốc Hoa nhẹ dạ này đôi khi cũng nhận chân được sự thật bị lừa dối nên một số đã ra hồi chánh điển hình nhất là trường hợp anh Huỳnh Kim Kiệt, nguyên là chính trị viên trong Ban Hoa văn ra hồi chánh ở Phước Tuy đầu tháng 4/1968 đã hướng dẫn quân dân phá vỡ nhiều cơ sở của địch, tịch thu 2 carbine, 1 colt nhiều tài liệu cùng bắt sống 1 phó trưởng ban hoa văn cũng người Việt gốc Hoa (1).

Qua những dữ kiện trên, chúng ta nhận thấy nếu không kịp thời chặn đứng hay giới hạn những âm mưu khủng bố của Trung Cộng tung cán bộ vào thủ đô, dùng khối Hoa kiều như 1 môi trường cây giống thích hợp, 1 địa điểm hoạt động tối hảo, thì chắc chắn trong tương lai, khó khăn sẽ đến rất nhiều trong công cuộc chặn đứng kế hoạch xam lăng của CS, kể cả Trung Cộng và Bắc Việt.

2) Trục Đài loan - Sài Gòn - Chợ lớn :

Bên cạnh trục đỏ Bắc kinh - Nam vang - Chợ lớn, còn phải kể trục xanh : Đài loan - Sài Gòn - Chợ lớn.

Ta phải gọi 2 đường dây kia là trục mới sát nghĩa vì đó là 2 mối liên lạc giữa cái ngọn và cái gốc qua chiếc cầu trung gian ở giữa.

Với trục đỏ, gốc là Bắc kinh, cầu là Nam vang và ngọn là Chợ lớn.

Với trục xanh, gốc là Đài loan, cầu là Sài Gòn và ngọn là Chợ lớn.

Từ gốc truyền đi đến ngọn là cả những vận động ngầm ngầm trong đó đích nhắm là Chợ lớn đã và đang được khơi động.

Toan tính của Đài Loan rất giản dị, cùng 1 chủ tâm với Bắc kinh, họ chỉ muốn 30 triệu kiều dân ở Nam Á tự quyết định là hướng dẫn lấy họ (conduct themselves) như những người cộng tác hợp pháp của chính quyền Trung Hoa Dân quốc. (2)

Đài loan cũng có 1 số ghế dành cho Hoa kiều hải ngoại, 1 Ủy ban hải ngoại Hoa kiều sự vụ (Nationalist Overseas Chinese Affairs Commission) với Cheng Yen Fien làm chủ tịch và 1 chương

(1) Trích nhật báo Chính luận, 11/4/68.

(2) Theo R.S. Elegant, Under the dragon Seed, tr.274.

trình phát thanh đều đặn hướng về Nam Hải để tác động tâm lý kiều bào với chủ trương bảo vệ giá trị truyền thống cao đẹp của Trung Hoa cổ truyền.

Quản đốc đài phát thanh Đài bắc từng khẳng định "Chúng tôi luôn luôn nói với người Trung Hoa ở hải ngoại rằng cộng sản không phải là những người thực sự mang giữ màu sắc truyền thống. Trung Hoa từ thời lập quốc và chúng tôi cũng luôn luôn nói với họ rằng THQG lúc nào cũng chủ trương bảo tồn những giá trị cổ truyền của triết lý Đức Khổng. (1)

Tệ hơn nữa, tại Sài Gòn, toà đại sứ THDQ còn là 1 ổ gián điệp, là nơi xuất phát cán bộ về âm mưu lôi cuốn Hoa kiều về với chính quốc dù rằng họ có Việt tịch hay chưa.

Tin báo Thành công (22/2/63) và Đại hạ (24/1/63) đăng tải (và nêu có thể gọi là tiết lộ). Toà Đại sứ Trung Hoa đã cho người mật tiếp xúc với Kiều bào (kể luôn người Việt gốc Hoa) ở công trường Bình trị Đông Gia đình, với Ban quản trị Y viện Chung Cheng Chợ lớn (2).

Theo 1 báo cáo của Phủ Đặc ủy Trung Hoa sự vụ (văn thư gửi bộ Ngoại giao ngày 20/3/63) lãnh sự quán Trung Hoa tại Sài Gòn, đã nhiều lần tiếp xúc kín với nhân sĩ Hoa kiều và đồng bào Việt gốc Hoa ở cố đô Huế. Họ còn lợi dụng các trường tư thực Việt gốc Hoa làm môi trường tuyên truyền cho THDQ, hội họp mà không xin phép toà Đô chính. (3)

Thêm một tin nữa mà tôi không thể phối kiểm là nguyên do xuất phát từ đâu, theo tin UPI hồi đầu tháng 8, 1 tổ chức bí mật đã đưa 9 người Việt gốc Hoa trốn từ Áo môn sang Hồng Kong với thông hành giả. Họ bị đưa ra toà về tội nhập cảnh bất hợp pháp.

Sài Gòn lặng thinh không xác nhận nhưng cảnh sát Hương Cảng quả quyết là 9 thanh niên này từ Sài Gòn đến.

Có thể vụ này do TC nhưng cũng có thể do THQG chủ mưu nhưng dù sao chúng ta vẫn thấy rằng cái ấn tượng Chợ lớn là 1 môi trường gián điệp không phải là vô lý.

(1) Theo R.S. Elegant, Under the Dragon Seed, tr. 274.

(2) Điều nên biết là các báo Hoa văn ở Chợ lớn không tờ nào thân Bắc kinh.

(3) Tin Tân Việt Văn báo.

Vì vậy mà mỗi bang giao Sài Gòn - Đài loan từ trước vẫn coi là tốt đẹp, cũng có những hiệp ước kinh tế thân hữu, những trao đổi chuyên viên kỹ thuật, thật sự đang sôi sục và làm le nhau từ bước trước đối tượng đấu tranh vận động là 1 triệu Hoa kiều tại VN, không kể là họ mang thân trạng nào.

Chính H.C. Hinton cũng nhận xét : " có thể coi cộng đồng Hoa kiều ở VN vừa là chiếc cầu giao hảo nhưng cũng có thể coi là vết thương nhức nhối trong mỗi bang giao Hoa Việt vậy". (1)

Tóm lại, về mặt chính trị, vấn đề Hoa kiều tại VN không chỉ là 1 bài toán phụ thêm, nó là bài toán trội yếu ít ra là mặt đối ngoại.

Nếu về đối nội biện pháp đồng hoá là cấp bách thì về đối ngoại chận đứng sự tranh chấp giữa Bắc kinh-Sài Gòn, Đài loan-Sài Gòn cũng cấp bách không kém.

Trong chương thứ 4 tôi sẽ phân tích kỹ hơn chính sách đối với Hoa kiều tại Việt Nam.

(1) China Foreign's relation with VN and Burma/

1- HÃN THƯ HAI

∟ HÌNH SÁCH ĐỐI VỚI HOA KIỀU

TẠI VIỆT NAM

§
§ §

CHƯƠNG THỨ 4

DIỄN TIẾN CỦA CHÍNH SÁCH

ở

Theo Đồ trọng Chu (1), khối lượng Hoa kiều ở Đông Nam Á được phân phối như sau :

<u>Quốc gia</u>	<u>Tổng số dân (triệu)</u>	<u>Hoa kiều (triệu)</u>
Miến điện	21	0,35
Thái Lan	26,3	2,5
Bắc VN	16	0,05
Nam VN	14	0,8
Cam bốt	5	0,3
Lào	2	0,05
Mã lai	7	2,6
Tân gia Ba	1,7	1,1
Sarawak	0,75	0,23
Bắc Bornéo	0,46	0,1
Brunei	0,08	0,03
Indonésia	96	2,5
Phi luật Tân	27,5	0,2
Tổng cộng :	217,79	10,81

So với tổng số toàn vùng ĐNÁ, người Hoa kiều ở hải ngoại chỉ chiếm gần 5% nhưng xét riêng từng nước, mức độ thay đổi không chừng.

Ở Mã lai cứ 3 người Mã thì có 1 người Trung Hoa, ở Indonésia cứ 10 người Nam dương là có 3 người Tàu.

Tùy theo tỉ lệ so với dân bản xứ, mỗi quốc gia ngày nay theo đuổi 1 chính sách khác nhau.

Chính sách này đi từ mềm dẻo ôn hoà ở Lào, Tân gia Ba, Việt Nam, Cam bốt đến cứng rắn như Thái, Miến, Mã và quyết liệt như Phi luật Tân và Nam dương.

(1) Vấn đề Hoa kiều tại ĐNÁ, Bách Khoa 165, 1963, tr.7 /

Nói riêng ở VN, ngay từ thời chưa bị đô hộ Pháp, các hoàng đế triều Lê, Lý, Nguyễn, Trần cũng đã chú ý đến sự hiện diện của con cháu nhà Hán nhà Tần tại VN.

Chỉ khác 1 điều là biện pháp ban hành chỉ cốt chữa trị chứ không ngăn chặn.

Chúng ta cũng biết, thời đó, VN là 1 nước bé chư hầu, nguyên việc chọn đứng ách đô hộ của Trung quốc cũng đã thiên nan vạn nan rồi, nói gì đến việc giới hạn không cho Hoa kiều nhập nội.

Sang thời thuộc Pháp, chính sách VN là chính sách của thực dân chỉ phục vụ cho quyền lợi kinh tế và âm mưu chính trị của họ.

Đến thời đệ nhất Cộng hoà, sự quan tâm của tổng thống Ngô đình Diệm là nổi hên hơm cho mọi người, nhưng hình như chính sách có sùm nhưng thiếu cán bộ và nửa vời thì bị biến cố tràn ngập.

Chúng ta sẽ xét dưới đây trình tự thời gian đã kể.

I. Chính sách trong thời quân chủ :

Như trên tôi đã trình bày, có 3 trào lưu di dân đáng kể nhất của người Trung quốc sang xứ ta theo trình tự thời gian kể sau :

- Cuộc di cư và xâm lăng của hoàng đế Tsin Chi Wang bên Tàu năm 214 TTL.

- Cuộc di cư vào thế kỷ 18, trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh.

- Cuộc di cư vào cuối thế kỷ 19 và tiền bán 20 khi người Pháp đặt chân đến xứ ta.

Mỗi một chu tuần lịch sử, các vua chúa VN lại có một chính sách khác nhau, để dễ nhận định, tôi tạm chia làm 2 giai đoạn :

- Chính sách trước thế kỷ 18 (Trịnh Nguyễn phân tranh)

- Chính sách từ thế kỷ 18 đến cuối 19 (người Pháp đến Việt Nam)

1) Chính sách trước thế kỷ 18 :

Nhìn chung trong giai đoạn này, các triều đình VN xưa không có 1 chủ trương rõ rệt nào về vấn đề hạn chế con số người Trung hoa nhập nội.

Cách giải thích rõ rệt nhất lẽ thời đó, biên giới giêng sơn còn chưa rõ rệt, và lại tiếp giáp về phương Bắc với người Tàu, và chịu 1 áp lực về quan sự chính trị nặng nề của Trung quốc, gan như cóc vua chúa ta, không đặt thành vấn đề lo lắng để giới hạn số Hoa kiều nhập cảnh.

Chính sách tổng quát thời đó là làm sao ngăn cấm người Tàu sang nước ta dòm ngó vào nội tình bản xứ.

Đi xa hơn, chính sách đôi khi còn nhằm hạn chế việc chuyển dịch của họ, dành 1 số ưu quyền cho người Việt, như là cấm người ngoại quốc sở hữu ruộng đất (đời Lê), tuyển định cư trú (đời Lý) và cấp tiền hơn cả là bắt họ nhập Việt tịch, ăn ở, đi đứng theo quốc tục (nhà Trịnh)...

a/ Chính sách tuyển định cư trú đời Lê Lý Trần.

Chính sách này nhằm cấm thương khách thủy thủ ngoại quốc vào kinh thành và chỉ định 1 số địa điểm để họ cư trú và buôn bán.

Triều đại nhà Lý có lẽ là lần đầu tiên ở VN áp dụng.

Năm đại định thứ 10 (1149), vua Lý Anh Tông cho khai cảng Vân đồn để qui tụ khách thương Trung hoa vào 1 chỗ.

Theo Yamamoto Tatsuro (1), Vân đồn thuở ấy nằm đâu đó tại đảo Vân hải (Ile des Sangliers), hoặc phía nam ở 2 đảo Thượng nại và Hạ nại, hoặc phía tây ở 2 đảo Đông đảo và Tây đảo, nhưng dù sao Vân đồn cũng nằm tại duyên hải Bắc Phơn, xa kinh đô Đại Việt độ 150 cây số về hướng đông.

Sang đời Trần và Hậu Lê, phần đông thương thuyền Trung hoa chỉ tới Vân đồn chứ không tới Thăng long.

Sách Chư Phiên chí của Triệu Như Quát viết : " Tàu thuyền không buôn với nước đó (VN), chỉ có những thuyền buôn lậu đi tới đảo Thượng và Hạ tại Đoạn sơn (Vân đồn) nhưng họ không được phép tới Quan trường (Thăng long) vì người Việt sợ người Trung hoa dòm ngó hư thực trong nước". (2)

(1) trong quyển Toho Gakuho bài Annam no bocki-ko "Vân đồn" nitsuite.

(2) Chen Ching Ho, mấy điều nhận xét về Minh Hương xã Việt Nam Khảo cổ tập san số 1 và 2 năm 1962.

Sang thế kỷ 15, vua Lê thái Tổ năm 1428, sau khi đuổi người Minh ra khỏi bờ cõi, cũng đã chỉ định 9 địa điểm: Càn hải, Hội thông, Hội triều (Nghệ an), Thông lĩnh (Lạng sơn), Phú lành, Tam ca (Tuyên quang), Trúc hoa (Sơn tây), Vân đồn, Vân ninh, làm cư địa cho người khách và nghiêm cấm thương khách Bắc Quốc xâm nhập nội trên (theo Ước trai thi tập của Nguyễn Trãi, quyển 6, Địa dư chí).

b/ Chính sách kiểm soát, đồng hoá và bảo vệ chủ quyền kinh tế đời Hậu Lê (1437).

Từ đời Lê, mức đô lưu tâm của chính quyền bộc lộ rõ rệt khi vua Lê thái Tổ đã nhận định được tầm quan trọng của khối lượng Hoa kiều len lỏi vào VN do chính sách dung túng của quan lại triều Minh đồng loã.

Chúng ta biết, sau khi đuổi ngoại xâm, con số thân thuộc, và gia quyến Minh về Bắc chỉ hơn 80 vạn, còn lại gấp 4 lần và đó là 1 trở ngại cho sự thuần nhất trong sinh hoạt nội bộ xứ ta, khiến vua Lê bắt đầu chú ý và theo đuổi 1 chính sách nhằm quản chế và phòng ngừa kiều dân người Minh.

Trước nhất là việc kiểm soát người ngoại quốc mà đa số là thân dân Trung quốc để tiện bề theo dõi hành vi và hoạt động.

Quyển Lê Triều Chiêu lệnh Thiệu chính ghi rằng: "Mùa thu tháng 8, năm Quý Mão, đầu niên Cảnh trị có lệnh về việc bắt dân phải khai rõ hết các người ngoại quốc cư ngụ.

Những người ngoại quốc buôn bán trú ngụ ở nước ta, ở lẫn lộn với dân ta lâu ngày nên khinh lờn cấm lệnh, vậy phải tách bạch cho rõ. Sứ các Ty ra huấn lệnh cho các Huyện ở trong Hạt, rồi quan Huyện chuyển sức cho các Tổng, xã, thôn, Trung, Đông sách tại, Sở, châu và Phường bắt phải khai rõ hết các người ngoại quốc hiện trú ngụ là bao nhiêu người.

Trong số có người nào lấy vợ đẻ con (lấy vợ VN), số tình nguyện vào quốc tịch ta là bao nhiêu, số người dật thù tình xảo có thể làm các thứ ngụ dụng là bao nhiêu và khai cả người nước Hoa lang (Tây Phương, do đó mới có câu học Hoa lang đạo tức theo Kitô giáo), rồi cứ thực kê khai minh bạch, chuyển tâu lên, đợi chỉ chuẩn cho thi hành để phân biệt những hạng người phong tục khác. Nếu có tình riêng mà dấu diếm cùng là kê khai không thực sẽ có phép nước trừng trị.

Sách Đại Việt Sử ký toàn thư, bản kỷ thực lục, quyển 2, đoạn thuộc tháng 12 năm Thiệu Bình thứ 4, Lê thái Tông (1437) cũng chép : " lệnh cho người Minh mặc áo theo người Nam và cắt tóc".

Như vậy, đi xa hơn, ta thấy các vì vua VN trong thế kỷ 15 còn hướng chính sách vào việc đồng hoá và phân định hộ tịch rõ rệt.

Lịch triều hiến chương loại chí, quyển 29, định hộ chi tịch của Phan Huy Chú ghi rằng : năm Cảnh Trị thứ 2 (1666) : " hạ lệnh người ngoại quốc phải nhập tịch, bất y phục nhà ở đều phải theo quốc tục và từng loại sát nhập hộ tịch tại các xã, thôn trang, cảng và sách mà họ đang cư trú". Nguyên tắc này được duy trì khá lâu.

Đại Việt sử ký toàn thư, bản kỷ tục biên, tháng 8 Cảnh trị nguyên niên, 1663, của Lê huyền Tông chép : " lệnh chỉ các xứ thừa tự kiểm soát dân số thuộc nếu có kiều dân lưu trú phải trình báo quê quán và tùy nghi thu xử để phân biệt phong tục khác nhau.

Ngoài ra, để phòng ngừa tình trạng lũng đoạn kinh tế của người Trung hoa, chính sách còn nhằm hạn chế quyền tư hữu trong tay ngoại quốc.

Bộ Quốc Triều Hình luật qui định việc cấm bán ruộng (điều 73), voi ngựa và dây tó (đ.74), binh nhu (đ.75) các sản vật, vàng và quế (đ.75, 76) cho người ngoại quốc.

Điều 71, lại cấm không cho dân bản xứ kết hôn với người ngoại quốc, nếu làm giá thú với người ngoài phải lưu (đầy) đi Châu xa, vợ chồng phải ly hôn, mỗi người sẽ trả về cho bản quốc.

Tìm lý do giải thích, mức độ khắt khe của chính sách này, chúng ta sẽ thấy rằng, trong thời Minh Mạt, Thanh sơ, miền Giang Nam, nước Tàu có đại loạn, di thân và nạn dân Minh lũ lượt kéo sang đất Việt. Vì Bắc Việt tiếp giáp với Tàu nên mỗi biên chuyển quân sự chính trị đều liên quan mật thiết với số mệnh Bắc Việt nên Triều đình Lê trước tình trạng đó không thể không áp dụng 1 chính sách cẩn thận để đối phó với những cuộc di dân đại qui mô, có thể làm xáo trộn nếp sống bản xứ.

2) Chính sách từ thế kỷ 18 đến bán thế kỷ 19 :

Tình trạng phân tranh giữa chúa Trịnh đảng ngoài và Chúa Nguyễn ở đảng trong khoảng giữa thế kỷ 18, đã đưa VN tiếp xúc với Tây phương.

Công việc buôn bán và gây tạo hậu thuẫn quân sự có tính cách phân chia thị trường rõ rệt. Ngoài Bắc, người Hoa lan Anh giao dịch với Chúa Trịnh, trong Nam, chúa Nguyễn kết thương với Tây ban Nha và Nhật bản.

Việc bành trướng uy tín và thế lực đòi hỏi đôi bên nhiều sự liên kết cũng như nắm vững dân số, bình định cương vực.

Giai đoạn này làm nổi bật, 2 màu sắc khác biệt rõ rệt giữa chính sách của chúa Trịnh cùng chúa Nguyễn đối với người ngoại quốc nói chung và Hoa kiều nói riêng.

a/ Chính sách bùng bít và nghiêm ngặt của Chúa Trịnh ngoài Bắc :

Có 2 nguyên do giải thích sắc thái cá biệt này.

Thứ nhất là, ở Bắc, tuy họ Trịnh chuyên quyền và lấn át uy tín vua Lê nhưng không khí thù cừu vẫn còn, từ thù cừu, tồn cổ đi đến khe khát, gắt gỏng chỉ là 1 bước ngắn.

Người Hoa kiều ở Bắc kỳ lúc đó, bị bắt buộc tuyến trú vào 1 khu vực nhất định, lập tờ khai gia đình, kê rõ số người, nghề nghiệp địa chỉ hành nghề, lợi tức, mục đích để chính quyền dễ chi phối đời sống cá nhân.

Thứ hai là ở Bắc, tuy cùng có mối lo đối phó với chúa Nguyễn ở Đàng trong nhưng không khí nghi kỵ, căng tặc bằng bạc .

Họ Trịnh, cho phép con buôn khách (Trung hoa) Bồ đào Nha, Hoà lan, Anh, Pháp xây dựng phố xá tại Hiến Nam, cũng gọi là Phố Hiến (Hưng Yên) để buôn bán.

Biện pháp này bề ngoài có vẻ thân hữu nhưng kỳ thực, chính là biện pháp tập trung kiều dân các nước tại đó để tiện việc mậu dịch đồng thời, cũng nghiêm khắc quản chế người khách tại Vân đồn và Phố Hiến ra vào Thăng long.

Thời đó, lệnh của chúa Trịnh, muốn vào lãnh thổ phải có giấy phép của nhà cầm quyền, kể có việc di chuyển từ khu vực này sang khu vực khác, ngoài ra dân chúng cũng bị ngăn cấm tiếp xúc với người khách vì sự gây ảnh hưởng không tốt về sau.

Luật còn gay gắt và tiếp nối chính sách đồng hoá của vua chúa nhà LÊ từ trước.

Lịch triều tập ký của Cao Lang, quyển 2, ngày 16 tháng 7 năm Vĩnh trị thứ 17 tức 1696, Trịnh Cán cho công bố 1 đạo luật quản chế người Trung hoa nghiêm khắc hơn - Chiếu viết rằng : " Phủ liên phụng truyền, người Bắc quốc (Tàu) đã nhập tịch tại các thôn xã nước ta, ngôn ngữ y phục phải tuân theo quốc tục, không thể tự ý làm đồ dùng khác biệt và mặc y phục kỳ dị. Nếu trái luật, cho phép quan trấn thủ sở tại bắt lại và sử trượng hình 50 cái, còn những thương khách ngụ tại xứ ta buôn bán, thường vào kinh thành, nếu có người quen chỉ dẫn thì không cấm, bằng không mà tự ý vào thành cũng cho phép mua trị như luật lệ hiện hành..

Năm 1717, Trịnh Ương hạ chỉ dụ hạn chế số dân Tàu sang xứ ta khai mỏ, chỉ được tụ tập mỗi nơi không quá 100 đến 300 người.

Năm 1734, Trịnh Giang cho khắc bản in, ấn loát sách tứ thư ngũ kinh và cam đàn gian mục sách Tàu.(1)

Tuy đường lối rõ ràng nhưng cũng không đạt được như ý muốn, một phần uy thế Trung hoa thời bấy giờ quá mạnh mẽ chúa Trịnh còn suy yếu, phần khác với óc kinh doanh mạo hiểm mưu lược, tính can củ nhẩn nại, nên Hoa kiều lần lượt phân tán rải rác trên khắp lãnh thổ đất Bắc và nắm giữ phần nào giềng mối kinh tế quốc gia.

Dù sao, ta cũng thấy sự sống sót của chúa Trịnh cách đây trên 200 năm đã đo lường trước những hậu quả mai sau, nên đã ban hành nhiều biện pháp cứng rắn đối với người Hoa kiều tại Việt Nam.

b/ Chính sách hoà hiếu và khai phóng của chúa Nguyễn trong Nam :

Đa số những người theo chúa Nguyễn trên đường khai phá Nam tiến, nếu không là kẻ tội đồ thì cũng là dân phiêu bạt lang tử, thích lưu lạc giang hồ và không ưng bị trói buộc bởi khuôn sáo cổ hủ, lễ thói lỗi thời.

Tôi nghĩ chúa Nguyễn (Nguyễn Hoàng) cũng thuộc vào hạng những người tiên phong (pioner) cởi mở và cư xử tốt với mọi người. Chúng ta có thể gặp họ đâu đó trên đường đi Sacramento ở Mỹ, trên Đại dương châu ở Úc....

(1) xem Việt sử đản giải của Phạm xuân Độ /
và VN Khảo cổ tập san số 1, 1962.

Tinh thần đó nếu được gọi là "đại đồng", tứ hải giai huynh đệ thì nó sẽ giải thích vì sao ở chúa Nguyễn không có óc cầu nệ, hướng kỳ, căn tắc của người quen sống trong kích thước cổ truyền, bốn bề là giá trị đạo đức, chung quanh là thước ngọc khuôn vàng.

Lý do tâm lý đó là yếu tố chủ quan bên trong, nhưng yếu tố khách quan bên ngoài phải kể là 2 lý do chính trị và kinh tế.

Về chính trị, đường lối của chúa Nguyễn là kết hợp và thủ phục.

Năm 1661, khi có phong trào kháng Thanh ở đại lục, tướng Minh là Trịnh thành Công dẫn tàn quân băng ngang đảo Kim môn để ra Đài loan lập chiến tuyến, năm 1683 cháu nội Trịnh thành Công là Trịnh khắc Sảng ra hàng nhà Thanh sau khi bị đánh bật khỏi Đài loan.

Trong khoảng từ 1682-1683 (năm Khang Hi 21 và 22) rất nhiều tội trung và di thân nhà Minh dâng gia quyến và quân sĩ lãnh nạn sang VN.

Năm 1679, có bộ đội thủy quân nhà Trịnh từ Đài loan (có sách nói từ Quảng Tây) gồm hơn 3.000 binh sĩ và 70 chiến thuyền dưới quyền chỉ huy của tướng Dương ngân Dịch (tổng binh Lễ vũ Trần) cùng những tướng Hoàng Tiên, Trần Thẳng Tài (tức Trần thượng Xuyên) và Trần an Bình tới Cửa Hàn Quảng nam qui hàng và xin làm tôi chúa Nguyễn.

Chúa Hiền xuống chỉ ủy lao tướng sĩ, ban tước các đầu lĩnh và cho tất cả vào đất Đông Phố (Gia định) Lộc giả (Đồng nai thuộc Biên Hoà) Mỹ tho và Ban Lâm (Biên hoà) khai phá phân đất phì nhiêu của đế quốc Chân Lạp vừa chiếm được từ Tiên giang trở lên vì chúa chưa đủ lực lượng khẩn hoang. Nhóm này cày ruộng làm nhà lập nên phố xá đông đúc.

Tuy nhiên quan hệ hơn hết là trên địa hạt kinh tế, với chủ trương mở mang đô thị.

Lúc bây giờ, có cuộc Nam tiến, bờ cõi mở rộng cần 1 nguồn nhân lực thật dồi dào để phát triển các thị trấn.

Về phương đông, năm 1689, trong kế hoạch bành trướng ảnh hưởng về Nam, chúa Nguyễn phúc Chu sai Nguyễn hữu Kính làm Kinh lược đất Chân Lạp; chia Đông Phố ra làm dinh và huyện,

lấy Đồng nai làm huyện Phúc long, Sài côn làm Tân bình, mộ dân Quảng bình vào khẩn ruộng lập xứ, còn người Tàu thì đều thuộc sổ bộ nước ta, coi như dân An Nam.

AI ở đất Trăn Biên (Biên hoà) thì họp thành xã Thanh Hà, ai ở Phiên trăn Gia định thì lập xã Minh hương, nơi đây Hoa kiều cứ ngụ làm ăn, dựng nên những làng Minh hương sống theo tập tục, ăn mặc như người Việt, 1 số đông đã đồng hoá thành người VN mấy đời.

Thiết tưởng, không có kế hoạch; phương sách nào hay hơn để giữ đất theo "Kế tâm thực" như chúa Nguyễn.

Về phương Tây là công cuộc mở mang đất đai Hà tiên và các vùng lân cận.

Năm 1695, một người Trung hoa trẻ quê ở Phú lồi châu (Quảng đông) tên là Mạc Cửu, rời chính quốc từ năm 1671, lưu lạc sang Phi, Batavia rồi ghé Cầm bột vận động với vua Miên được phong chức Oknha (tương đương tỉnh trưởng ngày nay) cai quản đất Meng khâm (tức quận Hà tiên bây giờ)

Mạc Cửu đến Sài Mạt và được phép vua Miên cho thu thuế hoa chi, mở sòng bạc, chiêu mộ lưu dân lập nên 7 xã Hà tiên. (1)

Sài mạt thuở đó nằm nơi cao nguyên phát sinh rạch Giang Thành Hà tiên, còn gọi là Péam hay Phương thành, thường bị vua Xiêm dòm ngó, cướp phá và bắt họ Mạc giam lỏng ở hòn đảo Vạn tuế Trung (Xiêm).

Về sau đi tìm 1 hậu thuẫn, năm 1708 Mạc Cửu đã quay về thân phục và dâng Sài mạt (tiếng Miên có nghĩa là thành vàng Bantay - Méas) cùng 7 xã Hà tiên cho triều đình Huế.

Chúa Nguyễn bèn phong cho Mạc Cửu chức Tổng binh Hà Tiên trấn để mở rộng uy tín và thực ra, lúc bấy giờ vùng này sinh lầy bao la, người bản xứ không ai chịu đến, trong khi triều đình đang cần 1 lực lượng canh giữ biên thù nên để cho họ Mạc làm tổng binh là 1 việc làm vừa nhân đạo vừa hữu ích cho xứ sở, có người canh giữ, khai thác biến sinh lầy Đồng tháp thành đồng bằng trù phú ngày nay.

(1) Xem Sơn Nam, Tìm hiểu đất Hậu giang

Trong vòng 1 thế kỷ khai phá, lợi dụng tranh chấp nội bộ giữa Thủy chân Lạp với nhau, từ 1685 đến 1754, trọn vùng đất từ Biên hoà đến mũi Cà Mau đều thuộc lãnh thổ nước ta.

Mượn tay người Trung hoa mà đa số là lưu dân trôi nổi đến, chúa Nguyễn đã cho xây đồn lũy dọc biên giới từ Tân châu đạo (cũ Lạc Giêng) Châu đốc đạo, Đông khẩu đạo (Sàdec ngày nay) đến bờ vịnh Xiêm la như kinh Giang đạo (Rạch giá) và Long xuyên đạo (Cà Mau).

Ngoài ra, vì là vùng đất mới, trên địa hạt thương mại chúa Nguyễn hết sức khuyến khích sự buôn bán giao dịch giữa dân bản xứ và người Khách, một phần nhằm vào số thuế kèch sù có thể thu được, 1 phần hi vọng chính sách tôn dương mậu dịch này sẽ gây 1 tiếng vang tốt để thương khách ngoại quốc đến buôn bán và làm sầm uất thêm các thị tứ dân cư mới.

Năm 1688, 1 nhà thám hiểm người Anh cát Lợi W. Dampier trên đường đi từ Nam hải đến Bắc Việt trên 1 thương thuyền do thuyền trưởng Tiler cầm đầu được nghe vài tin tức về nạn dân Trung quốc tại Cochinchina (tức VN hồi đó). Ông thuật lại : (1)

"Bọn nạn dân Trung quốc này đều là những kẻ từ đại lục trốn ra ngoài vào dịp người Tartares (chỉ người Thanh) chinh phục Trung quốc. Vì họ được người bản xứ hoan nghinh, và lại trong bọn họ có nhiều thợ công nghệ nên họ vui lòng truyền dạy các môn công nghệ có ích cho 1 tướng quân (tức chúa Nguyễn) mà họ đã nhờ cậy đến".

Hơn nữa, vì thuở ấy, sông Gianh được lấy là đường ranh phân chia Nam Bắc, nên nhân dân 2 miền không thể tự do thông thương nên hàng hoá ngoại quốc và ngoài Bắc đưa vào đều nhờ trung gian của các thương thuyền Trung hoa cung cấp, vì vậy, chúa Nguyễn ngoài việc khuyến khích họ nhập nội, còn nâng đỡ và bảo hộ các thương khách tình cờ gặp nạn trên hai phận lãnh thổ của mình.

Năm 1682, đời Khang Hy thứ 21, 1 thương thuyền Quảng đông rời Cambodge về Tàu, đến duyên hải Quảng nam bị hải tặc cướp phá, họ chạy về Hội an xin chúa Nguyễn cứu viện, Chúa cho thủy binh chặn đánh và trả lại để họ có thể về Quảng Đông vào tháng 6 năm 1683.

(1) W. Dampier, Un voyage au Tonkin en 1688, /
Revue Indochine 1909, p.589.

Năm 1683, Lâm tôn Nương, 1 Hoa kiều ở đảo Java, từ Negosaki về Nam, gặp nạn tại Nam sa quần đảo, thuyền chìm, 76 thủy thủ thoát được đến Quảng nam, Hiến vương ban cho Lâm tôn Nương 10 quan bạc, giúp thuyền mới và 6 tháng sau về được Nhật.

Chính sách này đem đến cho Đàng trong rất nhiều lợi điểm, đề cao chủ trương đối thương khách Trung hoa tới Quảng nam và tăng uy tín quốc tế của triều đình mới.

Thêm vào đó, khoảng cuối thế kỷ 16 là lúc nước Tầu đoạn giao với Nhật nên thuyền bè Trung quốc bị cấm vắng lại hải phận Nhật, nên lần sóng di dân Trung hoa sang Giao chỉ gia tăng mạnh mẽ, Họ đến để đổi chác hàng hoá có tính cách quân sự với Nhật vì đó là 1 cách trực tiếp mậu dịch với Nhật bản. Vì vậy, đồng thời với Manille, bỗng nhiên trở nên sầm uất, các hải khẩu VN thời đó như Phố Hiến, Hội an, Cửa Hàn thành ra địa điểm chuyên khẩu, trung gian phồn thịnh.

Một giáo sĩ dòng Tên Bồ đào Nha là Valentin Corvalho viết trong quyển thuật sự (1) : " Gần đây tại Cochinchina đã bắt đầu 1 thứ mậu dịch bất lợi cho người Bồ, to thay những thương gia Trung quốc đem nhiều tơ lụa tới đó, người Nhật mua hết đem thuyền chở về nước.

Tóm lại, trong thời kỳ Nguyễn Trịnh phân tranh, cả 2 Chúa cùng quan tâm đến việc lôi kéo làm hậu thuẫn nhóm di dân Trung quốc để tăng cường thế lực kinh tế, quan sự cho mình, nhưng ngoài Bắc, họ Trịnh khát khe hơn, bắt tất cả phải nhập Việt tịch và tuyên định cư trú, trái lại trong Nam Tiên Vương Nguyễn Hoàng ngay từ khởi thủy đã cho phép họ lập Minh hương xã để thu nạp di dân về nạn dân nhà Minh.

Nói thế, không có nghĩa là chính sách của chúa Nguyễn hoàn toàn mở ngõ về di hại về sau.

Trước những phong trào di dân có tính cách tập đoàn và vũ trang của người Trung hoa, chính quyền Đàng trong cũng nghĩ đến việc tìm biện pháp để tiện bề khống chế.

Quyển Đông tây dương khảo của Trương Nhiếp về các sử liệu Trung quốc, Âu châu đầu thế kỷ 17 đều ghi rằng những thương thuyền duyên hải đông nam Trung hoa luôn luôn tới cảng Thuận hoá, Quảng nam (Hội an), Tân châu (Qui-nhon) và Đề di (Dégi) buôn bán.

(1) Léon Pagès, Histoire de la religion chrétienne au Japon 1800.

Dù rằng trong Nam không có biện pháp nghiêm khắc như vua Lê ngoài Bắc, về còn thu phục Hoa kiều để làm lực lượng mới nhưng chính sách văn lễ chính sách tập trung để kiểm soát, qui tụ nhưng thân phục.

Ta sẽ xét kỹ điểm này hơn trong chương kế tiếp nhận định về chính sách đối với Hoa kiều tại VN.

II. Chính sách trong thời thuộc Pháp :

Tiếp tục chính sách cũ của các vua chúa thời Lê Mạc Nguyễn sơ, năm 1825, vua Minh Mạng qui định rõ những người lai Việt Hoa tập hợp thành những xã Minh Hương và ràng buộc họ chặt chẽ hơn theo hệ thống luật pháp VN. Họ phải đóng thuế nhưng được miễn lính.

Sau khi, người Pháp thực sự xen lộn vào nội tình VN, các triều nhà Nguyễn sau cùng cũng đã cầu cứu với chính quyền Trung quốc để chế ngự áp lực da trắng mới mà theo người đương thời còn nguy hiểm hơn đế quốc Tàu.

Sự cầu cứu này xác nhận rằng, kể từ đây, chính sách đối với Hoa kiều tại VN lệ thuộc hẳn vào sự điều đình tay đôi giữa Pháp và Tàu.

Trong những phần dưới, chúng ta sẽ thấy căn bản làm thay đổi thái độ của cường quyền thực dân, đối với tập thể Hoa kiều tại xứ này biến thiên theo tương quan lực lượng Pháp Hoa, theo quan hệ ngoại giao giữa Balê và Bắc kinh thời đó.

Để dễ nhận định chúng tôi chia phần này ra làm 4 tiểu mục mà tôi tạm gọi là 4 giai đoạn : áp đảo, hoà hoãn, tương nhượng và cứng rắn.

1) Giai đoạn áp đảo từ 1886 đến 1912 :

Thỏa ước Thiên Tân 1886.

Khi triều đình Huế quay sang cầu cứu Trung quốc, người Pháp dù có hậu thuẫn quan sự rất hùng hậu đã phải vất vả rất nhiều trong việc điều đình với Tàu về vị thế của họ tại VN.

Tháng 8 năm 1878, đại sứ Tàu ở Ba Lê là Hầu tước Tseng đã liên tiếp hội kiến với Bộ trưởng Bộ thuộc địa để phân chia vùng ảnh hưởng tại VN.

Thủ Tướng Pháp, Ferry, lúc đó nhứt quyết vùng đệm giữa 2 thế lực Pháp Hoa, hoàn toàn do quan lại VN cai trị phải mở rộng tới Cao bằng Lạng sơn, còn người Tàu lại đòi thu ngắn xuống tận Hà nội.

Sự đồng cơ này chấm dứt bằng tạm ước Fourrier - Lý Hồng Chương ký tại Thiên Tân ngày 11/5/1884 (1), theo đó Pháp cam kết không đòi hỏi 1 quyền lợi nào ở Trung Hoa, công nhận biên giới thiên nhiên Bắc Kỳ Trung Hoa. Đổi lại, Tàu cam kết rút quân đội đang lam áp lực tại biên giới Vân nam Bắc Việt (theo lời cầu viện của Huế), công nhận biên giới Hoa Việt và những thoả ước thương mại trực tiếp giữa Pháp và VN.

Thái độ đến, cuối năm 1885, nhà triều đại cuối cùng của nhà Mãn thanh là Quang Tự, dưới quyền nhiếp chính của Từ Hy Thái hậu, suy yếu và đi lần từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác trước Tây phương, người Pháp mới áp đảo hẳn thế lực Trung Hoa tại VN.

Trong khoảng thời gian thương nghị từ 1874-1885, chính quyền Pháp dần dần bắt Hoa kiều đóng thuế thân trong vùng họ chiếm được nhưng vì chính phủ Trung Hoa phản đối nên Pháp bắt cả người Á châu đồng hoá cũng phải đóng.

Sau 1880, tất cả người Trung Hoa đều buộc phải đăng tịch ở sở cảnh sát, họ được miễn khổ dịch và quân dịch nhưng phải chịu 1 khoản thuế lợi tức.

Hiệp ước Thiên Tân ngày 24-4-1886 hết chân hoàn toàn người Trung Hoa khỏi VN.

Theo hiệp ước này, Trung Quốc phải nhượng bộ Pháp 1 vài điều kiện và bù lại Pháp chịu cho phép người Hoa kiều tại Việt Nam mở kho hàng tại VN.

Năm vu thế chính trị do sự suy yếu tư chính quốc nhà Thanh, Pháp bắt đầu toàn tính khai thác các nguồn lợi rộng lớn ở miền Tây Nam Á.

Năm 1895, để bù lại với sự nhượng bộ của Pháp trong cái gọi là can thiệp tay ba (Triple Intervention)(2), Pháp bắt chẹt Trung Hoa đủ điều. Họ bị buộc để Pháp khai thác những mỏ ở Vân Nam, Quảng tây, Quảng đông (3 tỉnh cận biên VN), chịu để

(1) xem La geste Francaise en Indochine, G.Taboulet, /
Tom I, trang 105-120.

(2) xem H.C.Hinton, China Foreign Relation With VN and Burma,
tr. 34

Pháp đặt đường xe hoả từ Hà nội đến Lũng châu, và hứa không đặt đảo Hải nam, 1 căn cứ địa sắt ở vịnh Bắc Việt, dưới 1 quyền lực nào khác.

Năm 1899, trong thời gian leo thang của những quyền (scramble for concession), Pháp buộc Trung Hoa cam kết không liên minh với 1 thế lực nào khác, nhượng việc khai thác đường xe hoả đến Côn Lĩnh (nay là Văn Nam Phủ), nhượng vịnh Quảng châu, bán đảo Liễu châu và mở rộng thương mại đến vùng giáp hay xa hơn Khu vực ảnh hưởng Anh cốt Lợi là Hương cảng và trung lũng Yangtze.

Có thể nói trong giai đoạn này, người Pháp lợi dụng ưu thế liệt cường, thao túng hoàn toàn chính trường Đông Á.

Theo sự ước lượng của vài tác giả, người Trung Hoa chiếm độ 1/25 dân số trong thuộc địa An nam. Họ đến từ Quảng Đông Phước kiến, Triều châu, Họ, Hải Nam.

Sở dĩ có hiện tượng này là vì ngoài mặt người Pháp lấn thế chính quyền Trung hoa tại Hoa lục nhưng riêng tại thuộc địa, thái độ của nhà cầm quyền thực dân hết sức dung túng Hoa kiều.

Chính A. Bouin và A. Paulus cũng tiết lộ : 'Khi người Pháp đến đô hộ VN, một số Hoa kiều lo lắng cho đời sống và tài sản đã về Tàu, nhưng sau họ biết rõ sự đô hộ của ta (Pháp) bảo đảm cho người Trung hoa tất cả an ninh, bèn ở lại và những người lỡ về Tàu đều lần lượt trở qua.'

Chủ trương dung túng đó, có lợi cho người Pháp ở 2 điểm : nhân công và tài nguyên.

Thứ nhất là về nhân công, người Trung hoa là 1 kho nhân lực để khai phá và bóc lột tài nguyên thuộc địa, lại nữa, họ không để ý tới chính trị chỉ lo chí thú làm ăn, rất tiện cho người Pháp xử dụng để mở mang kinh tế thuộc quốc.

Xin trích dẫn 1 phần trong báo cáo của Hội đồng thuộc địa Pháp (Conseil Colonial) gửi về Balê năm 1880, đoạn nói về người Hoa kiều :

'Đã quản tu với nhau trên nước này từ trước, nắm trong tay các guồng máy thương mại chính yếu, lơ là với hệ thống cai trị và đô hộ, theo đuổi những công trình khai thác vật chất và làm giàu, không bậm bịu với chính trị và lòng ái quốc, họ (những người Hoa kiều) sẽ trở thành 1 công cụ tự nhiên cho cuộc

củng cố thuộc địa mới chinh phục của ta (Pháp) mà chúng ta không không thể biến họ một sớm một chiều từ những chiến sĩ bại trận thành những công nhân để sai bảo 'được'.

(Nguyên văn : Déjà établis dans les pays, tenant en main les principaux comptoirs commerciaux, indifférents au système gouvernemental et à la domination de l'un ou de l'autre, poursuivant leur œuvre d'exploitation matérielle et d'enrichissement, sans préoccupation apparente de politique, ni de patriotisme, ils devraient être les instruments naturels de notre implantation dans un pays conquis dont nous ne pouvons transformer du jour au lendemain les soldats vaincus en ouvriers dociles' (1)

Chủ trương dùng tủng đó, có lợi cho người Pháp ở điểm thứ hai mà là về tài nguyên.

Chính quyền thuộc địa trước nhất thu được 1 số thuế thân đánh trên từng đầu người rất đáng kể. Tổng số năm 1881 là 1.270.350 F (1) chưa kể các khoản thuế thu lật vật khác như : thuế nhập cảnh, lưu hành phạt vạ (amende) và cư trú cỡ 200.000 F.

Tổng số Hoa kiều cư trú chịu thuế trong năm 1881 là 65.538 người, không tính 1.984 người già, 849 tàn tật và 1.104 con nít.

2) Giai đoạn hoà hoãn từ 1912 đến 1944 : Hiệp ước Nam Kinh

Trong khoản thời gian này có 2 sự kiện cần được ghi nhận trên chính trường quốc tế.

Trước tiên là phong trào cách mạng VN đã bộc phát dữ dội, đã số các lãnh tụ cách mạng VN đều lưu lạc sang Tàu. Năm 1912, đảng Cách mạng VN xuất hiện tại Canton, năm 1927, VNQDD thành lập tại Ha nội theo mẫu QDD Trung Hoa.

Để dập tắt phong trào kháng chiến VN, và sẵn dưới những nhà cách mạng Việt lưu vong trên đất Tàu, chính phủ Đông Dương phải bắt tay với chính phủ Trung Hoa, nên đã dành cho Hoa Kiều tại VN nhiều đặc quyền ưu đãi.

Sau nữa là, cuộc thế chiến thứ 2 (1939-1945) đã bùng nổ.

Về phía Bắc, Trung Hoa bị Nhật đe dọa Mãn châu, Triều Tiên.

Về phương Nam, mộng Đại Đông Á của Nhật lấn la vươn đến Miến, Thái, Đông Dương.

(1) A. Douinais et A. Paulus, La Cochinchine contemporaine Challamel 1884.

Trước mối lo chung và cùng đứng về phía Đồng minh, nên Pháp bắt buộc phải nhượng bộ Trung Hoa vai diễn về vấn đề Hoa kiều tại VN (lúc đó chưa có chính quyền Pétain ở Vichy và De Gaulle vẫn chưa lập chính phủ lưu vong tại Luân Đôn).

Thỏa ước Nam Kinh (Nam Kín) ký giữa Pháp và Trung quốc ngày 16-5-1930 là 1 mô tả trung thực cho sự nhượng bộ trên.

Theo thỏa ước này, người Hoa kiều được liệt vào hạng ngoại kiều Á Đông đồng hoá (Asiatiques étrangers assimilés), họ được tự do đi lại, xuất nhập kinh doanh thương mại và kỹ nghệ.

Bị thiệt về mặt đối ngoại, nhưng mặt đối nội, chủ trương của Pháp vẫn là vừa mượn tay người Hoa kiều để củng cố chính quyền thuộc địa vừa duy trì 1 chính sách chặt chẽ đánh thuế và giới hạn hoạt động kinh tế của họ.

Năm 1927, Pháp cố gắng nhưng không thành công trong việc bắt các cửa hiệu Trung Hoa lên sổ sách kê toán theo con số Á rập và mẫu tự La tinh.

Về thuế khoá, Pháp vẫn áp dụng 1 qui chế hành thu nghiêm ngặt.

Ở Nam kỳ, thuế đánh trên người Trung Hoa tương đối cao hơn những người Á châu gốc Đông dương ở những vùng khác (Việt - Miên - Lào).

Tùy theo định suất thuế điền thổ, môn bài và cường bách thuế trước bạ, người Hoa kiều được chia làm 6 hạng loại đánh thuế, từ 10% cho hạng thấp nhất là phu phen và thương gia mà thuế môn bài khoản 400% (1)

Riêng Sài Gòn-Chợ Lớn, việc đánh thuế cũng khác. Tất cả mọi Hoa kiều đều phải đóng 10% đồng đều căn cứ trên con số ghi nhận được bởi sở Di trú Hoa kiều đặt tại Sài Gòn và 1 thuế đăm phụ trực tiếp khác mà ngạch số biến chuyển theo sự ấn định của sở Thuế đăm phụ.

Tuy nhiên về sau, 1 nghị định khác ưu đãi Hoa kiều hơn, coi họ như những người Á châu đồng hoá, theo đó, các cửa hiệu không môn bài phải đóng thuế và miễn chịu thuế trước bạ. Thuyền bè không phải trả 1 khoản thuế nào trong năm đầu đến hay trở lại Đông dương.

(1) xem Louis Salaun (l'Indochine, chap.5, p.121/

Riêng tại Bắc kỳ, người Hoa kiều có vẻ nghèo hơn, và lại có ít thương gia mà nhiều phu phen nên thuế họ hơn. Thuế bậc đầu thuế từ 1%50 đến 88%, 1%50 là cu li ở các mỏ, đồn điền, cộng với thuế trước bạ 2%50.

Về thuế môn bài, loại cổ định chia 10 hạng từ 0%5 đến 300% loại đi chuyển phải đóng 300/o lợi tức thương mại.

Đặc biệt năm 1901, sự vánh trưởng đô thị sau chống đòi hỏi những nguồn lợi mới tài trợ cho công phí nên tháng 1/1901 Pháp sửa lại căn bản thuế : 1.000% môn bài cho cơ sở kỹ nghệ lớn, ngân hàng và 500% cho hiệu buôn phần thịnh kể cả xí nghiệp Pháp.

3) Giới đoạn nhượng bộ từ 1945 đến 1949 : Hiệp ước Trưng Khanh 1946.

Hội nghị Potsdam hồi tháng 7/1945 qui định VN chia làm 2 theo vĩ tuyến 16, để giải giới Nhật bản, phía Bắc là 180.000 binh lính của tướng Lữ Hán thuộc 2 Trung đoàn trung ương và Văn nam phủ, phía nam là quân đội Anh.

Lợi dụng tình hình sau khi Nhật bản đầu hàng, Trung hoa lúc đó đứng về phe Đồng minh thống trận đã ký kết với Pháp 1 hiệp ước về Hoa kiều ngày 28.2.46. Đó là hiệp ước Trưng Khanh (Tehung King), theo hiệp ước này Pháp nhượng bộ Trung quốc rất nhiều.

Họ thuận đòi thợ chi phí rút quân của bộ đội Tàu tại Bắc Việt, thuận cho Trung hoa chuộc lại 1 phần khoảng đường hoả xa Hà nội - Côn minh trong vùng Văn nam Phủ nhất là thuận tu chính lại qui chế các Bang Tàu ở VN, tăng quyền tự trị và dành cho Hoa kiều quyền bầu cử các Bang trưởng, ban cấp những ân huệ về kỹ nghệ du lịch và thuế suất. (1)

Hiệp ước này nhìn chung đã xác nhận lại những quyền lợi mà người Hoa kiều được hưởng từ trước theo hiệp ước cũ Nam Kinh, trong đó Hoa kiều vẫn tiếp tục hưởng những quyền lợi cổ truyền, nhất là về điều khoản nhập nội, thuế khoá thu đóc bất động sản, việc giữ sổ sách thương mại, lập trường trung tiêu học, làm các nghề nông đánh cá, và các nghề tự do khác.

Sau cùng, đến năm 1948, Pháp lại nhượng bộ Trung quốc lần nữa bằng cách nâng Hoa kiều tại VN lên hạng ngoại kiều hưởng quâ chế người Âu và từ đó các Bang đổi thành Trung Hoa Lý sự Hội Quán do các Lý sự trưởng quản trị (Groupements administratifs chinois régionaux).

(1) H.C.Hinton, China Foreign relation with VN and Burma.

Với điều kiện này ta thấy quyền lợi Hoa kiều sẽ không kém quyền lợi kiều dân 1 đệ tam quốc nào hưởng qui chế tối huệ quốc.

4) Giai đoạn cứng rắn từ 1949-1954 :

Tuy nhiên đến tháng 7/1949 thì người Pháp thay đổi chính sách.

Chính phủ Trung Hoa quốc gia đã thua trận và chạy về Đài loan, Hào Trạch Đồng làm chủ Hoa lục, Pháp không thấy 1 ập lực nào để tôn trọng những hiệp ước đã ký với quốc dân Đảng Tầu từ 1946 nữa (1).

Hơn nữa, cũng nhằm kiểm soát sự xâm nhập của những phần tử Trung Cộng nên 1 chính sách kiểm soát chặt chẽ sự di trú của Hoa kiều được ban hành.

Chính sách này áp dụng cho cả 3 quốc gia Cam bốt, Ai lao và VN.

Việc thỏa thuận 1 chính sách chung cho 3 quốc gia lúc đó không có gì khó khăn vì từ 1945 đến 1950, việc kiểm soát ngoại kiều vẫn ở trong tay nhà cầm quyền Pháp, công việc này thuộc phần vụ sở Công an Liên bang Đông dương và đến 1949 thì chuyển qua sở Trung ương di trú ngoại kiều thành lập năm do nghị định ngày 15/6/1949.

Chỉ một năm sau, sở này chuyển giao cho chính phủ Việt Nam theo tinh thần thỏa hiệp 8/3/49.

Từ năm 1950 trở đi, thì VN cũng như Cambodge và Ai lao mới có thêm quyền riêng về việc kiểm soát ngoại kiều, tuy nhiên cho đến 1954 theo tinh thần hiệp ước PAU về vấn đề di trú ngoại kiều, việc kiểm soát này vẫn phải theo 1 chế độ tay tư (quatripartisme) : Cambốt, Lào, Việt và Pháp với những cuộc hội nghị định kỳ để các quốc gia thảo luận về vấn đề di trú liên quan tới 3 nước và để phối hợp hành động của mỗi công sở quốc gia.

Đến tháng 12/1954, chế độ tay tư này hoàn toàn bị bãi bỏ do quyết định của hội nghị Liên quốc họp tại Paris.

Từ đó về sau, mỗi quốc gia sẽ hoạt động riêng rẽ và có thể áp dụng chính sách riêng của mình để đối phó với ngoại kiều.

Ta sẽ xét xem chính sách của VN từ ngày Ô. Ngô đình Diệm về nước và thiết lập chế độ Đệ nhất Cộng Hoà tại Miền Nam VN

(1) Trần văn Bình, Hoa kiều tại Miền điện và Đông dương, Quê Hương 21/1961, trang 142.

III. Chính sách trong thời Độc lập từ 1954 đến 1963 :

Tính đến năm 1954, họ Hào đã làm chủ Hoa lục được 5 năm (49-54). Đế quốc Trung Hoa do Cộng sản thống ngự đang đi dần những bước lớn tìm lại những vầng son ngày cũ.

Về phương diện tự vệ, họ Hào cực lực chống đối lại mọi âm mưu của Tây Phương, nhất là Mỹ nhằm thiết lập những mốc kích bạo vây Trung Cộng : Okinawa, Đài Loan, Guam, Saigon theo thuyết tích cực và biểu dương sức mạnh của ngoại trưởng Foster Dulles.

Về phương diện tấn công, để bành trướng ảnh hưởng, họ tung ra chiến dịch công tâm (công phá nhân tâm) để lung đoạn chính trường Đông Nam Á (1) và kiểm soát 1 khu vực bao la từ Hương cảng chạy 3.300 es về phía Nam Dương và 2.500 es về phía Ấn chứa những nguyên liệu mà Trung Cộng cần cơ sở để trở nên lương quốc kỹ nghệ : 950/o cao su, thối, gạo, dầu, thiếc, tungstène, mangan.

Ở Hương cảng, họ mua chuộc và hăm dọa báo chí Cộng sản.

Ở Tân gia Ba, họ làm á p lực với tờ Nam Dương thời báo do George Lee làm chủ để xoay thái độ kích bực của Lee sang hợp tác.

Ở VN, 100 cán bộ gốc Quảng Đông được gọi từ Bắc kinh qua để hỗ trợ cho nhóm Tân Chicago Bình xuyên đang liên kết chặt chẽ với tập thể Hoa kiều ở Chợ Lớn, chống chính quyền hợp pháp ở miền Nam.

Trên những thực tế chính trị đe dọa và rối bời đó, ông Diệm 1 mặt phải lo dẹp nhóm phản loạn để ổn định tình thế, mặt khác phải gấp rút giải quyết vấn đề Hoa kiều để tránh 1 di hại về sau khi :

- Hoạt động Trung Cộng quá mạnh
- VNCH bắt buộc phải phản ứng cứng rắn
- tập thể Hoa kiều vẫn là ngoại kiều.

Liệt lý do khác thúc đẩy Ô. Diệm cương quyết hơn : chủ quyền kinh tế.

Khi ông Diệm về nước, thống kê cho biết rằng tổng số Hoa kiều trú tại VN là 703.120, con số này thực ra dưới sự thật rất nhiều, nó chỉ gồm những người được kiểm tra chính thức, sót lại phần lớn hoặc lười, hoặc sợ bị để ý đã ngụ mà không khai báo.

(1) Đỗ trọng Chu, Hoa kiều tấn công Đông Nam Á, Bách Khoa số 2/1957, trang 43.

Thời đó, hầu như Hoa kiều độc chiếm thương trường VN, 70% nhà máy xay lúa gạo ở Chợ lớn do Hoa kiều làm chủ.

Ngành bán lẻ được phân chia làm 15 loại khác nhau thì Hoa kiều đã chiếm đến 2.123 tiệm buôn có giấy phép. (1)

Họ còn nắm 2.864 xí nghiệp có môn bài ở Chợ lớn - Sài Gòn và 3.475 toàn quốc thuộc ngành kỹ nghệ. Riêng các ngành khác họ là chủ nhân của 17.288 cơ sở.

Hai động cơ chính trị và kinh tế đã thúc đẩy chính quyền Ngô đình Diệm chọn lựa, thái độ dứt khoát hơn.

Một loạt biện pháp vừa hoà hoãn vừa quyết liệt cụ thể hoá bằng các đạo dụ trong năm 1955 đến 1956, 1960 chấm dứt chế độ Bang và Lý sự Hội quán đã lỗi thời.

Dụ số 10 ngày 7/12/55 qui định luật về quốc tịch. Điều 11 nêu rõ, tất cả những người Minh Hương bất luận bao nhiêu tuổi và bất luận ở nơi nào, có giấy căn cước VN hay ngoại kiều đều đương nhiên thụ đắc Việt tịch.

- Dụ số 48 ngày 21/8/56, bãi bỏ điều 16 của dụ 10, và qui định Hoa kiều có cha mẹ gốc Trung Hoa, sinh tại VN trước hay sau ngày ban hành đều là người VN.

- Dụ số 58 ngày 25.10.56, bổ túc dụ 10, qui định rằng Tổng thống có thể đặc cách chuẩn miễn tùy trường hợp, các điều kiện do Bộ luật Quốc tịch qui định về thời hạn cư trú, hạnh kiểm, và khả năng đồng hoá về sức khoẻ để được gia nhập Việt tịch.

- Dụ số 53 ngày 6/9/56, quyết liệt hơn cấm ngoại kiều hành xử 11 nghề - Đó là :

1. Buôn bán cá và thịt
2. Buôn bán chạp phở
3. Buôn bán than củi
4. Buôn bán dầu xăng, dầu lửa, nhớt trừ các hãng nhập cảng.
5. Cầm đồ bình dân
6. Buôn bán vải sớ và tơ lụa dưới 10.000m tính chung.
7. Buôn bán sắt đồng then vụn
8. nhà máy xay lúa
9. buôn bán ngũ cốc
10. chuyên chở hàng hoá bằng xe hơi hay tàu thuyền
11. Trung gian ăn huê hồng.

(1) Trần văn Đĩnh, Hoa kiều tại Đông Dương, Quê Hương ../.
21, 1961, tr. 146.

Có thể bảo, không kể những sai biệt trong thực tế (mà sau sẽ phân tích kỹ hơn), trên giấy tờ 11 nghề này ghi rõ đầy đủ những ngành trung gian giao hoán mà người Hoa kiều rất sợ trường, không có 1 ngành nào sản xuất.

- Sắc luật 13/58 ngày 3/10/58 hướng về những thành phần không chấp nhận ý thức cộng tồn, coi họ như những ngoại kiều khác cư ngụ trên lãnh thổ, muốn nhập nội, xuất ngoại, lưu ngụ hay trường trú phải có đủ các điều kiện luật định. Sắc luật này mặc nhiên thủ tiêu qui chế quá ưu đãi mà người Pháp đã dành cho Hoa kiều.

- Sắc lệnh số 133/NV ngày 10/6/60 đi xa và mạnh mẽ trong việc giải tán các Lý sự Hội quán Trung hoa và Á kiều, tài sản các Lý sự Hội Quán sẽ do 1 Ủy ban quản trị mới dưới quyền chủ tọa của các cơ quan hành chánh, ở Đô Thành là Đô Trưởng, ở tỉnh là Tỉnh trưởng.

A/ Những nét quan yếu của chính sách :

1) Vấn đề quốc tịch :

Biện pháp qui về 2 điểm sau đây :

- Khuyến khích và thúc đẩy Hoa kiều hội nhập vào cộng đồng VN trên mặt pháp lý : chủ trương này nhằm vào các người Minh Hương và Hoa kiều thổ sinh bất luận mấy tuổi, ở đâu (đ. 16 dụ 48 và dụ 10).

- Dành mọi dễ dãi cho họ điều chỉnh thân trạng như đặc cách chuẩn miễn tùy trường hợp do các điều kiện của Bộ luật quốc tịch qui định (dụ 58).

2) Vấn đề đồng hoá :

Biện pháp qui về các điểm dưới đây :

- giải tán và giao về cơ quan hành chánh giám định hoạt động của các Lý sự Hội quán và Bang Á kiều (SL 133/NV, 1960)

- Buộc các trường Trung hoa phải Việt nam hoá chương trình giáo dục. Kể từ niên khoá 1959-1960, các trường này phải hoàn toàn dạy theo chương trình Việt, Hoa văn chỉ còn là đệ II sinh ngữ.

- Việt hoá tên tuổi những người mới nhập Việt tịch (đ.1, 2 và 5 dụ 52, 1956) đi xa hơn, luật còn dự trữ biện pháp khuyến khích học sinh "Việt Nam mới" ăn mặc theo đồng phục VN, kẻ chữ Việt bằng tên trường, dùng Việt ngữ trong các hoả đơn giao hoán.

- Nghiên cứu cải tiến các y viện Hoa kiều (Chung Cheng, Quảng Đông, Hải Nam, Phúc kiến ...) thành những trung tâm chuyên khoa.

- Hạn chế chặt chẽ việc nhập cảnh và lưu trú của kiều dân Trung Hoa.

- Từ năm 1962, chính phủ cho lập danh sách Hoa kiều cư ngụ trong toàn quốc từ 15 tuổi trở lên, ghi đầy đủ chi tiết lý lịch, mỗi khi thiên cư phải khai báo.

Do biện pháp này chính phủ kiểm soát dễ dàng tình trạng lưu trú theo dõi và áp dụng biện pháp thích nghi đối với các phân tử bất hảo.

3) Chủ quyền kinh tế :

Dụ 53 ngày 6/9/56 qui định cấm Hoa kiều làm 11 nghề; biện pháp qui về mấy điểm :

- dành mọi dễ dãi và ưu đãi cho người VN trong việc giành lại thế chủ động trong kinh tế.

- hạn chế hoạt động thương mại của Hoa kiều trừ phi họ có thiện chí nhập Việt tịch. Động tác nhập Việt tịch của họ đương nhiên đem lại 2 điều lợi cho VNCH.

Thứ nhất, vốn và tư bản Hoa kiều đương nhiên thuộc về chính quyền VN, có thể di dịch, chuyển vận hướng vào các động tác đầu tư có lợi cho nước nhà.

Vimytex, Vinatexco là những ví dụ điển hình cho việc xử dụng tư bản Trung hoa vào việc phát triển kinh tế.

Điểm thứ hai, vốn đó đã là vốn VN, đương nhiên với chủ quyền lãnh thổ và chủ quyền kinh tế, chính phủ có thể ngăn cấm nó xuất ngoại, cản trở nó vào các ngành đầu tư xấu, đầu tư không sản xuất.

Một điểm khác c, tương cũng cần ghi ra đây là theo sự ước lượng của Phòng Sưu tầm Kinh tế và Canh nông của Nhật bản thì tại Đông dương 4/5 nền thương mại ở trong tay Hoa kiều, vốn liếng đầu tư của họ không nhỏ. (1)

Họ chỉ cần gửi về Đài loan hay Hoa lục 1/3, 1/4 số đó là nền kinh tế bản xứ gặp khủng hoảng tài chính. Điều này không phải là không thể xảy ra ở VN vì trước VN, ở Mã lai, Thái lan đã có thật.

Số tiền và quà biếu của Hoa kiều gửi về lục địa rất nhiều, gần gấp mấy chục lần gửi về Đài loan.

Việt nam hoá thân trạng, tư bản của họ không phải là 1 biện pháp thiếu thiết thực.

B. Phản ứng của Trung Hoa :

1) Về phía người Hoa kiều :

Sự dâng cao của tinh thần quốc gia trong thời Tổng Thống Ngô đình Diệm đã đặt ra nhiều khó khăn trên thực tế.

Phản ứng của giới Hoa kiều tại VN vừa tiêu cực vừa tích cực.

Họ không chịu tuân lệnh chính quyền đi khai nhận Việt tịch và đổi thẻ căn cước, hợp thức hoá tình trạng của mình, lại còn xúi dục, hăm dọa kẻ khác.

Một số nữa do dự, chờ đợi để nghe ngóng tình hình.

Một phản ứng khác là bức tức xin hồi hương về Đài loan hoặc trốn về Hoa lục bằng ngõ Cấm bột, Hong Kong.

Theo R.S Elegant (2), giới Trung Hoa VN cho rằng trong năm 1955 đã có 3.000 người rời VN, đa số lén lút nhưng cũng có 1 số dùng thông hành hợp pháp của toà Đại sứ THQG để hồi hương Đài loan, phí khoản chỉ độ 2.000\$ (3)

R.S Elegant cũng tiết lộ, chính quyền VN ước lượng có 2.000 người đã bỏ VN về xứ.

(1) Theo Far Eastern Economic Review, số 1, tập 26, 1958/

(2) Under the dragon's seed.

(3) theo H.C Hinton thì có 5.000 người Trung Hoa xin về Đài Loan nhưng chỉ độ 3.000 là được phép.

Mạnh mẽ hơn, về kinh tế, tuy Hoa kiều chỉ chiếm 34% trong tổng số những người hành nghề bị cấm nhưng họ nắm đến 85% số vốn vì vậy, phản ứng của họ nhằm trở đũa các biện pháp kinh tế mà chính quyền VNCH đã đưa ra.

Họ rút tiền ký thác tại các Ngân hàng ra, tổng số lên từ 400 đến 600 triệu bạc để làm mất giá trị đồng bạc VN trên thị trường.

Ngoài ra, 1 số hàng hoá nhập cảng bị ứ đọng tại thương cảng Sài Gòn, Hơn nữa, gạo của ta xuất cảng qua Hong Kong bị Hoa kiều tẩy chay không mua, năm 1957, hơn 4 vạn tấn gạo phải chờ từ Hong Kong qua Tân gia Ba và tại đây cũng không có người tiêu thụ. (1)

Đến đây chưa phải là hết.

Ông Diệm có 1 cô văn đặc biệt về Hoa Kiều trong những ngày mới hồi hương tham chính, chưa biết rõ hoàn cảnh thực tế nước nhà vì quá lâu bôn ba nơi hải ngoại.

Hình như ông ta là người lai Tàu, mũi ó, thông minh, 40 tuổi, bạn thân của ông Ngô đình Nhu.

Tên ông ta là LÝ KAI, 1 tay tư bản trong giới Ngân hàng.

Trong lần mạn đàm với R.S. Elegant 1 hôm trước khi Bình xuyên dấy loạn, KAI đã nói với tác giả về mối đe dọa mới do các lực lượng giáo phái khơi ra về những nguy cơ tất hữu do tình thân cổ chấp của hơn 1 triệu người Trung Hoa bất mãn dù có hay không có Bình xuyên hay Cộng sản lôi kéo. (2)

Ông Diệm dùng Lý Kai như 1 "mỡ thầu dầu" (trùm) của 1 giới cũng như sau này đã thay Lý Kai bằng Mã Tuyên vậy.

Chính LÝ KAI đã khuyên ông Diệm ban hành một sắc luật để lôi kéo người Trung Hoa vào đời sống dân tộc ta (nguyên văn : draw the Chinese into our life).

Ô. Diệm có lôi kéo được không, chúng ta không vội xét.

Có điều, khi biện pháp sẵn sủa ban hành thì 1 chiều tháng 5 năm 1955, Lý Kai đang nhâm nhi rượu mạnh với 2 sĩ quan

(1) Trần văn Dĩnh, Quê Hương 21.

(2) xin đọc rõ hơn trong Under the Dragon's seed của R.S.Elegant, trang 269.

Pháp tại Khiếu vũ trường Văn Cảnh, đường Trần Hưng Đạo, thì có 2 người vận quân phục sĩ quan Bình Xuyên, bê rê xanh, đeo khí giới, bước vào cửa, đi lướt ngang sàn nhảy về đến 1 góc tối khuất ánh sáng nơi Bàn LÝ KAI đang ngồi. (1)

Ông ta bị kè lên 1 chiếc xe du lịch Buick, màu đen đậu trước cửa rồi chạy biến vào hướng Chợ Lớn.

Lý Kai biệt tích mãi đến tháng 7 năm 1956, khi 1 Trung úy Bình Xuyên ra qui thuận, tiết lộ rằng LÝ KAI đã bị xử tử bởi những người Hoa kiều, rồi dẫn đến nơi vùi thi hài.

Nhà sĩ riêng của LÝ KAI nhận thực hàm răng là đúng của LÝ KAI so chiếu với phim chụp trước đây. Hôm đó là ngày trước khi tướng Lê Quang Vinh tự Ba Cụt bị xử tử tại Cần Thơ.

2) Về phía chính quyền Trung Hoa :

Cả Mao và Tưởng đều phẫn nộ trước quyết định của Ô. Diệm.

Mao gửi cán bộ (100 người Quảng Đông) xúi dục Hoa kiều hồi hương về Hoa lục.

Tưởng, qua trung gian của toà đại sứ Đài Bắc tại Saigon đã nỗ lực lôi kéo Hoa kiều khỏi tay VNCH và Bắc Kinh.

Cán bộ TDS Đài Bắc ra Huế tiếp xúc với đồng bào Việt gốc Hoa về nhân sĩ tại đây qua trung gian của các Lý sự Trưởng và Beng trưởng để chuyển về chỉ thị mật.

Tháng 1/1963, TDS gửi người tham dự và gặp kín Hoa kiều trong cuộc lễ tổ chức tại lòng Tự do Bình trị Đông, Gia định.

Tháng 2/1963, Ban Quản trị Y viện Chung Cheng họp mật với cán bộ Đài Loan về vài điểm phản ứng ngầm ngầm.

Đúng lý, TDS Trung Hoa Dân quốc, chỉ nên tiếp xúc với kiều bào của họ, hiện chỉ còn 4.081 người tính đến cuối 1967. Với đồng bào Việt gốc Hoa, họ là công dân VN, tiếp xúc có nghĩa là vi phạm chủ quyền xử ta.

Phản ứng đến đó vẫn chưa thôi sôi sục. Nó từ quốc nội lan ra ngoại quốc.

(1) Câu chuyện này do 1 chiêu đãi viên Tàu lái Mỹ, gốc /
California, tên MARY, bạn của R.S. Elegant thuật lại.

Một lượt với Saigon, học sinh, thanh niên Hoa kiều thân Đại loan đã tràn vào toà Lãnh sự THĐQ, phản đối sự bất lực của Ô. Đại sứ, đòi hỏi hãy hỗ trợ cho họ "hành động", tại San Francisco, tiểu bang California, trên đường kinh lý, tổng thống Ngô đình Diệm đã bị Hoa kiều thuộc khu China-Town, ném bom vào đoàn xe hộ tống. (1)

Bang giao Việt Hoa căng thẳng cực độ.

Tại Đài Bắc, Cheng Yen Fen, chủ tịch Ủy ban hải ngoại Hoa kiều dân quốc sự vụ (Nationalist's overseas Chinese Affair Commission) hẳn học "Saigon chơi xấu quá !" (nguyên văn : Saigon was very bad !)

Tại Saigon, trả lời lãnh sự quán Trung Hoa, trong văn thư đề 17/10/56, về việc Đại loan vận động tạm hoãn để đợi 1 thoả hiệp song phương, ngoại trưởng VNCH dứt khoát :

"Chính phủ VNCH tiếc không thể chấp nhận lời thỉnh cầu này vì theo nguyên tắc Bang giao Quốc tế, đây là vấn đề thuộc thẩm quyền của 1 chính phủ có chủ quyền lãnh thổ, VNCH không nghĩ rằng vấn đề này là việc có thể đưa tới thương thảo giữa 2 nước".

Chính phủ ta xác nhận coi các Hoa kiều thổ sinh mặc nhiên mang quốc tịch Việt và phải xin giấy tờ kiểm tra mới, ngoài ra VNCH xác nhận không có sự phân biệt giữa người Việt chính thống và người Việt mới".

Trung Hoa dân quốc làm mạnh hơn. Họ vận động với Hoa Kỳ để yêu cầu VNCH rút lại quyết định. Ông Diệm thẳng thắn giữ vững lập trường.

Cheng Yen Fen đe dọa : " Nam Hải là phần đất cần tranh thủ, chúng tôi tiếp tục kêu gọi người Trung Hoa hải ngoại duy trì sự phấn đấu".

Fen nhắn khéo với người Mỹ : " nếu muốn người Trung Hoa chống Cộng sản (Mao) thì không nên chống lại lòng ái quốc của họ.

Hoa thịnh Đồn im lặng và Saigon làm 1 cuộc tổng kết.

(1) Tin mật của các hãng thông tấn đánh đi (khoảng 1960), thời đó được dấu kín, do 1 nhân vật cao cấp của đệ I Cộng Hoà tiết lộ, chúng tôi xin phép được giữ kín danh tánh.

C.- Thành quả của chính sách Ngô đình Diêm :

Những tiên liệu đầu tiên đã không được thoả mãn hoàn toàn.

Con số của sở Ngoại kiều trực thuộc Tổng Nha Cảnh sát cho biết từ 21/8/56 đến 31/1/61 tại Saigon có 163.070 (quận 5 100.045 người) Hoa kiều nhập tịch, như vậy thủ đô có thêm 8% công dân mới về toàn quốc 181.057.

Cho đến nay theo 1 vài chuyên viên về vấn đề này (1) thì kể cả con số trẻ vị thành niên, tổng cộng đã có 700.000 người vào Việt tịch.

Số còn lại giữ Hoa tịch tính đến 13/4/67 là 5.437 người toàn quốc và đến nay còn 4.081.

Đối với người VN, sẵn sàng hoạt động thay thế Hoa kiều, nhiều khó khăn cũng đến với họ.

Vì thiếu các phương tiện chuyên chở nên 1 số hàng hoá thực phẩm bị ối đọng tại các tỉnh, không thể cung cấp đủ cho giới bán lẻ được.

Người VN, chưa chuẩn bị tư tưởng kịp, lại nữa vùng về trên thương trường (miền Nam là nơi đen chúng chỉ quen sản xuất nông nghiệp) nên công tác giành lại chủ quyền kinh tế không thu được thành quả mỹ mãn.

Tôi đồng ý với nhận xét dĩ dóm sau đây; mảnh đất đã dọn cỏ rồi không phải là hình ảnh ước mơ của 1 đồng lúa vàng hoe lúc chín, ngào ngạt hương thơm, còn thiếu hạt giống.

Hạt giống : sự chuẩn bị thay thế của dân Việt.

IV.- Chính sách từ sau ngày Cách Mạng 1963 :

Cuộc đảo chính ngày 1/1/63 chỉ có hào khí cách mạng chứ không phải là cuộc cách mạng thật sự.

Các nhà lãnh đạo kế tục, hoặc theo đuổi những tham vọng riêng tư hoặc chưa biết lợi dụng hào khí đó nên đã buông trôi cơ hội cải tạo lại toàn diện xã hội này.

(1) Ô. Trần Văn Đĩnh, giảng sư Đại học Văn khoa và HV.QGHC/

Trong những rối loạn nội bộ liên tiếp : đảo chính, biểu dương lực lượng, chỉnh lý vấn đề Hoa kiều bị rơi vào quên lãng.

Tuy nhiên, giữa năm 1967, nó được khơi động lại.

Ứng cử viên Tổng thống Nguyễn Cao Kỳ đứng chung liên danh với Ô. Nguyễn Văn Lộc (1) viếng Chợ lớn, đã tuyên bố trong bữa tiệc khoản đãi tại lầu Đổng Khánh trưa 16/6/67 rằng sẽ chính thức trao trả quyền quản trị tài sản cho 5 Bang Việt gốc Hoa mà trước đây chính quyền Ngô đình Diệm đã đặt dưới quyền kiểm soát của giới chức chỉ huy hành chính VN.

Tướng Kỳ nói thêm : " Quyết định trên đây là của nội các chiến tranh và mọi thủ tục hành chính trao trả sẽ được Đại tá Đô Trưởng Văn Văn Cục xúc tiến mau chóng.

Những bất động sản và cơ cấu tổ chức từ thiện này gồm

- 6 ngôi chùa
- 15 trường học
- 5 bệnh viện
- 2 nghĩa trang
- 886 căn phố có lầu
- 2465 lô đất.

.... Ước lượng chung thời giá lên đến hàng tỉ bạc.

Quyết định này công bố vào lúc còn không hơn 3 tháng là đến cuộc bầu cử vị nguyên thủ của nền đệ nhị Cộng Hoà, nó mang nhiều tính cách chính trị hơn hành chính.

Báo Anh ngữ Saigon-Post xuất bản tại Sài Gòn bình luận : "500 ngàn cử tri Việt gốc Hoa tại Chợ lớn là một số thăm quan trọng trong cuộc bầu cử Tổng thống sắp tới".

Trong cuộc họp báo, cuối tháng 6/1967, đại diện cho Hội đồng Trung ương Đô thành quản trị các tài sản LSHQ và Bang Á kiều, Bs Đô Trưởng cho báo chí biết từ ngày tiếp nhận công tác quản trị trực tiếp Toà Đô chính lỗ chứ không có lời.

Ai cũng biết Ô. Cù là 1 bác sĩ, quen chữa bệnh, 1 chính khách giỏi vận động chứ không phải là 1 nhà hành chính biết hợp và tiên liệu.

(1) Lúc đó Th.t Kỳ đứng riêng/ liên danh (với Ô. Lộc)
còn Tr.t Thiệu 1 liên danh khác (với Ô. Trình quốc Khánh).

Bảng kết toán hàng năm cho biết 886 căn phố và 2.465 lô đất cho mượn chỉ độ 18 triệu trong lúc Ngân sách phải chi cho các cơ sở xã hội từ thiện lên đến 52 triệu.

Bs Của thêm : " Sau khi đi thăm và nghiên cứu kỹ lưỡng tại chỗ, HDQTĐT đã đề trình Thiếu tướng Kỳ và được chấp thuận. trên nguyên tắc là giảm đi hoá vấn đề quản trị là để đồng bào Việt gốc Hoa được quyền tham dự vào Ban Quản trị, hơn nữa nếu được xúc tiến 1 cách tích cực hơn thì toà Đô chính sẽ để cho các hội viên trong cơ cấu tổ chức xã hội đó được tự do quản trị các tài sản đó.

Trong hiện tại, HDQTĐT chỉ mới giải quyết được 2/5 số nhu cầu các trường tiểu học và 1/4 ngân sách dùng để giải quyết vấn đề vệ sinh chung (1).

Tuy nhiên, sự sôi động chỉ có 1 chu kỳ ngắn.

17 giờ chiều ngày cuối cùng của hạn nộp đơn ứng cử Tổng Thống, liên danh KỶ-LỘC rút lui, 19 giờ liên danh THIÊU-KHÁNH và trước hạn vài tiếng, 2 ông Nguyễn văn Lộc và Nguyễn văn Ngân (Công cán Ủy viên UBLDQG) vào của Quốc Hội, trình danh sách ứng cử hợp nhất của 2 tướng.

Vấn đề Hoa kiều lại lắng đi thêm gần nửa năm.

Biến động Mậu Thân bùng nổ mùng 2 Tết âm lịch tại Thủ đô và các tỉnh, cộng quân liên tiếp mở những cuộc đại tấn công vào các thị trấn miền Nam. Carbine, Garant đã anh dũng xô rập AK 47, AK 50 của VC, tuy nhiên lực lượng an ninh VNCH đã gặp nhiều khó khăn khi tiêu diệt tàn quân CS tử thủ tại vài cứ điểm dân cư đông đảo mà phần đông là HOA KIỀU.

Vấn đề ý thức hợp tác với miền Nam và tương trợ đồng bào nạn nhân chiến cuộc của Hoa kiều được báo chí đặt ra rành rộ.

Báo SỐNG dành 10 hôm liên tiếp để đề cập đến vai trò của Hoa kiều trong cuộc chống Cộng anh dũng của miền Nam tự do. Số ra ngày 23/5/68 đề nghị xử dụng thanh niên Hoa kiều đã nhập ngũ và huấn luyện quan sự song tại khu phố của họ với tư cách cán bộ hay chiến sĩ phòng thủ.

(1) trích nhật báo THỜI THỂ, số ra ngày 25/6/67. /

Báo Xây dựng (23.2.68) nhận định "Hoa kiều thích làm ăn hơn làm việc đất nước", và quả quyết nếu có người đảng hoàng và uy tín trong giới lạc quyền kín đáo, khéo léo thì Hoa kiều vẫn đóng góp đáng kể vào cuộc cứu trợ.

Báo Tiền Tuyến (21.2.68) kêu gọi sự hợp tác của Toà Đại sứ THDQ để thu phục và giác ngộ Hoa kiều. Thật là phiến diện nếu biết THDQ chỉ là Đồng minh VNCH trong cuộc chống Cộng chứ không phải là đồng chí trong việc hoà đồng tập thể Hoa kiều vào xã hội VN.

Báo Quyết Tiến (8.6.68) nêu thắc mắc : " Phải chăng đã đến lúc nên nghiên cứu lại 1 qui chế Hoa kiều cho hợp tình hợp lý đối với quốc gia VN đã độc lập ? Qui chế Hoa kiều nhập Việt tịch thời kỳ Ô. Diệm phải chăng cũng cần xem xét và sửa đổi lại cho tốt đẹp ?".

Về phía chính quyền, sự quan tâm biểu tỏ một cách hời hợt.

Ngày 17/2/68, lên tiếng trước TV và Đài phát thanh Sài Gòn, tướng Loan cảnh cáo thái độ cầu an của Hoa Kiều nhưng cũng mở cho họ một cơ hội thuận tiện để dứt khoát chọn lựa và chứng minh thiện chí.

Sau đó, trong 1 thư ngỏ dài 5 trang ronéo, ông cũng kêu gọi đồng bào Việt gốc Hoa và Hoa kiều hãy tiếp tay với chính quyền để đánh tan thái độ của dư luận tỏ ra bất bình về sự thờ ơ và vô trách nhiệm của họ sau mấy đợt tổng công kích của CS.

Nhưng họ không thờ ơ, họ chỉ thiếu tích cực.

Bình Minh là tờ báo duy nhất công bố đều đặn con số lạc quyền của Hoa Kiều.

Báo này cho biết, tính đến cuối tháng 2/1968, tổng số lạc quyền của các giới Việt gốc Hoa như sau :

- Bang Triều Châu : 10.455.800\$
- Bang Quảng Đông : 8.000.000\$
- Bang Phúc Kiến : 2.100.000\$

Ngày 28/3/68, 6 tổ chức Hoa kiều và Việt gốc Hoa đã chuyên đến Bộ Xã Hội 41.842.855\$, ngoài ra, đại sứ Hồ Liên cũng đã vận động với 10 thương gia tỉ phú ở Chợ Lớn được 45.500.000\$ lạc quyền.

Như vậy cộng lại, có đến hơn 100 triệu bạc.

Người ta không thấy, sau đó vài bước tiến nào khác, ngoài vài cuộc kinh lý ngắn, vài câu tuyên bố suông của các vị lãnh đạo.

Tháng 7/1968, đại tá Nhiễm, Tân Đô trưởng trong dịp tiếp xúc với khoảng 300 thân hào nhân sĩ về đại diện báo giới Việt gốc Hoa tại hội trường Y viện Quảng Đông, tuyên bố, thành thật đề cao tinh thần can đảm, ý chí chịu đựng những lũng đoạn tinh thần của quý vị trong biến cố vừa qua.

Kể từ nay những ác ý chụp mũ người Việt gốc Hoa không có lý do gì để xuất hiện kể cả sự đe dọa ép bức, chúng ta sẽ cùng nhau hiệp tác trong công tác bãi trừ tham nhũng, hối lộ và cậy quyền ý thế.

Chỉ có chừng đó. Và hết.

Tôi chưa thấy, cho đến nay, dấu hiệu nào cho biết 1 khuynh hướng như vậy, tích cực hơn, sâu rộng hơn, chủ động hơn đã được phát động. Tôi sẽ nhận định kỹ hơn vấn đề này trong 1 chương sau.

✽

✽ ✽

Chương thứ 5

NHẬN XÉT VỀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI
HOA KIỀU TẠI VIỆT NAM

đ

Cách đây 3 năm, Úc đại Lợi đã tung ra chiến dịch mời đón gái Âu châu sang xứ họ. Lý do : Úc thiếu đàn bà.

Tại sao lại phải gái Âu châu mà không Á châu, Phi châu ? Điều này thật dễ hiểu, luật lệ nhập cảnh của Úc rất khắt khe, nhất là đối với dân da vàng mà mũi dùi lợi hại nhất là từ Trung Hoa đưa xuống.

Mỗi quan tâm của bất kỳ quốc gia nào đối với vấn đề ngoại kiều khi đón nhận về chứa chấp họ, qui vào câu hỏi : liệu sự hiện diện của họ có gieo ảnh hưởng bất lợi cho chủ quyền kinh tế quốc gia, sự vẹn toàn và đồng nhất xã hội hay không ?

Mỗi quan tâm đưa tới 1 chính sách nhưng từ lý thuyết đi đến thực tế, từ kế hoạch đi đến thành quả, tồn tùy thuộc rất nhiều yếu tố, như sự ổn định trong nội tình, sự liên tục của chính sách.

Chính nhờ sự ổn định trong nội tình mà Thái Lan, 1 vương quốc sát nách chúng ta, chưa từng bị đô hộ giữa làn sóng thực dân lùa đến châu Á cuối thế kỷ 19, chưa từng bị chia 2 xẻ 3 như VN, Lào quốc, nên Thái Lan ngay từ đầu thế kỷ 20 đã tỏ rõ thái độ khắt với ngoại kiều, điển hình nhất là Hoa kiều.

Năm 1914, chính quốc vương Rama V dưới 1 bút hiệu đã viết 1 loạt bài báo đả kích Hoa kiều tại Thái Lan.(1)

Chính nhờ sự liên tục trong chính sách mà ngày nay Úc đã có thể hên hoan nhận thấy rất ít tình trạng hợp chủng trên 1 xứ mà hầu hết dân số đều gốc Anh, 1 loại Anh trầm lặng hơn tự hào hơn những thân dân nữ hoàng khác.

Trở về trường hợp VN không may cho dân tộc, chúng ta đã thiếu cả 2 lợi điểm nói trên và càng không may hơn nữa khi biết rằng sự bất ổn trong nội tình lại nhằm lúc trào lưu di dân Trung Hoa đồng nhất.

(1) Trần Văn Đỉnh, Hoa kiều tại Thái Lan, /
Quê Hương 18, tr. 158.

- Thời chúa Nguyễn và Trịnh phân tranh trong thế kỷ 18 là lúc bên Tàu có loạn Tam Phiên, đời sống cơ cực, chính tình rối ren do sự tiếm đoạt ngôi vương của triều đình Thanh mẫn, Hoa kiều sang VN đông hơn bao giờ hết.

Thời thuộc địa, bận bịu với cuộc kháng Pháp, là lúc thực dân dùng túng cho Hoa kiều nhập nội, buôn bán làm ăn cũng như tiếp tay cho Pháp trong giai đoạn trung gian phân phối trước khi chuyên chở và tước đoạt sản phẩm đưa về mẫu quốc.

Đến khi độc lập thì sự thay đổi thể chế quá mau chóng trong 10 năm trở lại đây khiến cho chính sách mất liên tục và hậu quả là tập thể Hoa kiều vẫn còn nguyên vẹn hình hài lợi hại, kích thước áp đảo.

Vì vậy nhận xét về chính sách đối với Hoa kiều tại VN, qua không gian và thời gian là nhìn mất tất cả khiếm khuyết khách quan có (lịch sử rối ren) chủ quan có (các nhà lãnh đạo đã bỏ quên, vấn đề Hoa kiều) nói chung là bất lợi cho công cuộc trị an và gia tăng áp lực kinh tế.

Sự thiếu thành công (nếu không thích gọi là thất bại) phóng chiếu trên 3 nét căn bản sau :

Tiết I : Một chính sách rời rạc và bất nhất :

1. rời rạc trong thời gian
2. rời rạc trong không gian.

Tiết II : Một chính sách thiếu thực tế :

1. chưa chuẩn bị về lý thuyết
2. chưa chuẩn bị về nhân sự và tâm lý

Tiết III : một chính sách chưa được đặt đúng tầm quan trọng :

1. chưa được chuẩn bị và học tập
2. chưa được theo dõi và đôn đốc
3. chưa được kiểm soát về lượng giá.

Tiết I : Một chính sách rời rạc và bất nhất :

Trong trường kỳ và đứng ngoài dòng lịch sử mà nhận xét, chúng ta chưa đưa ra một kế hoạch liên tục và hiệu quả. Chính sách đã rời rạc trong thời gian.

Trong đoán kỳ và đứng trong dòng lịch sử để kiểm định, chúng ta chưa có 1 kế hoạch đồng nhất và chặt chẽ. Chính sách đã rời rạc trong không gian.

1) Rời rạc trong thời gian :

Phân chia lịch sử một cách tương đối, chúng ta có thể tạm vừa ý với 4 thời kỳ : quân chủ, thuộc Pháp, cận đại và hiện đại.

4 giai đoạn này được đánh dấu bằng 3 biến cố quan trọng :

- ngày chủ quyền rời vào tay thực dân 1884
- ngày đất nước chia đôi 1954
- ngày cách mạng 1963.

Mỗi 1 thời kỳ lịch sử, các nhà lãnh đạo VN lại có một chính sách riêng biệt đối với Hoa kiều.

Đĩ nhiên chính sách đó, chịu sự chi phối của rất nhiều yếu tố mà quan trọng nhất là chính trị và kinh tế, đã không làm nổi bật 1 dấu hiệu đồng bộ, kết liên và phối hợp một cách chặt chẽ.

a/ Thời quân chủ : theo tương quan lực lượng Việt Hoa :

Thời quân chủ, chính sách là những mẫu biện pháp nhỏ, lẻ loi rời rạc kết nối lại với nhau hơi hợt, bất nhất.

Từ trước triều Đinh, sử liệu không thấy nói đến kế hoạch Hoa văn nào rõ rệt, điều này thật dễ giải thích. Thời đó tinh thần ái quốc tuy có bộc phát mạnh mẽ qua nhiều lần quân dân Việt nổi lên chống Bắc xâm nhưng việc kiểm kê dân số còn vụng về, và lại ý thức về mối nguy cơ do sự hiện diện đông đảo của người Trung Hoa tại VN chưa được đặt ra, thêm vào đây tinh thần lệ thuộc vào Trung quốc quá nặng, sự sợ hãi trả thù ám ảnh thường trực đến độ các vua chúa vốn xem thái độ hoà nhã với người "Bắc quốc" là 1 biểu tỏ hiếu hoà cho tình bang giao Hoa Việt.

Mãi đến các triều đại Tiền Lê, Lý, Trần, óc tự chủ và tinh thần quật cường mới có dịp dâng cao và từ đây kế hoạch đối phó với Hoa kiều mới được phác hoạ nhưng nói chung mỗi triều đại một khác biệt.

Từ Triều Lý đến triều Trần chính sách ban hành chỉ nhằm vào việc tuyển định cư trú cho Hoa kiều. Năm 1149, Lý Anh Tông chọn Văn đồn làm nơi quân chế người Khách, sang đời Trần và Hậu Lê,

lệnh chỉ văn còn duy trì, các thương khách Trung hoa không được lai vãng Quan trường (tức Thăng long) mà chỉ được lui tới Văn đồn, và vài địa điểm khác nằm ở duyên hải Trung Việt, thượng du và trung châu Bắc Phần.

Các triều vua sau tỏ ra khắt khe hơn, năm 1663 tổng kiểm tra tất cả ngoại kiều, hạn chế quyền sở hữu của Hoa kiều (1), cấm hôn nhân hợp chủng, 1.666 Hoakiều buộc phải nhập Việt tịch.

Song thời Trịnh Nguyễn phân tranh, trùng hợp với thời kỳ Minh Mạt Thanh sơ bên Tàu nên quan hệ đối ngoại VN đã phức tạp hoá, cuộc kháng Thanh mà tâm điểm là chiến khu Đài Loan của Trịnh thành Công đã khiến các di dân chạy trốn chế độ Mãn hà khắt, các nạn dân thoát ly đời sống cơ cực ở chính quốc, các dư đảng Tam phiên trôi nổi sang VN đã đặt cho Đàng ngoài ở đất Bắc, Đàng trong ở phương Nam mỗi lo canh cánh.

Cả 2 không thể bỏ mặc cho các di dân này tự do đi lại sinh sống, cũng không thể nối tay tiếp nhận về như vậy e nhẽ Thanh mượn cơ VN dung túng các phần tử phản loạn mà xua quân sang thôn tính cõi bờ.

Vì vậy ở Bắc, họ Trịnh nghiêm ngặt, trong Nam chúa Nguyễn khai phóng nhưng vẫn kiểm soát gắt gao.

Nói chung, chính sách trong thời quân chủ nặng về việc giới hạn di động tính của người Tàu, kiểm soát và quản chế hơn là ngăn chặn sự xâm nhập nhưng nó cũng cho ta thấy mối quan tâm đặc biệt về sự mất thăng bằng kinh tế và xáo trộn xã hội có thể có.

Chính sách đó có người cho là tiêu cực, tôi nghĩ nó vẫn có 1 chủ tính, 1 thế năng động vì quyền lợi dân tộc van được đặt lên hàng đầu, sự thuận nhứt xã hội và thăng bằng kinh tế vẫn được ý thức.

Vài nước ở ĐNA, tình trạng còn tệ hại hơn nhiều.

Hoa kiều ở Thái lan, đã đứng ra thoả hiệp với các vị quốc vương kế tục triều đại Phya Tak (cha là Hoa kiều) để phân chia quyền lợi kinh tế trong nước, bỏ mặc nhân dân điều đứng vì nạn theo tưng thị trường kinh tế. (2)

(1) Điều 73, 76 Bộ Quốc triều hình luật /

(2) Trần văn Đĩnh, Hoa kiều tại Thái Lan,
Quê Hương 18, tr. 166.

Tại Mã lai, do sự trao đổi tặng phẩm của hoàng đế Trung Quốc với quốc vương Mansur-Shah năm 1456, Hoa thương đã áp đảo và chiếm cứ Palembang trong vòng gần 200 năm.

b/ Thời thuộc Pháp : theo các biên cố chính trị :

Thực dân nào đặt chân đến xứ bảo hộ cũng nghĩ đến việc chia để trị.

Người Pháp ở VN, cũng nằm trong định lệ đó. Trong nước họ đặt 3 miền Trung Nam Bắc dưới 3 qui chế khác nhau, ngoài nước họ thoả thuận với Trung quốc để mượn tay Hoa kiều làm lực lượng bóc lột và khai thác thuộc địa, vì vậy chính sách đối với Hoa kiều trong thời gian ô nhục này nằm hoàn toàn trong tay thoả hiệp giữa Pháp và Hoa.

Lúc nào thế đứng chính trị vượt hơn Trung quốc, họ toàn quyền ấn định chính sách thu nộp và dung dưỡng người Tàu hưởng về mục tiêu trục lợi trên.

Lúc nào, nhượng bộ, họ vẫn còn vài biện pháp tài chính, hành chánh để chi phối Hoa kiều.

Năm 1901, thuế môn bài thương mại và kỹ nghệ tăng gia song song với cuộc mở mang và chỉnh trang đô thị làm cầu cho nguyên liệu bản xứ đi về chính quốc.

Năm 1903, Pháp tăng thuế thân và cư trú của Hoa kiều.

Năm 1927, Pháp bắt cửa hiệu Trung Hoa làm sổ sách kế toán theo số Ả rập và mẫu tự La tinh.

Nói chung, cũng như người Anh đã dung túng di dân Hoa kiều đến Mã lai làm phu cho các hầm mỏ đồn điền tại 4 xứ Liên hiệp và tiểu bang Johore hồi cuối 19, Pháp ở VN cũng theo đuổi 1 chủ trương khuyến khích người Tàu nhập nội bất kể hậu quả di hại về sau.

Vì vậy, khi tên lính viễn chinh cuối cùng xuống tàu sang Alger, bên cạnh sự chênh lệch giai cấp xã hội quá đáng cho hạt giống CS nảy mầm, bên cạnh di sản tinh thần hủ bại với tham nhũng, cường hào ác bá, người Pháp còn để lại trên mảnh đất này hơn 1 triệu kiều dân Trung Hoa chủ nhân ông kinh tế biệt lập được ưu đãi do những qui chế pháp lý bất công mà họ đã chấp thuận và nuông chiều.

c/ Thời độc lập cận đại : Sự dâng cao của tinh thần quốc gia nhưng thành quả chỉ nửa vời.

Ông Diệm là 1 người có tinh thần quốc gia mạnh mẽ dù có người cho ông chỉ là 1 lãnh tụ quả đầu; ông yêu nước và tha thiết tới vận nước nhưng tiếc thay cố gắng nào cũng có hạn.

Tôi tìm được 2 lý do giải thích thành quả khiêm nhường trong kế hoạch Hoa vận của Ô. Diệm.

Trước nhất là trong kế hoạch này có quá nhiều lỗ hổng giữa lý thuyết và thực tế.

Tôi ngưỡng mộ những biện pháp cấp thời của giới lãnh đạo cao cấp chính sách Hoa vận lúc đó.

Khi đối đầu với chủ trương đi tìm 1 kế hoạch giải quyết số phận 1 triệu Hoa kiều và ảnh hưởng lợi hại của họ trên đất Việt có 2 giải pháp được đặt ra : bắt giam họ, trục xuất họ.

Bắt giam thì quá đáng và có thể đưa đến hậu quả tác hại về ngoại giao, nội an. Trục xuất lại càng không thể được vì lấy phương tiện ở đâu, tài chính ở đâu, và lợi chắc gì Đài loan chịu nhận (Bắc kinh không có liên hệ ngoài giao với Saigon), hơn nữa làm mạnh quá có thể nguy hiểm cho kiều bào ta ở Đài Bắc.

Vì vậy chỉ còn cách bắt họ nhập Việt tịch.

Kế hoạch lúc đó chia 2 giai đoạn : Việt hoá thân trạng và tư bản họ (từ 21.8.56) và đồng hoá họ (từ 28.12.59).

Chính Sukarno ở Indonésia và thủ tướng Thái cũng phải thần phục thời độ quá cảm và can đảm của VN. 2 năm sau ca Thái và Nam dương định làm nhưng e quá trễ, và lại lúc đó (1958) sợ Mao ở lục địa và Tưởng ở Đài loan kịp phản ứng có kế rạn vỡ tình hữu nghị giữa 2 nước.

Tuy nhiên sự thất bại thời Ô. Diệm có lý do thứ nhất là ý thức tôn sùng quá đáng 1 lãnh tụ chưa đủ hào quang kết hợp mọi khuynh hướng, sự lũng đoạn nội tình của Ô. Nhu về sau nhất là sự tập trung quyền hành cực độ thời đó, gia nhập Phong trào Cách mạng Quốc gia mới mau tiến chức, rứa tội cũng được coi là 1 bày tỏ lòng trung thành với chế độ và tích cực chống Cộng. xin mở 1 đầu ngoặc ở đây để minh xác.

(1) Phật giáo chẳng hạn, vài đảng phái ở Trung như hệ phái Tân đại Việt của Nguyễn tôn Hoàn mà ông này phải lưu vong ra ngoại quốc.

Lúc nào tôi cũng ngưỡng mộ triết thuyết vị tha và nhân đạo của Kitô giáo, nhưng tôi không quan niệm được chỉ có đồng bào Công giáo mới chống Cộng hữu hiệu về thiết tha với lý tưởng tự do.

Tại sao không nghĩ đến những người Phật giáo quốc gia thuần túy và nhất là những thế hệ trẻ sau này mới lớn lên chưa có mặc cảm nào về sự bị lừa bịp của các đên anh quốc gia, chưa có cảm ảm về trách nhiệm đã gây ra hậu quả tệ hại của cuộc nội chiến vô lý hiện nay.

Bây giờ xin trở lại vấn đề Hoa kiều.

Chính sách Hoa vận của Ông Diệm mặc dù lý thuyết vẽ ra có nhiều điểm chính xác và hiệu quả (1) đúng lúc nhưng khoảng trống giữa lý thuyết và thực tế quá to tát.

Một cố gắng lẻ loi của Phủ Đặc Ủy Trung Hoa sự vụ chưa đủ, cần có sự tiếp tay chặt chẽ của các Bộ (Xã hội, Quốc gia giáo dục, ngoại giao, Công dân Vụ ...) và địa phương (các Tỉnh quận) để phối hợp và lượng giá mức thành công theo từng giai đoạn mới toàn hảo.

Và thực tế cho thấy sự phối hợp, đôn đốc thật là lỏng lẻo, rời rạc.

Lý do thất bại thứ hai ngoài ý muốn của chính quyền. Lịch sử gần đây quá nhiều biến cố, cách mạng, chính lý, biểu dương lực lượng ... đã ồ ạt đổ chập lên đầu dân Việt cho nên mọi chính sách đều bị ngưng trệ dở dang, nhân tâm lỵ tán chưa kịp có lý thức hệ chơn chính hàn gắn lại, giặc trong nhà chưa đối phó nói gì đến xử sự với người ngoài.

Vì vậy mà mức thành công chỉ ngừng lại ở giai đoạn Việt hoá Hoa kiều, giai đoạn đồng hoá về sau coi như đã rơi vào **trạng-thái tiềm-sinh**.

d/ Thời cách mạng hiện đại : lúng lờ và tùy hứng.

Một đạo sau cuộc đảo chính 1963, vấn đề Hoa kiều đã chìm trong quên lãng, Phủ đặc ủy Trung hoa sự vụ bị giải tán, chính sách dậm chân và những tiếp nối vẫn còn nhưng có biệt và nếu phối hợp được cũng hết sức rời rạc.

Giữa năm 1966, có 1 phiên họp Liên Bộ bàn về Hoa kiều chung với vấn đề đồng bào Thượng, nhưng những nét chính vẽ ra không được tô đậm bởi 1 cơ quan đầu não có quyền hạn và trách nhiệm đầy đủ như trước.

(1) Tôi sẽ phân tích kỹ hơn ở tiết thứ 2. /

Năm 1967, riêng tại Toà Đô chính Sài Gòn chỉ có 3 phiên họp bàn về vài tiêu tiết vụn vặt trong vấn đề quản trị tài sản Lý sự Hội Quán Hoa kiều ngày 4.4.67, 24/6/67, 8/12/67. Từ Tết Mậu thân đến nay, tổng công kích, không họp.

Trước cuộc bầu cử Tổng Thống 3 tháng, tướng Nguyễn Cao Kỳ có lên tiếng hứa sẽ trở lại tài sản cho các Bang Hội Hoa kiều.

Báo chí và các nhà phê bình cho đây chỉ là 1 đòn phép chính trị và không cần phải giết cô gái đồng trinh VN mới luyện được phép thiên linh cái.

Từ khi nền đệ nhị Cộng Hoà được khai sinh, chính sách Hoa kiều tại VN lại càng lúng lờ hơn nữa, không thấy 1 dấu hiệu nào quan tâm ngoài vài câu tuyên bố suông của các nhân vật tên tuổi.

Tướng Nguyễn Ngọc Loan, trên TV và đài phát thanh đêm 17/2/68 đã phá thái độ cau an của Hoa kiều và kêu gọi một dứt khoát hợp tác với VNCH trong công cuộc chặn đứng lên sóng đỏ.

Đại tá Đỗ Kiến Nhiễu, ngày 12/7/68 viếng các Y viện Hoa kiều mà năm 1957 Ô. Diệm định biến thành các Trung tâm Y tế chuyên khoa, tuyên bố những ác ý chụp mũ đồng bào Việt gốc Hoa sẽ không còn lý do xuất hiện, ông cũng nhắc nhở sự hợp tác của Hoa kiều trong công cuộc bãi trừ thêm những hối lộ, cạy quyền ý thế.

Và hết.

Một vấn đề lớn như thế, không đáng bị bỏ quên, nó cần được xét lại để tiếp nối trên những đở dạng cũ, nhưng chừng nào ?

Tóm lại, suốt 1 dòng lịch sử dài 3 thế kỷ trở lại đây (18, 19, 20), chính sách đối với Hoa kiều bị cắt đoạn 1 cách tàn nhẫn do những biến cố chính trị dồn dập, mà giới lãnh đạo cũng không ngờ được, sự bất ổn nội tình và thiếu liên tục trong chính sách nói chung có vài điểm lợi cũng như hại.

* những điểm lợi :

- đã đánh thức được ý niệm về quyền lợi quốc gia, thể chủ động, kinh tế và ven toàn xã hội.

- đã lần lần giới hạn được số Hoa kiều nhập nội và biến số Hoa kiều hiện hữu thành đồng bào Việt, từ đó nếu có biện pháp mạnh với họ không quốc gia nào được quyền phản đối kể cả Đài loan và Bắc kinh vì trên mặt pháp lý, họ đã là công dân Việt.

.../.

* những điểm hại :

- chính sách chỉ nhận đứng bên trái chứ chưa chữa trị hẳn, do đó cũng như vi trùng quen hơi trụ sinh, khối Hoa kiều tại VN càng đoàn kết hơn, keo sơn hơn nếu sau này biện pháp đồng hoá tỏ ra bất lực.

- chính sách gây thêm khó khăn cho những người tiếp nối vì cái sườn trên những đỡ đang thường khó hơn bắt đầu từ con số 0.

2) Rời rạc trong không gian :

Ngoài tính cách rời rạc trong thời gian, chính sách còn bất nhất trong không gian.

Diễn hình nhất là cuộc chia đôi đất nước, Trịnh Nguyễn (thế kỷ 18) và Cộng sản - Tự do (thế kỷ 20)

Chính sự chia đôi đất nước thời Trịnh Nguyễn đã khiến cho chính sách đối với Hoa kiều thiếu sự song hành.

Tại đất Bắc, chúa Trịnh đã nhìn xa hơn chúa Nguyễn, áp dụng 1 chính sách nghiêm ngặt, cưỡng bách Hoa kiều nhập Việt tịch cùng hạn chế sự di lại của họ, do đó trong nhất thời không có lợi cho cuộc mở mang bờ cõi nhưng đã giới hạn rất nhiều những thử thách về sau cho các chính quyền kế tục.

Trái lại, trong Nam, lợi dụng khối Hoa kiều làm yếu tố nhân sự để bình định và khẩn hoang vùng đất mới Thủy chân Lạp, chúa Nguyễn đã tỏ ra cởi mở và khai phóng hơn đối với Hoa kiều, điều này khiến cho tập thể Hoa kiều được dịp triển nở và gây tạo 1 áp lực kinh tế, 1 trở ngại cho sự đồng nhất chủng tộc đến ngày nay vẫn còn.

Do đó, khi Nguyễn Ánh hợp nhất được đất nước, bài toán Hoa kiều vẫn còn nguyên những nút mắc mà các triều đại kế tiếp không thể nào giải quyết được.

Diễn hình nhất là Minh hương xã ở Hội an và Quảng nam, Minh hương xã lập nên trong thời Trịnh Nguyễn phân tranh, bành trướng 1 cách biệt lập, độc lập với cơ cấu xã hội VN, thêm được sự dễ dãi của chúa Nguyễn đã dần dần trở thành 1 yếu tố dị biệt trong cộng đồng VN, có 1 qui chế quá tự trị, 1 hệ thống trường học để giáo dục con em họ, sống y như phong tục tập quán Trung Hoa, nhất là được miễn vài công tác tạp dịch như sưu sai, quét chợ, tuan đồ.

Hậu quả là khi giang sơn gom về một mối, các vua chúa kế nghiệp Gia long đã không dám kiểm soát chặt chẽ họ, 1 phần vì đất nước đang bị ngoại xâm Pháp cai trị, 1 phần chẳng ý thức được những trở ngại về sau có thể vấp phải.

Sự chậm trễ trong việc tìm 1 biện pháp dứt khoát đối với Hoa kiều đã khiến năm 1927, khi chính quyền Dân quốc thành lập ở Hoa lục, Ngũ Ban Hội Quán trong Minh hương xã đã biến thành TRUNG HOA HỘI QUÁN, rồi năm 1948 do sự cho phép của Pháp đổi lại là TRUNG HOA LÝ SỰ HỘI QUÁN. (1)

Bên cạnh cơ cấu hành chính này, cơ cấu ái hữu vẫn tiếp tục duy trì dưới tên các BANG gọi tùy theo nguồn gốc di dân từ Tàu sang : Triều châu, Hạ, Quảng Đông

Kết quả hiển nhiên mà ai cũng thấy rõ là sự phân cách trong chính sách đối với Hoa kiều ở 2 miền thật đậm đà, nó là 1 trở ngại không nhỏ cho các chính quyền về sau khi tìm hợp nhất những dị biệt trong chính sách, những dị biệt về áp lực kinh tế và xã hội xuất phát từ thực trạng của 2 miền.

200 năm sau, lịch sử lại tái diễn, sông Gianh đổi bằng sông Bến Hải - Ngõ đình Diêm, Nguyễn Văn Thiệu nắm quyền ở phương Nam, và Hồ Chí Minh thay cho họ Trịnh hùng cứ đất Bắc, 1 họ Trịnh chắc là không quá cứng rắn với Trung Hoa như Trịnh Giang, Trịnh Ương thời xưa.

Tôi chưa tìm được tài liệu nào chính xác về chính sách đối với Hoa kiều ở Bắc, nhưng có thể đoán quyết rằng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà hiện tại đang nhờ vả rất nhiều vào sự giúp đỡ vũ khí, đạn dược của Cộng hoà Nhân dân Trung quốc để xâm lược miền Nam, chắc chắn không thể gặt gầy với Hoa kiều được, như là gan đây có nhiều dấu hiệu cho biết Nga đang ngã dạn về đường lối thoả hiệp với Mỹ, điều mà VNDCCH vẫn kết án là bọn "xét lại" bán thối, phản bội xã hội chủ nghĩa. (2)

Song song với miền Bắc, VNCH 10 năm trở lại đây dứt khoát hơn trong việc đối phó với người Hoa kiều, bắt họ nhập tịch, cấm làm 11 nghề và dò dẫm trên đường đồng hoá họ.

-
- (1) Trung Hoa Hội Quán do 10 Tổng sự quản trị
 Trung Hoa Lý sự Hội Quán do Lý sự Trưởng và Lý sự Phó quản trị.
- (2) Việc Bắc Việt mau mắn ủng hộ Nga xô sau biến cố Tiệp Khắc, không phải là 1 hành động theo đuôi, nhưng chính là 1 sự trả giá mới để đổi lại sự viện trợ tích cực của Nga sau này.

Chính, từ 2 chính sách Bắc Nam dị biệt đó mà mai này khi giảng sơn thông nhứt được rồi, tôi vẫn e rằng 1 lần nữa VN lại phải làm công tác dung hoà những thực tế trái ngược về điều kiện sinh hoạt của Hoa kiều, phải đặt lại 1 kế hoạch mới, chắc là phức tạp hơn, ^{cam go} /tế nhị hơn để tránh và chặn được làn sóng đổ Trung Hoa từ lục địa đưa xuống.

Xin dành cho thời gian trả lời câu hỏi này.

Tiết II : Một chính sách thiếu thực tế :

Lý thuyết tự nó không có nghĩa gì cả, Marx sẽ không được si biệt và nhắc nhở nếu không có Lénine và Steline; Sartre sẽ chưa nổi danh nếu thiếu xóm Latin ở Paris.

Một lý thuyết chỉ có nghĩa nếu có người triển khai và áp dụng 1 cách tích cực về nhiệt thành.

Đi sâu vào việc tìm hiểu kế hoạch Hoa vận tại VN từ sau ngày độc lập 1954, người ta sẽ dừng lại trước 2 khiếm khuyết.

Thứ nhứt là chính sách chưa được chuẩn bị kỹ lưỡng về lý thuyết và thứ hai là chưa được chuẩn bị trên thực tế (nhân sự phương tiện).

1) Chưa được chuẩn bị về lý thuyết :

Gọi chính sách Hoa vận trong thời ông Diệm là chính sách chạy đua với thời gian cũng không sai lắm, nó có nhiều tính cách hối hả và vội vã của việc đắp đê chặn nạn lụt.

Hối hả biểu lộ trong việc Việt hoá thân trạng kiều dân Trung hoa trong giai đoạn đầu, còn giai đoạn sau đồng hoá, nhiều người vẫn coi là cứ kiên nhẫn chờ 1 thời gian sẽ giải quyết, tiệm tiến, hoà hoãn.

Có thể kế hoạch Hoa vận trong giai đoạn đầu của Ô. Diệm đã thành công ở điểm pháp lý. Từ đây (1956) nhóm Hoa kiều trên xứ sở thực sự là người VN, vốn liếng tài sản của họ đương nhiên thành sở hữu của VN vì vậy dù cho chính phủ có ban hành 1 biện pháp nào trên số phận các tài sản ấy, trên sự di dịch tư bản mới ấy, tất cả đều thuộc quyền riêng biệt của 1 chính phủ có chủ quyền về nội trị, không 1 ngoại bang nào có thể can thiệp vào nội tình Việt Nam.

Tuy nhiên, bất Hoa kiều nhập Việt tịch là 1 chuyện trong thâm tâm họ về tình cảm và tư tưởng có tự nhận là người VN hay chưa đó là 1 vấn đề cần phải xét lại.

Trong chương 4, tôi đã đưa ra nhiều lý lẽ để tin rằng người Hoa kiều chực thật sự muốn hoà đồng vào cộng đồng Việt cũng như cần xét lại đề đày mạnh hơn kế hoạch Hoa vận đở đang từ trước, mà đở đang có nghĩa là chỉ thành công một nửa.

Tôi sẽ xét sau đây những lỗ hổng trong lý thuyết của chính sách trên.

a/ Về mặt kinh tế :

Tôi nghĩ, lý thuyết không chỉ đặt nền trên những danh từ trống rỗng, 1 lý thuyết xác đáng và toàn bích phải đi sát với thực tế và ăn khớp với những điều kiện mà thực tế đã có và sẽ có.

Trên địa hạt kinh tế, khi ban hành đạo luật cấm Hoa kiều làm 11 nghề, đó không phải là 1 chuyện lạ. Đi trước và đi xa hơn VN, Thái Lan năm 1942 đã cấm Hoa kiều làm 27 nghề, Cambodge cấm làm 16 nghề. Tuy nhiên điểm thất bại chung của 3 nước là thiếu người bản xứ thay thế. Tôi biết vấn đề đặt ra lúc đó với giới phác hoạ và theo dõi chính sách. Hoa kiều thật tế nhị. Có 3 câu hỏi được đặt ra.

- người Việt đủ khả năng thay thế không ?

- người Việt có đủ vốn để lấp các lỗ hổng tư bản do phản ứng chống đối và không đầu tư nữa của các Hoa kiều không ?

- số ngoại kiều thất nghiệp sẽ làm gì ?

Trước nhất là người Việt chưa đủ khả năng thay thế vai trò kinh tế của Hoa kiều, tệ hơn nữa, sau những ưu quyền mà chính phủ đã ban phát cho doanh thương VN, những người này lại thiếu ý thức và trách nhiệm đến nỗi không chịu xữ dụng nó như 1 khí giới khôi phục lại sức mạnh cho nền kinh tế quốc gia.

Ô. Âu Trường Thanh, nguyên Tổng Ủy viên Kinh tế Tài chánh đã trả lời 1 câu hỏi của báo chí liên quan đến vấn đề này là có đến 80 - 90% thương gia VN sống với nghề bán giấy phép nhập cảng cho người ngoại quốc (ý ông muốn ám chỉ Hoa kiều). (1)

(1) Trích nhật báo Xây dựng, số 592 ngày 28/1/66

Phải chăng người Việt ta đã quá ích kỷ, chỉ ham lợi tức xói, chỉ nghĩ đến lợi gen mà bỏ quên cái hại xa và phải chăng về khía cạnh cai trị chính quyền VN không nghĩ được 1 biện pháp hữu hiệu để chặn đứng tệ trọng này, ví dụ như trừng phạt nặng nề mọi vi phạm trên, nhất là kiểm soát gắt gao, chỉ cấp giấy phép cho thương gia nào có trương mục tại ngân hàng (tính đến ngày ban hành biện pháp) hay có 1 doanh vụ nào đang dở dang chờ thanh toán mà số lợi tức đủ nhiều để không phải nhượng lại giấy phép.

Câu hỏi thứ hai cũng rất dễ trả lời, người Việt chưa đủ vốn và cen dám đề đầu tư vào những ngành có thể cạnh tranh với Hoa kiều, cũng như thiếu óc đoàn kết và kiên nhẫn.

Riêng chính phủ thì lại càng thiếu tiền để trợ cấp hay gián tiếp đầu tư qua trung gian của xí nghiệp quốc doanh.

Từ số khuy khiêm trong ngân sách quốc gia năm 1960 là 4 tỉ 79, 1961 là 4 tỉ 16 tăng lên 10 tỉ 97 (1962) 15 tỉ 08 (1963), 24 tỉ 30 (1964) và 33 tỉ (1965), ngược lại từ 1960 đến 1965, ngân sách VN phải trông cậy vào số viện trợ Mỹ ngày một nhiều thêm, năm 1960 là 4 tỉ 51, 1961 là 4,16 tỉ, 1962 7 tỉ 14, 1963 9 tỉ 62, và 1965 11 tỉ. (2)

Trong địa hạt phân phối, tôi nghĩ 1 hệ thống hợp tác xã toàn hảo khắp miền Nam có thể là 1 biện pháp loại trừ vai trò trung gian của bất kỳ ngoại kiều nào chỉ chực chờ thời cơ để lên giá hàng, dấu diếm tích trữ và dùng bao nhiêu mảnh khoé để vét túi dân tiêu thụ VN.

Cái chết của gian thương Tạ Vinh có người coi là một cảnh cáo giới Hoa kiều nên dừng lại mọi thủ đoạn xảo trá nhằm lũng đoạn nền kinh tế quốc gia nhưng cũng có người cho là có quá nhiều mây mù chính trị.

Mặt khác, 1 hệ thống siêu thị mới đây cũng cùng ích lợi mua tận gốc bán tận ngọn như HTX - theo tôi cũng nên dành giấy phép cho người Việt thuận tuý để tránh tình trạng trung gian bóc lột và chi phối thị trường của hệ thống tiệm chạp phô và tiểu thương Hoa kiều.

Ngoài ra, cái thất bại trong lý thuyết Hoa vận hiện nay trước sự bất lực về thiếu vốn của người Việt là thiếu sự trữ liệu những biện pháp thích hợp cho phép các Hoa kiều đã vào Việt tịch hành nghề thương mại.

(1) Tài liệu Tổng Nha Ngân Sách. /

Đúng lý chính sách nên ấn định thêm 1 số điều kiện nào đó để ngăn chặn bớt 1 số Hoa kiều còn ngưỡng mộ và vọng tưởng về mẫu quốc, ví dụ có 15, 20 năm hình nghề thương mại, đã có nhiều bằng chứng đóng góp vào việc khuếch trương nền kinh tế quốc gia

Đặt thêm điều kiện này tôi biết sẽ phiền phức nhưng thà vậy còn hơn, nhất là 1 ủy ban điều tra thành tích kinh tế lập ra để xét định không phải là chuyện khó thực hiện.

Câu hỏi thứ 3 liên quan đến biện pháp đồng hoá sẽ bàn sau đây.

b/ Về mặt xã hội :

Có 2 vấn đề được đặt ra : quốc tịch và đồng hoá.

Về quốc tịch, như trên tôi đã phân tích, biện pháp nhập tịch mang tính cách cấp bách và chạy đua với thời gian.

Đúng lý ra nếu không vội vã, cũng cần xét lại ý chí cộng tồn của Người Hoa kiều cũng như chuẩn bị đầy đủ mọi biện pháp trước khi bắt họ nhập Việt tịch.

Tuỳ hạng tuổi kiều dân, đối với họ có khi biện pháp nhập tịch là thuận ý nhưng cũng có khi là miễn cưỡng.

Maurice R. Davie (1) đã phân định 6 hạng loại kiều dân :

1. Nhóm định cư (settler) : có thói độ hoà đồng chặt chẽ nhất với nơi mới đến. Họ đoàn tuyệt với quê khú và gắn liền số mệnh với đất mới, gắn chặt tình cảm với người và khung cảnh mới tương tự cố hương. Họ là dân Na Uy tỵ nạn ở Hoa Kỳ.

2. Nhóm thực dân (colonist) : có thói độ tự phụ về nguồn gốc quê khú. Với họ, giá trị dĩ vãng là giá trị tuyệt đối, rất khó kết hợp với dân bản xứ. Họ là người Pháp ở Gia na Đại, Đức ở Hoa Kỳ. (2)

3. Nhóm có lý tưởng chính trị (Political Idealist) : có tinh thần quốc gia rất cao, họ là người Balan, Lithuanie vọng quốc sau thế chiến 2, lúc nào cũng hoài mong 1 ngày về gây dựng lại quê cũ, rất khó hoà đồng.

(1) Xem World Immigration, chương 15, tr 547-550.

(2) Phong trào Quebec tự do ở Canada, năm 1966 là 1 ví dụ, dân Pháp tại đây đã gọi De Gaulle là hoàng đế Charlemagne đệ nhị và đòi tách Quebec khỏi Gia na Đại.

4. Nhóm trí thức (Intellectual) rất khó hoà hợp với địa phương, họ bị bạc đãi và thất bại tại nhiều nơi khác trước khi định cư.

5. Nhóm cùng đinh (cafone)(1) ; là cổ hương vì quá nghèo, sống tách biệt với dân bản xứ và với cả đồng hương, họ chỉ lo dành dụm để về quê cũ, họ là người gốc Nam Ý ở Mỹ.

6. Nhóm allrightnick (có thể dịch là cơ hội chủ nghĩa) hoàn toàn biệt lập với môi trường định cư, theo đuổi mục tiêu kiếm lời và rất khó hoà hợp. Họ là người Do Thái ở Mỹ.

Trở lại VN, người Hoa kiều có thể xếp vào loại thực dân (2), cùng đinh cafone (5) và cơ hội chủ nghĩa (6). Họ sang nước ta sau những lần Tàu đặt ách thống trị (thực dân) là bản quán vì quá nghèo (cùng đinh) và biết nắm cơ hội để làm giàu (allrightnick).

Cả 3 yếu tố rất khó hoà hợp với xã hội địa phương vì vậy vội vã cho nhập Việt tịch có hại nhiều hơn là lợi.

Dù sao điều này cũng xác nhận là thời ông Diệm lý do chính trị đã đánh át lý do xã hội này.

Tôi sang điểm thứ hai là vấn đề đồng hoá.

Có thể nói, kế hoạch đồng hoá gần đây đã thất bại.

Một vài cố gắng nhỏ nhen như dời các cơ sở hành chính (các ty thuế) văn hoá (Trung tâm giáo dục Y khoa) thể thao (sân Cộng Hoà), xã hội (cư xá Nguyễn Văn Thoại...) để phân tán tập thể Hoa kiều ở Chợ lớn bấy nhiêu chưa đủ.

Thời Ô. Diệm, chính quyền đã đề ra 1 loạt các biện pháp để khuyến khích các cơ hội hoà đồng, như cấm các trường Hoa kiều hoạt động, khuyến khích dạy Việt ngữ tại các trường này, khuyến khích đọc sách báo VN, mặc trang phục VN, cho con em vào Thanh niên Cộng Hoà, hướng đạo VI, gia nhập các hội tương tế ái hữu VN, Phong trào Cách mạng Quốc gia,

Tuy nhiên thực tế đã không cho thấy 1 dấu hiệu thành công nào lạc quan.

Học sinh Tàu vẫn còn ăn mặc y phục đồng tử quân (con trai quần sọc xanh đậm, sơ mi cộc trắng, con gái jupe và jupe plissée xanh đậm, sơ mi trắng) và các trường Việt gốc Hoa vẫn

(1) Cafone tiếng Nam Ý chỉ hạng tiện dân ngu ngốc/

.../.

tiếp tục có 2 số đầu bài (1 để trình thanh tra tư thực VN, 1 để dạy riêng có rất nhiều giờ Hoa ngữ), thời khắc biểu có quá nhiều giờ học ôn, những giờ này dành để dạy những môn khác. (1)

Cơ hội hoà đồng chỉ có trên lý thuyết, việc kiểm soát và theo dõi hình như không sực chặt chẽ cho lắm.

Thêm vào đó, gần đây, tôi không hiểu được thái độ của 1 vài viên chức VN lên TV kêu gọi Hoa kiều lại có 1 ông thông ngôn ngồi cạnh phiên dịch ra Hoa ngữ, và 1 năm trước thỉnh thoảng thấy xuất hiện cũng trên TV với nhạc cảnh mà y trang và âm nhạc rập khuôn Trung hoa. Tôi nghĩ chính những sơ xuất nhỏ nhặt đó đã làm chìm lấp mọi cơ hội hoà đồng.

c/ Về mặt chính trị :

Khía cạnh chính trị đi liền với an ninh quốc gia vì vậy tôi chỉ có thể nhắc lại những dữ kiện trong quá khứ (ở chương 4) và xin được phép không đề cập đến hiện tại cũng như tương lai.

Tuy nhiên, trên địa hạt này có thể nói ta đã thành công hơn cả, có lẽ nó không nằm trong chính sách Hoa văn đơn thuần mà còn dính líu đến vấn đề an ninh và tình báo của chính quyền.

Nhiều chi tiết về việc khám phá các ổ Tàu cộng dịch vận gần đây trong Chợ Lớn, về các hội chánh viên Việt gốc Hoa đều thú, về việc rất nhiều thanh niên Việt Nam mới đi quân dịch, về sự cộng tác của các báo Hoa văn trong việc xuyên dương chính nghĩa tự do là những vết son đáng ghi nhận.

Lý do thành công này 1 phần nhờ lưới dân báo ^{hoạt} động hữu hiệu, và 1 phần cũng nhờ Hội Thái Bình dương Tự do (Free Pacific association) mà người Mỹ bỏ tiền ra tài trợ. Chủ tịch hội này là 1 linh mục người Bỉ tên De Jaeger (2) bạn thân của ô. Diệm khi xưa, trụ sở đặt tại Chợ Lớn. FPA có thể coi là 1 tổ chức phổ thông do Mỹ đứng ra tổ chức khắp các quốc gia ở ĐNA.

2) Chưa được chuẩn bị về nhân sự và tâm lý :

a/ Về phía người Việt :

Thật vậy với 1 người VN ngoài phố, họ chỉ ý thức lơ mơ

(1) Theo tin tức nhận được từ Nha Tư thực Bộ Giáo dục.

(2) Ông đã viết quyển La Tempête en Chine, đã dịch ra Việt ngữ dưới tựa "Kẻ Nội thù".

rằng trên địa hạt kinh tế Hoa thương đang chi phối dữ lắm, trên địa hạt chính trị Trung Cộng đang đe dọa, liệng lựu đạn vào các báo Hoa ngữ chống Cộng ghê lắm.

Chỉ có như vậy, trong đầu người Việt, sự len lỏi của người Tàu vào xã hội VN là điều gan như tự nhiên quen mắt, nó âm thầm và dễ dãi như 1 hạt đường tan trong ly nước.

Vóc dáng đặc biệt của họ gan gỏi và quen thuộc đến độ người dân không coi đó là 1 tia nắng chói mắt, 1 cơn gió se da.

Ta có thể nhìn thấy nó qua hình ảnh người Tàu già bán táo dầm bên bờ Hồ Tây những ngày Hà nội hồi cư trong tiểu thuyết của Lan Đình. (1)

Ta có thể nghe nó qua âm thanh bầm thịt buổi sớm trong những quán cà phê Chợ cũ Saigon qua truyện của Bình Nguyên Lộc. (2)

Vì vậy bảo người Việt cộng-tác với chính quyền trong kế hoạch Hoa vận là chuyện rất khó.

Vấn đề là phải làm sao nhồi nắn và cho họ một ý thức về tầm quan trọng của vấn đề để họ tiếp tay vào công cuộc khôi phục lại chủ quyền kinh tế, sự thuận nhất xã hội và an ninh chung.

Trong quan niệm này tôi nghĩ VN đang gặp 1 khuyết điểm, chúng ta thiếu quá nhiều các cơ cấu xã hội như Hội Ái hữu, tương trợ, câu lạc bộ, nhóm hội thảo.

Chính ở những môi trường đó, bên cạnh sinh hoạt thân mật là dịp để người Việt cùng bảo nhau nghe tầm quan hệ của 1 lá phiếu đi bầu, cái lý thú của buổi trình tấu nhạc thính phòng sắp tới, sự bình tĩnh và không nên vội tích trữ thực phẩm khi nghe đồn vụ vợ VC sắp tổng công kích cũng như treo đối cho nhau nhiều vấn đề quan trọng của quốc gia trong đó kế hoạch kinh tế, xã hội, Hoa kiều v.v.....

Chính sự thiếu các cơ cấu ái hữu đó đưa tới việc thờ ơ với vận mệnh chung, nghe TV đến đoạn Thủ tướng, Tổng thống, Phó Tổng thống đọc diễn văn, tin tức chiến sự, thông cáo là tắt hay qua đài Mỹ, và với người Hoa kiều vẫn gọi bằng cách danh xưng thật xấu và mỉa mai : thằng chệt, con xam, ba Tàu, các chú

(1) xin đọc Đường xa chỉ mấy /

(2) xin đọc Hồn ma năm cũ.

Khi nào giáo dục quan chúng được giải quyết toàn hảo, có lẽ bất kỳ chính sách nào đưng ra cũng được nhân dân theo dõi và hưởng ứng.

b/ Về phía người Việt gốc Hoa :

Tôi nhìn nhận có nhiều người Việt gốc Hoa thực tâm muốn hoà đồng vào xã hội VN, tuy nhiên con số này rất ít.

Một phần vì nếp sống cố hữu, 1 phần vì kỷ luật đoàn thể họ vẫn duy trì sắc thái Trung Hoa nguyên xứ.

Vấn đề của chính quyền là cần phải giải thích và gây tạo 1 không khí thân mật giữa Hoa kiều và người Việt trên căn bản từng khu phố, từng thôn xóm hơn là mở các cuộc kinh lý suông vào các bệnh viện Hoa kiều.

Một cơ cấu Nhân dân tự vệ hiện nay, có thể là 1 hình thức tốt để thực hiện biện pháp này vậy.

/Tiết III/ : Một chính sách chưa được đặt đúng tầm quan trọng.-

Sự thành bại của chính sách này tùy thuộc rất nhiều yếu tố có thể đó là 1 lớp cán bộ hăng say và nhiệt tình, thông suốt đường lối và nhiệm vụ, có thể đó là 1 cấp chỉ huy tận tụy phục vụ và thiết tha với tôn chỉ đã vạch ra. Nhưng cũng có thể là tầm quan trọng mà người ta gán cho chính sách đó.

Trong thời ông Diệm tầm quan trọng tuy đã được đề cao nhưng hình như đó chưa phải là quốc sách. Bên cạnh sự hình thành của 1 hệ thống Ấp chiến lược trong toàn quốc, của lý thuyết nhân vị, của chủ trương thăng tiến cần lao đồng tiến xã hội, Kế hoạch Hoa vận chỉ được xếp vào hàng thứ 4, thứ 5.

Càng về sau nhất là khi cách mạng 1963 bùng nổ, tầm quan trọng của chính sách Hoa vận càng chìm đi, chẳng những không được xếp vào hàng quốc sách, mà vận đề còn bị để rơi vào tình trạng lúng lờ, tùy hứng và những cố gắng nếu có cũng chỉ hết sức lẻ tẻ, thiếu sự phối hợp, chuẩn bị, đôn đốc cũng như lượng giá.

1) Thiếu sự chuẩn bị và học tập :

Có người vận bảo, tất cả những lý thuyết trong thời đệ nhất Cộng Hoà về đường lối tranh thủ nhân tâm, chính nghĩa của Ô. Diệm đề ra đều rất đúng, chỉ tiếc là sự học tập nếu có, thật miễn cưỡng và chiếu lệ.

Phải chăng vì vậy mà, chính sách đối với Hoa kiều đã thất bại, vì vậy mà 1 cố gắng lẻ loi của Phủ Đặc Ủy Trung Hoa sự vụ chưa đủ để bảo đảm 1 kết quả toàn hảo và tệ hơn nữa ngày nay tại địa phương chính sách đã đi đến đâu rồi.

Năm ngoái, vào dịp vận động bầu cử, được nghỉ hè tôi có về 1 tỉnh ở miền Nam để nghỉ ngơi. Trong khi đi nghe đại diện các liên danh nói chuyện, tôi có vào 1 địa điểm vận động mượn của 1 trường tiểu học Việt gốc Hoa, khi bước vào cửa tôi ngạc nhiên đến thoát kêu lên 1 tiếng.

Trên diễn đàn, đại diện ứng cử viên đang hùng hồn vận động, trên đầu ông ta 1 bức ảnh của Tôn dật Tiên to sừng sững đến 1 lá cờ VN dựng kế đó cũng không đủ che lấp, trong khi ấy thì đại diện chính quyền địa phương vẫn ngồi nghe diễn giả, bình tĩnh, im lìm.

Và cuộc vận động cho dân chủ VN được diễn ra bên dưới bức ảnh nhà cách mạng Trung Hoa che đậy của lý thuyết Tam dân, như ngạo nghễ thách thức.

Tôi có hỏi 1 công chức ngồi cạnh, tại sao không gỡ bức ảnh đó đi, và được trả lời rằng mượn trường của người ta, thôi cái gì cũng nên phiền phiền.

Trở về Saigon, trong khi đi sưu tập tài liệu, ghé qua nha Tư thực tôi lại được biết 1 sự thật chua chát hơn. Tại đây có 6 thanh tra tiểu học mà nhiệm vụ là đi thanh tra các tư thực kể cả tư thực Việt gốc Hoa trong Chợ Lớn (1) nhưng phương tiện rất nghèo nàn, không tuý phới, không thư ký, thiếu máy chữ.

Tôi có hỏi 1 nữ thanh tra làm ở đây từ trước ngày cách mạng, việc kiểm soát các trường Việt gốc Hoa tại thủ đô tiến hành ra sao. Tôi được trả lời rằng cả Nha chỉ có 1 công xa để xài chung, lêu lấm mới đi thanh tra 1 lần về thanh tra rồi phải tự viết phúc trình và đánh máy lấy.

Hình như kế hoạch Hoa vận chỉ được xem như là 1 công tác hành chánh nên tại toà Đô chính phụ trách phần vụ theo dõi, việc quản trị tài sản các Lý sự Hội Quán Trung Hoa là 1 ông phán sắp hời hợt và vì vậy vẫn đi họp đều đặn các phiên họp liên Bộ để cho ý kiến về những vấn đề trọng đại trong chính sách Hoa vận.

(1) Ở tỉnh, vị hiệu trưởng Trung học công lập/
vai trò thanh tra thế cho Bộ.

Tất cả sự chuẩn bị học tập của cán bộ trung ương và địa phương chỉ đơn giản như vậy. Tôi không thấy 1 dấu hiệu nào mạnh mẽ hơn, khởi sắc hơn nói lên tất cả ý thức của nhân viên thừa hành cũng như sự thống suốt đường lối mà Trung ương đã vạch ra và phổ biến.

2) Chưa được phối hợp và đôn đốc :

Nói về vấn đề phối hợp đôn đốc lại càng có nhiều điểm cần đặt ra.

Hình như trong thời Ô. Diêm, 1 phủ Đặc ủy Trung Hoa Sự vụ gắn liền với Phủ Tổng Thống chưa đủ uy tín để phối hợp Liên Bộ.

Ví dụ điển hình nhưt mà tôi có thể ghi ra đây là 1 sơ hở của Việt tân xã và Bộ Ngoại giao.

Ngày 23/4/64 Đại sứ Trung Hoa dân quốc có trao cho Bộ Ngoại giao 1 ngân phiếu 28.724\$ của Học sinh "Hoa kiều" quyên tặng cơ quan xã hội quan đội VN Cộng Hoà. Bản tin Việt tân xã buổi chiều đã loan đi rằng ông Tổng trưởng đã gửi 1 văn thư cho Toà Đại sứ THDQ, chuyển lời cảm ơn các Học sinh "Hoa kiều" về nghĩa cử cao đẹp nói trên đối với các chiến sĩ VN.

Điều này đã khiến Phủ Đặc Ủy Trung Hoa Sự vụ liên lạc với Bộ Ngoại giao để đính chính rồi rít. Theo PDU, Bộ Ngoại giao đã nhầm lẫn khi cảm ơn nghĩa cử trên của học sinh Hoa kiều, tại VN hiện không còn Học sinh Hoa kiều nữa mà chỉ còn học sinh Việt gốc Hoa thôi.

Một chi tiết nhỏ đó cũng đủ chứng tỏ rằng 1 cơ quan cao cấp như BNG mà còn chưa ý thức đúng đắn tầm quan trọng và diễn tiến của chính sách, nói chi đến việc phối hợp và đôn đốc.

3) Chưa được kiểm soát và lượng giá :

Tôi quan niệm, không phải ở địa hạt kinh tế mới cần có kế hoạch được xếp hạng theo niên kỳ (Đệ ngũ Niên Kế hoạch Kinh tế chẳng hạn) mà trong bất kỳ địa hạt nào cũng cần ấn định sự kiểm soát và lượng giá từng nửa năm, từng năm nếu chấp nhận 1 phương pháp làm việc khoa học và kế hoạch. Chính sự theo dõi thường xuyên và định kỳ, lượng giá công tác cũng quan trọng không kém việc ấn định chính sách, huấn luyện cán bộ... Trong 1 chương sau tôi xin sẽ đề ra 1 vài ý kiến về chính sách đối với Hoa kiều tại VN.

Chương 6

MỘT GIẢI PHÁP CHO CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI
HOA KIỀU TẠI VN

6

Có 1 quá khứ để nhớ nhưng, 1 nơi chôn nhau cắt rốn để hoài niệm là việc thiên định nhưng chọn 1 quốc tịch lại tùy thuộc rất nhiều vào tổ chức, nếp sống và ý chí của con người.

Nếu có người không ưng lấy 1 quốc tịch nào để tự nhận là vô quốc tịch (1) thì cũng có nhiều người vẫn bị ràng buộc vô hình với mảnh đất, nơi họ đã thấy ánh mặt trời dù rằng hiện nay họ đã định cư tại 1 nơi khác xa hàng vạn dặm.

Người Do Thái dù ở Tiệp, Hy, Bảo, Mỹ vẫn tương tư đất thánh Jerusalem, vẫn nhớ nhung ngọn đồi SION, vẫn gia nhập phong trào SIONISM (2) và vẫn là 1 người Do Thái sống rập khuôn theo bảm tính và nếp sống cổ truyền.

Vì vậy đừng bao giờ cho họ 1 quốc tịch nào khác, dù là Tây Âu, Bắc Mỹ vì trong tâm tưởng họ không lúc nào thôi mong ngày trở về quê cũ.

Người Trung Hoa ở VN cũng là 1 loại "Do Thái trắng", như tại Mỹ họ vẫn là công dân "Hoa kỳ vàng". Với họ, vùng đất mới định cư chỉ là nơi ăn chốn ở tạm thời, lòng hoài vọng cố hương bao giờ cũng mạnh mẽ.

Đó là tất cả lý do giải thích sức sống quần tập và duy trì những bảm sắc cổ truyền theo trật tự Trung Hoa cũ của họ.

Vì vậy vấn đề đồng hoá Hoa kiều đặt ra ở đâu cũng là 1 khó khăn không nhỏ.

Việt Nam Cộng Hoà đã áp dụng biện pháp bắt họ nhập Việt tịch cách đây 12 năm qua, nhưng thành quả chỉ lưng chừng, đứt đoạn.

-
- (1) Apatride, tại VN hiện tại có 4 người vô quốc tịch, 3 nam và 1 nữ, họ nhận sự bảo tá của Hồng thập Tự Quốc Tế.
(2) SION là tên ngọn đồi gần thánh địa Jérusalem, phong trào SIONISM khởi xướng giữa những người Do Thái muốn tìm về định cư tại đồi SION.

..//.

Giải quyết vấn đề hoà đồng họ vào xã hội VN là cả 1 công tác đòi hỏi nhiều thời gian, kiên nhẫn và tế nhị.

Có 1 số nguyên tắc điều hướng căn bản cũng như vài giải pháp thực tế áp dụng cho trường hợp xử ta mà tôi xin mạn phép trình bày dưới đây cho chương sau cùng của thiên khảo luận.

- Tiết I : Những nguyên tắc điều hướng cho chính sách đối với Hoa Kiều.

- A.- Phá vỡ tổ chức (biện pháp hành chánh)
- B.- Phá vỡ nếp sống (biện pháp xã hội, văn hoá)
- C.- Phá vỡ ý chí (biện pháp tuyên truyền chính trị)

- Tiết II : Một giải pháp cho vấn đề Hoa kiều tại VN

- A.- Tái lập 1 cơ quan đầu não có thực quyền và trách nhiệm.
- B.- Tái tục 1 chính sách dứt khoát, liên tục và kiên nhẫn.
- C.- Tái tuyển 1 hệ thống cán bộ nhiệt thành và sốnguốt.

ø

/Tiết I/ : Những nguyên tắc điều hướng cho chính sách đối với Hoa Kiều.

Trong những phần trên tôi đã nói, muốn đồng hoá 1 tập thể cần phải đánh đổ 3 yếu tố chính đã kết hợp giao hoà tập thể đó. Ấy là tổ chức, nếp sống và ý chí.

Phá vỡ tổ chức nằm trong phạm vi những biện pháp hành chánh, trong khi đó phá vỡ nếp sống thuộc các biện pháp văn hoá xã hội, và phá vỡ ý chí thuộc phạm vi tuyên truyền chính trị.

A.- Phá vỡ tổ chức :

Từ trước khi ban hành biện pháp bắt nhập Việt tịch và đồng hoá dần dần từ năm 1956, chính quyền VN đã nghĩ đến việc giải quyết khối Hoa kiều trên lãnh thổ VN. Công tác có 3 chiều hướng. Thứ nhất là bắt giam và thứ hai là trục xuất. Bắt giam là việc vô cùng thất sách và sẽ gây tạo 1 phản ứng tâm lý mạnh mẽ trong nước cũng như ngoài nước. Trục xuất có thể làm được

nếu đất nước không bị chia đôi, nhưng hiện thời có thể coi như VNCH cách xa biên giới Tàu bằng 1 lãnh thổ anh em ruột thịt nhưng thù nghịch về ý thức hệ : Bắc Việt, và lại chưa chắc gì Bắc Kinh cùng Đài loan chịu nhận, vì vậy giải pháp trực xuất cũng không ổn.

Chỉ còn 1 chiều hướng thứ 3 là đồng hoá về công tác đồng hoá trước tiên nhằm vào việc phổ võ tổ chức của họ.

Nguyên tắc căn bản cho vấn đề này là "nguyên tắc phân tán".

Nếu nơi nào xã hội Hoa kiều chưa tập trung thì tránh tập trung, nơi nào đã tập trung cần tránh tập trung hơn.

Chủ trương này không phải mới mẻ gì. Hồi tháng 7/1968 khi căn cứ Udorn của Mỹ ở Thái bị du kích quân cộng sản tấn công phá hoại, chính phủ Thái đã đòi hơn 40.000 Việt kiều từ miền Bắc xuống miền Nam.

Từ năm 1953, thủ tướng UNU đã tích cực vận động với Mỹ để giải giúp về tập trung hơn 2 trung đoàn tàn quân Trung Hoa dân quốc dưới quyền điều khiển của tướng LIMI bị Mao Trạch Đông đánh chạy về Bắc Miên cuối năm 1949. (1)

Vấn đề phân tán tập thể Trung Hoa tại VN cần được áp dụng trên 2 nguyên tắc chỉ đạo này. Trên thực tế, chính quyền ta cũng đã chú trọng như vậy. Có rất nhiều cơ sở y tế, giáo dục, thể thao, xã hội đã thiên vào Chợ lớn với mục đích trên (san Công Hoà, cư xá Nguyễn Văn Thoại, Trung Tâm Giáo dục Y Khoa, bến xe đò Hậu Nghĩa - Gò Công....) nhưng nhịp độ này vẫn còn chậm chạp và ở trong khía cạnh chủ quan của người Việt, xét về khía cạnh khách quan của Trung Hoa cần phải giới hạn sự quần tập của họ nhiều hơn nữa.

Chiều hướng này, theo tôi, nằm nhiều trong địa hạt hành chánh và có thể thu gọn qua vài ý kiến sau đây.

1. Khuyến khích người Việt vào cư ngụ tại các vùng đông Hoa kiều (Chợ lớn, các tỉnh).

2. Tạo thật nhiều hình ảnh VN trong các vùng này như xây thêm các chung cư cao ốc bán trả góp cho người Việt, các cơ sở hành chánh, giáo dục, y tế như là 1 lều đài thể thao (paleis de sport) dùng làm tâm điểm tổ chức. Á vận hội sau này mà VN sẽ đảm trách.

(1) Trần Văn Đĩnh, Hoa kiều tại Miên điện, QH 21, tr.136/

.../.

3. Phân tán và làm tán mác hình ảnh Trung Hoa trong các vùng này như buộc các người Việt gốc Hoa có xưởng máy phải lập ngoài khu vực Chợ lớn, giới hạn việc tạo mãi bất động sản của người Việt gốc Hoa trong vùng đã có đông đồng bào của họ cũng như chỉ cấp giấy phép xây cất nơi đây cho người Việt chánh tông.

Ngoài ra, đi xa hơn, có thể buộc 1 số khu vực có đông đảo đồng bào Việt gốc Hoa phải giải toả để dời sang trại tạm trú, sau đó cất lên cư xá bốn tré góp cho phân nửa người Việt phân nửa Việt gốc Hoa.

Kỹ thuật áp dụng là giải toả 1 lượt 2 khu, Khu Việt ở Sài Gòn, Khu Tàu ở Chợ lớn chẳng hạn rồi khi hồi cư tách mỗi bên 1 nửa trộn lẫn nhau.

Tôi thấy đây còn là lý do về sinh và thêm mỹ vì đa số nhà của đồng bào Việt gốc Hoa thật là tối tăm, ẩm thấp, lụp xụp làm mất vẻ mỹ quan của thành phố.

B.- Phá vỡ nếp sống :

Theo sự phân định của Maurice R. Davie (1) có tất cả 4 yếu tố thuận lợi và 3 yếu tố bất lợi cho việc đồng hoá :

4 yếu tố thuận lợi

- a/ thể hệ thổ sinh
- b/ định chế giáo dục công
- c/ cơ hội hoà đồng
- d/ hôn nhân hỗn hợp.

3 yếu tố bất lợi

- a/ nhân số đông đảo
- b/ phong tục khác biệt
- c/ ý chí bất đồng.

Vì vậy, vấn đề đồng hoá đã biến thiên theo 1 chiều đảo ngược và chính quyền đã vất vả hết sức khi giải quyết căn bản chia địa vị xã hội, kinh tế, chính trị trên tỉ lệ chênh lệch giữa người bản xứ và Hoa kiều.

Chính M.H. Fried, một học giả rất am tường về vấn đề Mã Lai đã nhận định "nếu chính quyền ở đây định cố gắng Mã lai hoá (Malayanize) người Trung Hoa thì chỉ có thể đạt đến một kết quả là "Hoa kiều hoá" (Sinicization) Mã lai mà thôi". (2)

(1) World Immigration, tr 551-563 /

(2) Colloquium on overseas Chinese.

Arnold Toynbee thực tế hơn đã quả quyết : "Tân gia Ba trước đây đã lập nên bởi Hoàng gia Anh nhưng hiện nay, nó là 1 đô thị Tàu, 1 thủ đô tương lai của khối thịnh vượng chung điều khiển bởi Trung Hoa." (1)

Phong tục khác biệt và ý chí bất đồng cũng là 1 trở ngại cho sự đồng hoá. Dân số Mã lai năm 1957 có 3 tập thể quan trọng nhất, 3.048.899 người Mã, 2.366.656 Trung Hoa và 740.436 Ấn Độ Ba khối dân này có 3 phong tục và ý chí khác biệt. (2)

Người Ấn theo Ấn giáo muốn được bảo vệ quyền lợi và đối đãi như thần dân Anh hoàng (thời thuộc Anh) và như công dân Mã (thời độc lập).

Người Tàu chỉ thích làm thương mại và theo đạo Khổng Lão.

Người Mã lo lắng cho vận mệnh đất nước và số đông theo đạo Hồi.

Vì vậy sự thoả thuận cuối cùng của chính quyền là tạm giao cho người Hoa kiều chuyên chú trong địa hạt kinh tế và người Mã trong địa hạt chính trị.

Trái lại, yếu tố thuận lợi càng mềm dẻo sự hoà đồng càng dễ dàng.

Tại VN, lược lại 7 yếu tố vừa thuận vừa bất lợi đó chúng ta sẽ thấy như sau.

Trong 3 yếu tố bất lợi VN chỉ có 1 (ý chí bất đồng), 2 yếu tố còn lại ảnh hưởng rất nhỏ nhoi, thứ nhất là dân số Hoa kiều tại VN chưa lấy gì làm đông đảo và thứ 2 là kiến trúc xã hội, phong tục VN và Trung hoa rất gần gũi nhau.

Trong 4 yếu tố thuận lợi, tiếc thay VN chỉ có 1 (thế hệ Hoa kiều thổ sanh đông đảo) còn 3 yếu tố kia chưa gọi là đầy đủ được.

- Chúng ta chưa có 1 định chế giáo dục toàn hảo để hoà lẫn con em Việt và Việt gốc Hoa chung lại, thông cảm và hiểu biết nhau hơn.

- chúng ta còn thiếu rất nhiều cơ hội để hoà đồng Việt Hoa.

(1) A journey round the world. /

(2) Trần văn Đĩnh, QH 17, Hoa kiều tại Mã Lai.

- Hôn nhân hợp chủng thật ra chỉ thuận về phía trai Việt lấy gái Tàu nhưng bất lợi về phía trai Tàu lấy gái Việt và điều thứ nhất ở nước ta thật ít xảy ra.

Chính vì thế mà 1 chính sách đồng hoá Hoa kiều hữu hiệu phải dựa trên căn bản phát huy những lợi điểm và khắc phục những bất lợi nói trên.

Chiều hướng này theo tôi, nằm nhiều trong địa hạt văn hoá, giáo dục và xã hội nói chung có thể thu gọn qua mấy trọng điểm dưới đây.

1) Về giáo dục : Cấm tuyệt hẳn việc bành trướng các định chế giáo dục Hoa kiều, cưỡng bách học Việt ngữ và kiểm soát gắt gao việc giảng dạy tại các trường Việt gốc Hoa còn lại, nếu có thể sẽ cải tiến hẳn thành các trường VN hoàn toàn với giáo sư Việt, học sinh lẫn lộn Việt gốc Hoa.

Một khi dứt chiến tranh, định chế giáo dục công được toàn hảo, sẽ cưỡng bách phụ huynh Việt gốc Hoa phải gởi con em đến theo học.

2) Về văn hoá : hạn chế tối đa việc nhập cảng các sách báo phim, đĩa hát Tàu để dần dần ảnh hưởng của văn hoá Trung Hoa với các thanh niên Việt gốc Hoa.

Phát động việc truyền bá quốc ngữ trong giới Việt gốc Hoa, dưới 1 hạn tuổi nào đó phải biết đọc biết viết tiếng Việt, khuyến khích phong trào khảo chữ và đọc sách báo Việt ngữ.

(Thật ra điểm này không phải mới lạ, luật Mã lai năm 1957 (1) đã buộc các kiều dân chuyển tịch theo thể lệ đăng ký (by registration) phải có hạnh kiểm tốt, ý muốn trường trú và hoà đồng cùng biết tiếng Mã).

3) Về xã hội :- tạo nhiều cơ hội hoà đồng giữa người Việt và người Việt gốc Hoa như là phát động sâu rộng trong giới Hoa kiều thổ sanh (2) là thành phần dễ đồng hoá như khuyến khích gia nhập các đoàn thể, hội ái hữu VN, thợ thuyền Việt gốc Hoa phải gia nhập lực lượng Lao động VN.

(1) Đoàn Thêm, Lược khảo về Hiến pháp các nước Á châu, NCHC số 59.

(2) Minh Hương ở VN, ở Nam dương gọi là Peranakan, ở Tân gia Ba gọi là BABA.

- Ngược lại cũng cần hạn chế tối đa việc mở các Hội Chùa, Từ thiện, du hí trong giới Việt gốc Hoa cũng như kiểm soát chặt chẽ việc quản trị tài sản còn lại của các Lý sự Hội Quán Trung hoa.

4) Về nhân chủng : Khuyến khích hôn nhân hỗn hợp (inter-marriage).

C.- Phá vỡ ý chí :

Nếu nếp sống và tổ chức là 2 cực diện tĩnh và phát lộ thì ý chí chính là địa hạt thâm kín nhưng sôi động nhất.

Phá vỡ ý chí cũng như thành kiến còn khó khăn hơn là phá vỡ 1 hạt nhân nguyên tử.

Trong chiều hướng này, tôi nghĩ 1 mặt cần gieo ý thức cảnh giác trong đầu người Việt để hỗ trợ cho chính sách đề ra nhưng mặt khác cũng cần tạo nhiều khó khăn để đánh tan ý chí kết hợp và tái kết hợp của người Việt gốc Hoa sau mỗi đợt biện pháp được ban hành.

Thiết tưởng có 3 nguyên tắc chỉ hướng sau đây cần được tôn trọng :

1) Biện pháp phá vỡ :

Đây không phải là 1 công tác dễ dãi và nhẹ nhàng, nó cần được chia làm 2 khía cạnh cùng tiến hành 1 lượt.

- mặt phải của vấn đề : tách rời người Việt gốc Hoa ra khỏi tầm ảnh hưởng của sự quản Trung Hoa dân quốc, hạn chế số người về thăm Đài loan.

- mặt trái của vấn đề : ban hành những luật lệ hạn chế những hoạt động có tính cách tập đoàn của người Việt gốc Hoa. Mọi hình thức nhằm kết hợp lại ý chí quần tụ như diễn thuyết, sinh hoạt (trừ sinh hoạt tôn giáo thờ cúng) đều phải hạn chế gắt gao.

2) Biện pháp xây dựng lại :

Công tác này cần kiên nhẫn và tế nhị cũng như cần 1 lớp cán bộ trung kiên, thông suốt chủ trương chính sách phụ lục.

- lôi kéo người Việt gốc Hoa vào đời sống Việt bằng cách cưỡng bách họ làm nhiệm vụ công dân, trừng trị các gia đình có con em không thi hành quân dịch cũng như dành để dài có những gia đình có con cái xung phong, bằng sự hỗ trợ của các biện pháp giáo dục xã hội đã nói ở trên

- nắm giữ họ trong đời sống Việt bằng cách lôi cuốn 1 số đồng bào Việt gốc Hoa thành thật có ý muốn hoà đồng vào công tác Hoa vận tuyên truyền cho chính sách hợp nhứt và tinh thần chống Cộng.

3) Biện pháp điều chỉnh :

Biện pháp này mang hình ảnh bộ phận tiết chế trong máy hơi nước watt, nếu khối lượng hấp nạp quá nhiều tự nó đóng bình hơi lại, nếu quá ít nó sẽ mở ra.

Tương tự cho chính sách Hoa vận, cơ chế này sẽ tự động loại 1 số thành phần bất hảo hoặc kết nạp thêm thành phần tốt.

Chiều hướng này có 2 cực diện :

- cho trở về quốc tịch Trung Hoa những người Việt gốc Hoa nào tỏ ý ngoan cố không muốn giữ quốc tịch VN, nếu cần trục xuất họ với gia đình.

- lập trại cải tạo và tẩy não những thành phần bất hảo nhưng còn có thể dung nạp được.

Trên đây là những điểm chính yếu có thể gọi là nguyên tắc chỉ đạo có lý thuyết Hoa vận tại VN bao gồm trong 3 khía cạnh : phá vỡ tổ chức, nếp sống và ý chí.

Về việc phá vỡ tổ chức có 3 nét quan yếu

Về việc phá vỡ nếp sống có 4 nét quan yếu

Về việc phá vỡ ý chí có 3 nét quan yếu

Tôi xin được phép và được quyền gọi đó là CÔNG THỨC 3-4-3 để làm sườn cho chính sách đối với Hoa Kiều tại VN sau này.

CÔNG THỨC 3-4-3 của tôi chỉ nằm trong các địa hạt chính trị, hành chánh và xã hội tổng quát (văn hoá, giáo dục nhân chủng) mà thôi, nó không đề cập đến các biện pháp kinh tế.

Tôi rất tiếc, giới hạn nghiên cứu của tôi chỉ nằm trong phạm vi HÀNH CHÁNH tổng quát nên với các chi tiết về phương sách kinh tế có lẽ tôi không được chuyên môn, giả dụ nhận định thì có thể sát sự thật chứ đặt ra 1 đường lối giải quyết có lẽ không hơn được 1 bạn sinh viên theo BAN KINH TẾ TÀI CHÍNH, tôi xin dành lại cho các bạn khoá CAO HỌC sau dùng làm đề tài nghiên cứu làm luận văn tốt nghiệp, tuy nó hẹp nhưng có lẽ súc tích, cô đọng và phong phú hơn nhiều.

Sau đây tôi xin đi vào Tiết II.

Tiết II : một giải pháp cho vấn đề Hoa Kiều tại VN :

Tôi nghĩ, 1 sai lầm nhỏ của miền Nam tự do từ năm 1954 đến nay là quá câu nệ vào sự xếp loại tầm quan trọng, trội yếu, quan yếu, và thứ yếu của kế hoạch.

Có lẽ tôi cũng có cái tâm trạng đó nên đã coi vấn đề Hoa kiều tại VN là 1 vấn đề lớn sau cuộc chống Cộng và cải tạo xã hội ở Phần dẫn nhập, chúng ta nên gạt bỏ cái quan niệm không hợp lý này hay không ?

Chẳng hạn như nhiều người cứ bảo rằng ưu tiên số 1 của quốc gia là chống Cộng (đồng ý) số 2 là Xây dựng nông thôn (1) , kể đó là cái ưu tiên xã hội, thông tin, chiếu hồi

Đúng lý 1 sự hoạch định hiệu quả cần chú mục vào đủ mọi lĩnh vực và không nhất thiết phải đổ dồn mọi nỗ lực vào 1 hay 2 vấn đề trội yếu.

Ở miền Nam đã có bao nhiêu người được xuất ngoại học về điện ảnh, về khí tượng, về thiên văn, về điều học, về hầm mỏ, về khoa học, không gian, dẫn thủy nhập điền

Đó là những lĩnh vực trong thời bình nhưng không chuẩn bị cây lấy gỗ ngày mai vỡ đất, không cất giống lấy gỗ ngày mai gieo hạt.

Bảo rằng cho sinh viên xuất ngoại, e rằng hoàn cảnh sung sướng và bảo đảm ở ngoại quốc khiến họ không chịu trở về là sai, chúng ta có đến 2 cách để ràng buộc họ lại với quê hương, thứ nhất là về vật chất, điều kiện du học sẽ đặt ra vài bảo đảm về thân nhân, tài sản thật chặt chẽ, thứ hai là ràng buộc về tinh thần.

(1) Theo tôi Xây dựng nông thôn có 2 khía cạnh thứ nhất xây Ấp Tân sinh thiên về quân sự tức là chống Cộng rồi, thứ 2 phát triển tân sinh hoạt thôn quê tức là cải tiến nông thôn thiên về xã hội hơn.

Trong thời Duy Tân Nhật bản, tất cả sinh viên Nhật du học đều được Thiên Hoàng ban ngự tửu và dẫn dò, tuyên hức trung thành với tổ quốc cũng như gắng công thu thái tinh hoa của nước người mang về xứ.

Nghĩ lẽ nhiều khi không phải là vô bổ.

Lại bảo rằng cho sinh viên xuất ngoại là bất công so với số còn lại trong nước, tôi thiết tưởng bất công chỉ có trong giai đoạn tuyển lựa chứ không có trong giai đoạn xuất ngoại, và chẳng lẽ triết gia Hy Lạp đã nói "cần tạo sự công bằng bởi sự bất công".

Bất công đây là bất công giữa 1 đạ số so với 1 thiểu số, nhưng công bằng đây là công bằng của dân tộc, được cường thịnh và ngang hàng các quốc gia bạn khi lớp tinh hoa này ở ngoại quốc về.

Trở lại vấn đề Hoa kiều ở VN, tôi trộm nghĩ, có lẽ chính vì sự sắp xếp tự tự ưu tiên mà từ sau ngày cách mạng đến nay nó bị chìm trong lãng quên.

Qua những phân tích vụng vè của tôi trong 5 chương trước, có lẽ đủ để chúng ta nhận thấy là cần thiết phải đặt lại toàn bộ chính sách đồng hoá khối đồng bào Việt gốc Hoa tại VN hiện tại.

Tôi nghĩ, không thể chần chờ được nữa, cần phải :

- tái lập 1 cơ quan đầu não để đảm trách và theo dõi kế hoạch Hoa vạn.

- tái tục 1 chính sách hữu hiệu hơn.

- tái tuyển 1 hệ thống cán bộ nhiệt huyết và trung kiên hơn.

A.- Cần tái lập 1 cơ quan đầu não :

Tôi không cần nhắc lại vai trò của 1 cơ quan đầu não trong lý thuyết chỉ huy.

Tôi chỉ muốn nhấn mạnh rằng trên sự rời rạc của chính sách đối với Hoa kiều tại VN ngày nay, có rất nhiều sai biệt giữa quá khứ và hiện tại, giữa lý thuyết và thực tế.

Sự sai biệt đó càng ngày càng lớn theo 1 kích thước bất lợi cho chủ quyền kinh tế và sự đồng nhất xã hội của VN.

.../.

Cần phải có 1 cơ quan đầu não để san bằng gấp rút sự sai biệt đó. Phân tán chính sách cho 1 Hội đồng Liên Bộ là thiếu sự hợp nhất và thông nhất hoá hành động.

Cần phải có 1 cơ quan đầu não để theo dõi, đôn đốc, kiểm soát và lượng giá mức độ thành bại theo từng chu tuần kế hoạch phác hoạ ra trước.

Chu tuần đó có thể rất lâu, 20 năm, 40 năm, 1 thế kỷ nhưng phải là 1 chu tuần đều đặn liên tục.

Về danh xưng của cơ quan đầu não đề nghị này, có nhiều cách gọi :

- Một Phủ Đặc ủy Việt gốc Hoa Sự vụ trực thuộc Phủ Tổng Thống
- Phủ Thủ Tướng
- Một Nha Việt gốc Hoa Sự vụ trực thuộc Bộ Sắc Tộc
- Bộ Nội Vụ.

Có nhiều lý do thầm kín khiến tôi nghĩ rằng hình thức thứ 3 sẽ thất bại.

Riêng tôi, tôi không thấy lý do gì để bác bỏ sự tốt đẹp của giải pháp số 1. Tuy nhiên, 1 cơ quan đầu não như vậy theo tôi cần có các điều kiện sau đây :

- Một Phủ Đặc ủy để giảm tính cách lệ thuộc của Tổng Nha vào cơ quan cấp Bộ hay Phủ Tổng Thống. Nhưng vẫn dùng 1 hệ cấp với Tổng Nha để dễ "nói chuyện" các Nha thuộc Bộ khác.

- Phải trực thuộc Phủ Tổng Thống để bên cạnh vị thế độc lập của 1 Phủ, khi cần có thể dựa vào uy tín của cơ quan tối cao trung ương để dễ phối hợp các Nha thuộc Bộ khác.

- Phải có đầy đủ QUYỀN HẠN và TRÁCH NHIỆM để công tác tiến hành mau chóng và hiệu quả.

Ngoài ra chính nhờ ở sự tập trung kế hoạch vào 1 cơ quan duy nhất mà vấn đề TRỰC NHIỆM mới được đặt ra, nếu không sẽ dễ xảy ra tình trạng dậm chân hay tệ hơn buông trôi của các Bộ có phần vụ liên hệ.

Có thể đặt 1 giải pháp như vậy sẽ bị Lập pháp công kích nhưng tôi tưởng; mặc dù sự tái lập ĐƯU Việt gốc Hoa Sự vụ là 1 động tác chính trị, nó tăng quyền cho Phủ Tổng Thống (1)

(1) Không thể đặt trực thuộc Phủ Thủ Tướng vì chức vụ Thủ Tướng có thể thay đổi về cơ cấu biến thái theo, mà kế hoạch Hoa vận cần duy trì liên tục.

(và đó là lý do mà Lập pháp sẽ công kích) nhưng thật ra Bộ Tham mưu của PDU vẫn là 1 hệ thống chuyên môn hướng về việc phục vụ sự hợp nhất quyền lợi dân tộc hơn là theo đuổi mục tiêu chính trị.

B.- Cần tái tục một chính sách hữu hiệu hơn :

Những công thức đồng hoá cũ thời Ô. Diệm thật là chi tiết và xúc tích, tuy nhiên nó chưa được hệ thống hoá và khoa học hoá theo những điểm trọng yếu : phá đổ ý chí, sinh hoạt và tập thể của khối người Việt gốc Hoa.

Tất cả thông tư thời ấy chỉ là 1 sự chi tiết hoá các đường nét mà thôi. Tuy nhiên tôi hết sức tán thành với giáo sư Nguyễn Văn Vàng, nguyên đặc ủy trưởng Trung Hoa Sự vụ rằng chính sách hữu hiệu đòi hỏi 3 điều kiện :

- dứt khoát và cương quyết
- kiên nhẫn, chờ đợi 1 thời gian dài
- liên tục và hợp nhất.

Tôi nghĩ duy trì được 3 chủ tính này, và hướng về 3 tiêu điểm đã nói trong tiết I bằng cách áp dụng CÔNG THỨC 3-4-3 theo từng giai đoạn hoặc song hành, hoặc tuần tự, chắc chắn một ngày mai không xa, vấn đề Hoa kiều sẽ không còn là một chướng ngại cho VN trên đường khôi phục tiềm năng kinh tế và thống nhất xã hội nữa.

C.- Cần tái tuyển 1 hệ thống cán bộ nhiệt huyết và trung kiên.

Cán bộ quyết định sự thành bại cho 1 chính sách vì vậy không thể tái tuyển cán bộ cũ của Nha Trung Hoa Sự vụ theo đường lối tái tuyển của các nhân viên ngạch Quốc Hội gần đây.

Với nhiệm vụ khá phức tạp và khó khăn, vai trò của nhân viên trong kế hoạch này cũng hết sức tế nhị cam go. Nó vừa có tính cách hi sinh vừa có tính cách phòng gian bảo mật.

Chính cần hi sinh nên mới đòi hỏi sự nhiệt huyết của cán bộ.

Chính cần phòng gian bảo mật nên mới đòi hỏi sự trung kiên của cán bộ.

Vì vậy, nghĩ vung về, tôi thấy nên tuyển bằng đường lối tình nguyện, có thể ý kiên tôi quá tầm thường nhưng thiếu yếu tố tình nguyện, tinh thần phục vụ sẽ rơi vào trạng thái nha sảng và chiếu lệ.

Một cuộc diễn thuyết luân lưu giữa nhân viên các Bộ ở Trung ương về đề tài này không phải là khó cũng như việc kêu gọi số người tình nguyện chuyển nhiệm sở vậy.

Tôi không thấy gì khó khăn và mệt trí để làm công tác này chung với 1 số bạn bè đồng khoá thành tâm thiện chí.

Nhân số cán bộ không cần đông, nhưng chính sự học hỏi và tình nguyện sẽ là yếu tố tích cực hơn, chủ động hơn giúp giải quyết bài toán đồng hoá người Việt gốc Hoa trong tốt đẹp và hiệu quả.

----- 8 -----

PHẦN

II - (H T - II U A N

đ

Vấn đề Hoa kiều ở Việt Nam cho đến bây giờ vẫn còn đặt cho chính quyền nhiều sự lo âu trọng đại.

Trước nhất về phương diện xã hội tập thể Trung Hoa tại Việt Nam vẫn là 1 dị trạng trong cộng đồng lớn rộng Việt Nam, nhiều tác giả còn bị quan hôn gọi đó là 1 quốc gia trong 1 quốc gia.

Nguy cơ đồng nhất xã hội đang bị đe dọa vì hiện tại với người Việt gốc Hoa dù mang Việt tịch họ vẫn quá ràng buộc với 1 cơ cấu Trung Hoa nguyên thủy. Cơ cấu đó đã bị xoá bỏ trên giấy tờ nhưng trong thực tế nó vẫn còn giữ nguyên 1 màu sắc cũ, vô hình vì hun đúc bởi một số phong tục cổ truyền, tập quán ước lệ và lợi hại vì đó là 1 khó khăn cho mọi chủ trương quốc gia cần có sự đóng góp tích cực của toàn dân.

Ví dụ công tác chống Cộng, Nhân dân tự vệ, cải tạo xã hội....

Thứ nữa là về phương diện kinh tế, tập thể Trung Hoa tại Việt Nam vẫn chưa thành thật chen vai với người Việt trong công tác gây tạo lại tiềm năng kinh tế, với họ chỉ có khai thác kinh tế để làm giàu chứ không có khuếch trương kinh tế để nhằm phục vụ cho sự thịnh vượng chung của xứ sở.

Vì vậy, đặt lại để giải quyết nguy cơ kinh tế hiện còn trong tay người Việt gốc Hoa là 1 biện pháp cần thiết và cấp bách.

Sau hết, là về phương diện chính trị đây liên lạc mật thiết của người Việt gốc Hoa tại Việt Nam vẫn còn, qua ngõ Cambodge họ vẫn thỉnh thoảng nhận "thư nhà" về tin tức thân bằng quyến thuộc.

Tệ hơn nữa, 1 số đông hoạt đầu lại cấu kết với Trung Cộng để mong lôi trọn Việt Nam vào hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Chính từ 3 tế phân trên mà mọi quan tâm cần phải dồn tất cả nỗ lực.

Tôi vừa phân tích trong 6 chương liên tiếp, sự xuất hiện của cộng đồng Hoa kiều, vai sắc thái, vai ảnh hưởng của họ cũng như trình bày, phê bình và đề nghị 1 chính sách Hoa kiều tại Việt Nam.

Có thể trong 3 chương đầu, tôi đã bị chìm ngập vào các chi tiết thu thập được nên không kịp sắp xếp và cô đọng lại cho sáng sủa.

Có thể trong 3 chương sau, tôi đã quá chú quan khi trình bày chính sách, nhất là phê bình cũng như quá lạc quan khi đề nghị 1 giải pháp chưa lấy gì làm hữu hiệu lắm trong giới hạn mẫn tiệp và mạch lạc của kiến thức.

Tôi biết sự thành bại của 1 chính sách không cứ phạm vi nào, còn tùy thuộc vào 1 hệ thống chỉ huy sáng suốt, 1 lớp cán bộ trung kiên và tận tụy.

Ngoài ra như tôi đã trình bày, trong tất cả mọi biện pháp giải quyết vấn đề người Hoa kiều tại VN, chỉ có phương thức xã hội là có tính cách quyết định nhất.

Thanh toán được căn bản này tức đã lôi kéo tập thể Hoa kiều vào cộng đồng Việt Nam, biến họ thành dân Việt hoàn toàn từ cách sinh hoạt đến lối suy tưởng, phản ứng, đương nhiên các trở lực kinh tế chính trị sẽ không còn lý do tồn tại.

Và công tác này đòi hỏi nhiều kiên nhẫn tế nhị hơn là gấp rút, mạnh bạo.

Có người vẫn bảo, phải chờ đến khi lớp Hoa kiều lớn tuổi (50-60) chết đi, và lợi dụng cơ hội hoà đồng để hội nhập lớp Hoa kiều thổ sinh vào đời sống Việt bằng các biện pháp văn hoá, giáo dục, quên dịch, chia sẻ trách nhiệm và lo lắng, san bằng những hố sâu về tư tưởng, tình cảm, thì lúc đó sẽ không còn tình trạng 1 quốc gia trong 1 quốc gia, 1 áp lực kinh tế trở ngại cho việc hưng thịnh và phú cường của dân tộc

cũng như sẽ không còn những nguy cơ về chính trị đã và đang lớn mạnh do âm mưu thôn tính Á Châu của Trung Cộng.

Tôi thấy điều này đúng.

Tuy nhiên để đi tới đích nhắm đó, cần có sự tiếp tay của đồng bào Việt chính tông, ý thức được quyền lợi và sự sống còn của dân tộc cũng như cần có sự hợp tác thành thật của 1 số người Việt gốc Hoa thiết tha với ý muốn sống chung thuận thảo.

Tôi biết thành phần Việt gốc Hoa có thực tâm này không phải là ít. Họ đã và đang chia sẻ với chúng ta sự ưu tư và cương quyết trong công cuộc chống Cộng và ngăn chặn sự đổ vỡ 1 hệ thống luân lý cổ truyền trong đó quyền ngôn luận được đảm bảo, tín ngưỡng được tôn trọng, cũng như trong đó quyền sở hữu văn có giá trị tuyệt đối nhất là quyền sống thiêng liêng, quyền bình đẳng giữa con người và con người ở đâu, bao giờ văn được tôn tưng và đề cao.

Dân tộc Việt hiếu hoà và yêu nước sẽ sẵn sàng đón nhận họ vào cộng đồng quê hương rộng lớn.

Chúng ta, người Việt hiếu hoà sẽ sẵn sàng cởi bỏ mặc cảm trả thù vì tổ tiên đã bị Trung Hoa thống trị hơn 1.000 năm dằng dẳng, sẵn sàng cởi bỏ thành kiến xấu đối với thể hệ thổ sinh cũng như thể hệ Hoa kiều trước đây đã tiếp tay với Pháp bóc lột người Việt trong giai đoạn toàn dân còn mang nặng ách thống trị của ngoại xâm Pháp.

Tuy nhiên chúng ta, người Việt yêu nước cũng sẽ dứt khoát lập trường, nhất định không để cho Việt Nam biến thành 1 chư hầu lân quốc của Trung Cộng mười năm sau.

Để gây tạo nên hào khí này, hơn ai hết chúng ta trước tiên cần chứng tỏ với các đồng minh các quốc gia bạn ở Đông Nam Á nhiều lần nữa rằng không có 1 Việt Nam phân hoá, chia rẽ, yếu hèn, chỉ có 1 Việt Nam tự cường và phấn đấu.

Xin cùng với tôi tin tưởng và ước mơ đến 1 ngày Việt Nam không thấy áp lực ngoại bang nào đè nặng trên giải đất này, không thay 1 bất đồng trong nguồn gốc xã hội, nhân chủng và chủ quyền kinh tế. Sự thuần nhất chủng tộc, thể năng động chính trị sẽ được phát huy mạnh mẽ.

Xin cùng với chúng tôi hi vọng.

Sài Gòn
Tháng 7 âm lịch nhuận
Năm Mậu Thân

Lưu-Trường-Khuông

X
XXX
XXXXX
XXXXXXX
XXXXXXXXX
XXXXXXXXX
XXXXX
XXX
X

ÀI LIỆU THAM KHẢO

---XX---

I. SÁCH :

* Anh ngữ :

- A. Toynbee, A journey round the world.
- R.S. Gendry, China and her neighbours.
- Tibor Mende, China and her shadow
- M.H. Fried, Colloquium on overseas China
- A. Barnett, Communist China and Asia
- R.S. Elegant, Peking and the overseas chinese.
- V.M.L. Thompson, Minority problem in South East Asia.
- Woodrow Wyatt, Southward from China.
- Maurice R. Davie, World Immigration.
- Herold J. Wiens, China's march toward the tropic.
- Chatham House, Collective defense in S.E.A.
- H.C. Hinton, China's foreign relation with Burma and VN.

* Pháp ngữ :

- Marcel Monnier, China le tour d'Asie.
- Le Baron de Bazancourt, les Expéditions de Chine et de Cochinchine
- Jean Escana, la Chine
- Roger Lévy, Regard sur l'Asie
- Louis Salaun, l'Indochine
- E. Delamarre, l'émigration et immigration ouvrière en Indochine.
- Dr. Bauriac, la Cochinchine et ses habitants.
- H. Lsi Cho, les origines du conflit Franco-Chinois
- A. Bouinais et A. Paulus, la Cochinchine contemporaine
- G. Taboulet, la geste Française en Indochine
- Paris Exposition de Roubaix, l'Indochine en 1911
- M. H. Fortunel, Les Chinois et leur activité économique en Indochine.
- Nguyễn thiệu Lâu, La formation et l'évolution du village de Minh Hương.
- C. Robequain, L'Indochine française.
- Léon Pagès, Histoire de la religion chrétienne au Japon.

* Việt ngữ :

- Phạm xuân Độ, Việt sử dân giải.
- Sơn Nam, Tìm hiểu đất Hậu giang.
- Lê xuân Sướng, Vai trò ngoại kiều trong nền Kinh tế VN.

.../.

II- Tạp chí :

* Anh ngữ :

- The Far Eastern Economic Review, 1/1958.

* Pháp ngữ :

- Histoire 1967, la naissance de l'Israel.
- Revue juridique et politique, no 2, 1965/Avril-Juin.
- Revue politique et parlementaire, économique et financière, No 768, Juin 1967.
- Revue Indochinoise 1909, W. Dampier.

* Việt ngữ :

- Trên văn Đỉnh :

- Hoa kiều tại Nam Dương, Quê Hương 15
- " " Mã lai, QH 17
- " " Thái lan, QH 18
- " " Phi luật Tân, QH 19.
- " " Miến điện, Đông dương, QH 21
- " " Đông Nam Á, QH 22.
- Nguyễn văn Vàng, Hoa kiều tại VN, Hành chánh khảo luận 8.
- Đỗ trọng Chu, Hoa kiều tấn công DNA, Bách Khoa 2.
- Việt Anh, Hoa kiều tại DNA, Bách khoa 164, 165.
- Chen Ching Ho, Mấy điều nhận xét về Minh Hương xã, Việt Nam Khảo cổ tạp san số 1, 2, 3 năm 1962.
- L'Aurousseau, Tạp chí Viễn đông bác cổ, số 23, 1923.
- Phạm đình Khiêm, xã hội VN thế kỷ 17 dưới mắt giáo sĩ Bá Đa Lộc, VN Khảo cổ Tạp san 1962.
- Toan Ánh, Hôn nhân dị chủng, Chọn lọc, 77, 1967.
- Francois Sully, Đường mòn Hồ chí Minh, Bán NS Thời Nay trích dịch.
- Đoàn-Thêm, Lược khảo về Hiến Pháp các nước Á châu, NCHC 59

III- Linh tinh :

- Các nhật báo Việt ngữ: Thời Thế, Ngôn luận, Xây dựng, Bình Minh, Trắng đen, Chính Luận, Sống, Quyết Tiên, Tiền tuyến.
- các nhật báo Hoa ngữ: Đại hạ Tân việt văn báo, Thành Công.
- Tài liệu của Tổng bộ An Ninh, Bộ Thông tin, Tổng Nha CSQC (Sở Ngoại kiều), Bộ Canh nông, Bộ Công Kỹ nghệ, Thương Mãi, Kinh Tế, Tài chánh, Giao thông Vận tải, Giáo dục, Bộ Ngoại Giao, Toà Đô Chánh, Việt Tân Xã.